**GIÁO ÁN DẠY THÊM NGỮ VĂN 7 HỌC KỲ I**

***Ngày soạn:...../.... / 2021***

***Ngày dạy::...../.... / 2021***

**Chuyên đề 1: Rèn kỹ năng viết đoạn văn cảm thụ văn học**

**I. Mục tiêu bài dạy**

1) Kiến thức: Giúp học sinh củng cố lý thuyết thế nào là cảm thụ văn học, kỹ năng cần có khi viết đoạn văn cảm thụ văn học.

2) Kỹ năng: Giúp cho học sinh, có kỹ năng viết một đoạn văn về cảm thụ văn học, có năng lực cảm thụ văn học một các sâu sắc tinh tế.

3) Thái độ: Bồi dưỡng cho học sinh lòng say mê yêu thích môn văn, kiên trì rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn về cảm thụ văn học.

\* Trọng tâm: Luyện tập rèn kỹ năng

**II. Chuẩn bị**

+ Thầy: SGK, SGV, tài liệu liên quan, GA

+ Trò: SGK, vở ghi chép, tài liệu liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. ổn định tổ chức
2. KTBC
3. Bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung hoạt động** |
| - GV: Gọi HS nêu cách hiểu.  - GV: Nhận xét  - GV: Chốt ý, yêu cầu học sinh ghi.  GV: nêu kỹ năng cần có khi viết văn CTVH  - GV nêu các bước khi viết đoạn văn CTVH.  - Bước 1 ?  - Bước 2 ?  - Bước 3 ?  - GV hướng dẫn cách trình bày.  + Cách 1 ?  + Cách 2 ?  GV: Lưu ý  - GV: Luyện cho học sinh kỹ năng làm các bài tập về cách dùng từ, đặt câu sinh động.  BT1: Yêu cầu học sinh đọc đề.  ? Tìm từ láy trong đoạn thơ.  ? Cho biết từ láy ấy diễn tả điều gì?  ? Cho biết nó hay ở chỗ nào.  - Yêu cầu HS làm bảng.  - GV nhận xét.  BT2: Yêu cầu học sinh đọc kỹ đề  ? Tìm những từ láy tượng thanh  ? Tìm những từ láy tượng hình  -> Nêu tác dụng của những từ láy đó.  ? Từ láy đó góp phần diễn tả được điều gì?  - Yêu cầu học sinh làm nháp  - Yêu cầu trình bày  - GV: Bổ sung.  - GV: Cho HS đọc kỹ đề bài  - Chọn hình ảnh mà mình yêu thích  - Giải thích được vì sao mình thích  - Trình bày ra nháp  - GV chấm, nhận xét  - Cho HS hình ảnh đói lập  ? Qua hình ảnh ấy, tác giả muốn diễn tả điều gì?  - HS viết ra nháp  - GV: Chấm, nhận xét  - GV cho học sinh ôn lại các biện pháp tu từ nghệ thuật đã học  - Kể tên các biện pháp tu từ nghệ thuật, nêu đặc điểm và lấy ví dụ.  ? Thế nào là nghệ thuật ẩn dụ? Lấy ví dụ minh họa  ? Thế nào là biện pháp nghệ thuật hoán dụ? Lấy ví dụ minh họa.  ? Thế nào là biện pháp điệp ngữ.  Lấy ví dụ.  ? Thế nào là biện pháp đảo ngữ?  Lấy ví dụ  GV giao bài tập về nhà  4. Củng cố dặn dò  Gv: Khái quát khắc sâu kiến thức.  - HS làm bài tập về nhà  - Chuẩn bị tiếp chuyên đề 1 | **A. LÝ THUYẾT**  **I. Khái niệm: Thế nào là cảm thụ văn học**  *1. Cảm thụ văn học* ( CTVH) là sự cảm nhận những giá trị nổi bật, những điều sâu sắc, tế nhị và đẹp đẽ trong văn học, thể hiện trong tác phẩm ( cuốn truyện, bài văn, bài thơ) hay một bộ phận của tác phẩm ( đoạn văn, đoạn thơ) thậm chí là một từ ngữ trong câu văn, câu thơ.  *2. Kỹ năng cần có khi viết đoạn văn CTVH*  - Khi đọc hoặc nghe một câu chuyện, một bài thơ mà ta không những hiểu mà còn phải xúc cảm, tưởng tượng và thật sự gần gũi “ Nhập thân” với những gì đã đọc. Đọc có suy ngẫm, tưởng tượng và rung động thật sự sẽ giúp ta viết bài văn cảm thụ tốt.  *3. Các bước khi viết đoạn văn CTVH*  Bước 1: Đọc kỹ đề bài, nắm chắc yêu cầu của bài tập ( Trả lời được điều gì? Nêu bật được ý gì?)  Bước 2: Đọc và tìm hiểu về câu thơ ( câu văn) hay đoạn trích.  - Đọc: Đọc diễn cảm đúng ngữ điệu ( đọc thành tiếng, đọc thầm) đọc đúng, diễn cảm sẽ giúp mạch thơ, mạch văn thấm vào hồn các em một cách tự nhiên, gây cho các em những cảm xúc, ấn tượng trước những tín hiệu nghệ thuật xuất hiện.  - Tìm hiểu: Dựa vào yêu cầu cụ thể của bài tập như cách dùng từ, đặt câu, cách dùng hình ảnh chi tiết, cách sử dụng biện pháp nghệ thuật quen thuộc như so sánh, nhân hóa cùng với những cảm nhận ban đầu, qua việc đọc sẽ giúp các em cảm nhận được nội dung, ý nghĩa đẹp đẽ, sâu sắc toát ra từ câu thơ, câu văn.  Bước 3: Viết đoạn văn khoảng 10 - 12 dòng, hướng vào yêu cầu của đề bài.  - Đoạn văn có thể bắt đầu bằng một câu “Mở đoạn” để dắt người đọc hoặc trả lơi thẳng vào câu hỏi chính; Tiếp đó cần nêu rõ các ý theo yêu cầu của đề bài; Cuối cùng có thể nêu “đoạn kết” bằng một câu ngắn gọn để gói lại nội dung cảm thụ.  *4. Cách trình bày đoạn văn cảm thụ.*  a. Cách 1: Ta mở đầu bằng một câu khái quát ( như nêu ý chính của một đoạn thơ, đoạn văn) Những câu tiếp theo là những câu diễn giải nhằm làm sáng tỏ ý khái quát mà câu mở đoạn đã nêu ra. Trong quá trình diễn giải ra kết hợp nêu các tín hiệu, các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng để tạo nên cái hay, cái đẹp của đoạn thơ ( đoạn văn).  b. Cách 2: Mở đầu bằng cách trả lời thẳng vào câu hỏi chính ( nêu tín hiệu, các biện pháp nghệ thuật góp phần nhiều nhất để tạo nên cái hay, cái đẹp của đoạn thơ ( đoạn văn) Sau đó diễn giải cái hay về nội dung. Cuối cùng kết thúc là một câu khái quát, tóm lại những điều đã diễn giải ở trên (như kiểu nêu ý chính của đoạn).  ***\* Lưu ý***: Đoạn văn CTVH cần được diễn giải một cách hồn nhiên, trong sáng và bộc lộ cảm xúc, cần tránh hết mức mắc lỗi: Chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt dài dòng.  **B. LUYỆN TẬP**  **I. Dạng 1:** Bài tập tìm hiểu về cách dùng từ đặt câu sinh động.  Bài 1: Tìm từ láy trong đoạn thơ dưới đây. Nêu tác dụng gợi từ của các từ láy đó.  *“ Quýt nhà ai chín đỏ cây*  *Hỡi em đi học hây hây má tròn*  *Trường em mấy tổ trong thôn*  *Ríu ra ríu rít chim non đầu mùa”*  ( Tố Hữu)  Bài làm  - Các từ láy trong đoạn thơ trên là: Hây hây, ríu ra ríu rít  - Tác dụng:  + Hây hây chỉ màu da phơn phớt trên má, gợi màu sắc tươi tắn, đầy sức sống tươi trẻ.  + Ríu ra ríu rít ( chỉ tiếng chim hay tiếng cười nói) gợi thanh trong và cao vang lên liên tiếp vui vẻ.  Bài 2: Đoạn văn dưới đây có thành công gì nổi bật trong cách dùng từ? Điều đó đã góp phần miêu tả nội dung sinh động như thế nào?  “ Vai kĩu kịt, tay vung vẩy, chân bước thoăn thoắt, tiếng lợn eng éc, tiếng gà chíp chíp, tiếng vịt cạc cạc, tiếng người nói léo xéo. Thỉnh thoảng lại điểm thêm những tiếng ăng ẳng của con chó bị lôi sau sợi dây xích sắt”  ( Ngô Tất Tố)  Bài làm  Nhà văn đã rất thành công trong việc sử dụng các từ láy tượng thanh ( eng éc, chíp chíp, cạc cạc, léo xéo, ăng ẳng) và các từ láy tượng hình ( Kĩu kịt, vung vẩy, thoăn thoắt). Điều đó đã góp phần miêu tả sinh động một bức tranh buổi sớm thường gặp ở những vùng quê với những hình ảnh quen thuộc của các bà, các mẹ, các chị đang gồng gánh hàng họ đi chợ trong một không khí nhộn nhịp, khẩn chương.  **II. Dạng 2:** Bài tập tìm hiểu về cách sử dụng các hình ảnh sinh động  Bài 1: Kết thúc bài “ Đàn gà mới nở” nhà thơ Phạm Hổ viết  *Vườn trưa gió mát*  *Bướm bay rập rờn*  *Quanh đôi chân mẹ*  *Một rừng chân con*  ( Phạm Hổ)  Em thích hình ảnh nào? Vì sao?  Bài làm ( tham khảo)  - Trong đoạn thơ trên, em thích nhất hình ảnh “ Quanh đôi chân mẹ một rừng chân con”. Bởi qua hình ảnh ấy, em cảm nhận được sự vĩ đại của gà mẹ. Giữa một rừng chân con bé xíu non nớt ( qua cách nói phóng đại của tác giả) đôi chân của gà mẹ giống như một cây đại thụ vững chắc, sẵn sàng che chở chống chọi với mọi hiểm nguy để bảo vệ đàn con non nớt thơ dại của mình.  Bài 2: Câu thơ sau có những hình ảnh nòa đối lập nhau? Sự đối lập đó gợi cho người đọc cảm nhận được điều gì?  *Mồ hôi xuống, cây mọc lên*  *Ăn no, đánh thắng, dân yên, nước giầu*  ( Thanh Tịnh)  Bài làm  - Câu thơ có hình ảnh đối lập nhau là: Mồ hôi đổ xuống x cây mọc lên. Sự đối lập đó gợi cho người đọc cảm nhận rõ nét hơn những thành quả lao động do sức lực của con người tạo nên giúp cho người đọc thấy rõ hơn ý nghĩa và tầm quan trọng to lớn do lao động mang lại, nhờ có lao động con người mới có lương thực để “ ăn no” có sức lực để “ đánh thắng” để cho “ dân yên” từ đó đất nước mới giàu mạnh.  **III. Dạng 3:** Bài tập tìm hiểu và vận dụng một số biện pháp tu từ.  *1. Lý thuyết* : Các biện pháp nghệ thuật khi viết văn.  a. Biện pháp so sánh: Là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng có những nét tương đồng nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  Ví dụ:  *Bà như quả ngọt chín rồi*  *Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng*  ( Võ Thanh An)  ( So sánh bà sống lâu, tuổi đã cao) Như quả ngọt chín rồi (quả đến độ già dặn có giá trị dinh dưỡng cao) so sánh như vậy là để người đọc tự suy ngẫm, liên tưởng: Bà có tấm lòng thơm thảo, đáng quý,  có lợi ích cho cuộc đời, đáng nâng niu và trân trọng)  b. Biện pháp nhân hóa: Là biến những sự vật vô tri vô giác không phải là người thành những nhân vật mang những đặc điểm tính cách giống như con người, làm cho nó trở lên sinh động, hấp dẫn.  Ví dụ:  *Ông trời nổi lửa đằng đông*  *Bà sân vấn chiếc khăn hồng đẹp thay*  ( Trần Đăng Khoa)  - Nhà thơ đã sử dụng biện pháp nhân hóa bằng cách dùng từ xưởng xưng hô với các sự vật: “ Ông trời”, “ Bà sân” cùng các hoạt động của con người: “ Nổi lửa”, “ vấn khăn” giúp cho người đọc cảm nhận được một bức tranh cảnh vật buổi sáng đẹp đẽ thơ mộng, nhộn nhịp và sinh động.  c. Nghệ thuật ẩn dụ: ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt  Ví dụ:  *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*  *Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*  ( Viễn Phương)  - Mặt trời đi qua “trên lăng” là mặt trời thực  - Mặt trời “trong lăng” là hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác Hồ  d. Nghệ thuật hoán dụ: Là cách dùng sự vật này để gọi tên cho sự vật hiện tượng khác dựa vào sự gần gũi nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt  Ví dụ: *Áo chàm đưa buổi phân ly*  *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay* ( Tố Hữu)  e. Điệp từ điệp ngữ: Là sự lặp đi lặp lại một từ hay một ngữ nào đó nhằm nhấn mạnh ý muốn nói, làm cho nó nổi bật và hấp dẫn người đọc.  Ví dụ:  *Việt Nam ơi! Việt Nam ơi*  *Việt Nam ta gọi tên người thiết tha*  ( Lê Anh Xuân)  - Từ Việt Nam, tên gọi của đất nước được nhắc lại 3 lần( điệp từ) nhằm nhấn mạnh tình cảm tha thiết gắn bó và yêu thương đất nước.  g. Biện pháp đảo ngữ: Là sự thay đổi trật tự cấu tạo ngữ pháp thông thương của câu văn nhằm nhấn mạnh và làm nổi bật ý cần diễn đạt.  Ví dụ:  *Lom khom dưới núi tiều vài chú*  *Lác đác trên sông chợ mấy nhà*  Ví dụ:  Đẹp vô cùng tổ quốc ta ơi.  - Đảo vị ngữ lên trên chủ ngữ nhằm nhấn mạnh vẻ đẹp của tổ quốc.  **BTVN:**  Bài 1: Viết đoạn văn khoảng 6 – 7 câu trong dó có sử dụng biện pháp nhân hóa theo những cách khác nhau.  a. Dùng từ xưng hô của người để nói sự vật  b. Dùng từ ngữ chỉ đặc điểm của người để tả sự vật  c. Dùng các câu hội thoại để diễn tả sự trao đổi với vật.  Bài 2: Chỉ rõ điệp ngữ ( từ ngữ) được lặp lại trong đoạn văn dưới đây và cho biết tác dụng của nó ( nhấn mạnh ý gì? cảm xúc gì?)  - Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung quý hiếm. |

***Ngày soạn:...../.... / 2021***

***Ngày dạy::...../.... / 2021***

**BUỔI 2:**

**Rèn kỹ năng viết đoạn văn cảm thụ văn học**

**I. Mục tiêu bài dạy**

1) Kiến thức: Giúp học sinh củng cố lý thuyết thế nào là cảm thụ văn học, kỹ năng cần có khi viết đoạn văn cảm thụ văn học.

2) Kỹ năng: Giúp cho học sinh, có kỹ năng viết một đoạn văn về cảm thụ văn học, có năng lực cảm thụ văn học một các sâu sắc tinh tế.

3) Thái độ: Bồi dưỡng cho học sinh lòng say mê yêu thích môn văn, kiên trì rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn về cảm thụ văn học.

\* Trọng tâm: Luyện tập rèn kỹ năng

**II. Chuẩn bị**

- Thày: SGK, vở giáo án, tài liệu liên quan

- Trò: SGK, vở ghi chép, tài liệu có liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. Ổn định tổ chức :

2. KTBC: Chấm chữa BTVN

3. Bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung hoạt động** |
| - Cho HS đọc, tìm hiểu kỹ đề bài  ? tìm hình ảnh so sánh cho biết hình ảnh ấy sinh động, gợi cảm như thế nào?  - Yêu cầu học sinh nhắc lại khái niệm về đoạn văn  - Yêu cầu học sinh viết nháp  - Yêu cầu học sinh trình bày  - Gọi học sinh nhận xét  - GV nhận xét  - Cho HS tham khảo đoạn văn mẫu  - Yêu cầu HS chỉ rõ các biện pháp điệp ngữ được dùng trong đoạn văn  - Nêu được tác dụng của biện pháp điệp ngữ.  - Yêu cầu HS viết đoạn văn  -Yêu cầu HS trình bày  - GV nhận xét  - Cho HS tham khảo đoạn văn mẫu  - GV yêu cầu học sinh tìm hiểu đề bài  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của hai câu thơ  - Dựa vào nội dung, ý nghĩa của câu thơ, viết thành đoạn văn  - Yêu cầu học sinh trình bày  - GV chấm chữa  - Yêu cầu học sinh đọc kỹ đề  - Chỉ rõ biện pháp điệp ngữ. Nêu tác dụng của biện pháp đó.  - Trình bày dưới dạng một đoạn văn  - GV: Kiểm tra, chữa  - Yêu cầu học sinh tìm hiểu đề.  - Yêu cầu học sinh viết nháp  - Giáo viên kiểm tra, chấm chữa, cho điểm  - Yêu cầu học sinh chỉ ra những hình ảnh nổi bật trong bài.  - Qua cách diễn đạt giầu hình ảnh đó, nhà thơ muốn nói với chúng ta điều gì?    - Học sinh nêu đúng cách hiểu.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh viết đoạn văn.  - Giáo viên chấm chữa, sửa lỗi.  - BTVN: Hoàn thiện các bài tập vào vở | **III. Dạng 3: Bài tập tìm hiểu và vận dụng một số biện pháp tu từ (tiếp)**  1. Lý thuyết  2. Luyện tập  Bài 1: Trong khổ thơ sau hình ảnh so sánh đã góp phần diễn tả nội dung thêm sinh động, gợi cảm như thế nào?  *Mùa thu của em*  *Lá vàng hoa cúc*  *Như nghìn con mắt*  *Mở nhìn trời êm*  (Quang Huy)  *Đáp án ( tham khảo)*  Trong đoạn thơ trên, tác giả đã ví những bông hoa cúc giống như hàng nghìn con mắt đang ngước nhìn lên bầu trời đêm êm dịu, cách so sánh đó làm cho bức tranh mùa thu thêm quyến rũ. Dưới khung trời rộng mở, tràn ngập tràn ngập một màu vàng tươi tắn và dịu mát của những bông hoa cúc mảnh mai.  Cái màu vàng thanh khiết ấy như một điểm nhấn vào lòng người đọc, khiến cho bất kỳ ai muốn dồn nén tâm tư cũng phải nao lòng. Màu vàng tươi mát đó khiến cho bất kỳ ai dẫu muốn dồn nén tâm tư cũng phải nao lòng. Màu vang tươi mát đó gợi cho ta liên tưởng tới vẻ đẹp dịu dàng của mùa thu, khiến ta càng thêm yêu mến và gắn bó với mùa thu.  Bài 2: Viết đoạn văn khoảng 5 – 6 câu có sử dụng biện pháp nhân hóa theo từng cách sau  a. Dùng từ xưng hô của người để gọi vật  b. Dùng từ ngữ chỉ đặc điểm của người để tả sự vật  c. Dùng các câu hội thoại để diễn tả sự trao đổi của vật  *Bài làm ( tham khảo)*  a. Nhà chị Dế Mèn ở bụi tre. Tối nào chị Dế cũng ngồi kéo đàn trên bãi có trước nhà. Mấy bác Đom Đóm đi gác đêm về rất muộn vẫn thấy chị Dế say sưa kéo đàn. Một bác đom đóm liền dừng chân trên bãi cỏ và soi đèn cho chị Dế biểu diễn bài “ Tâm tình quê hương”  b. *Châu Chấu nói với Giun Đất: “ Trời nắng ráo chính là một ngày tuyệt đẹp!” Giun Đất cãi lại: “ Không! trời mưa bụi và ẩm ướt mới chính là một ngày tuyệt đẹp!” Chúng kéo nhau đi tìm Kiến Đen nhờ phân xử. Sau một ngày làm việc, Kiến Đen nói với chúng: “ Hôm nay tôi đã làm được rất nhiều việc. Ngày tuyệt đẹp của tôi chính là ngày hôm nay đó.”*  Bài 3: Chỉ rõ biện pháp điệp ngữ được dùng trong đoạn văn dưới đây và nêu tác dụng của nó.  - *“ Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung quý hiếm”.*  ***Đáp án (Tham khảo)***  - Bằng cách sử dụng điệp từ “ Thoắt cái” tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được sự thay đổi bất ngờ của cảnh vật. Qua sự thay đổi bất ngờ đó, không gian cũng thoắt ẩn, thoắt hiện, thời gian cũng vì thế mà thoắt đến thoắt đi ... Sự thay đổi đó còn gợi cho người đọc những cảm giác đột ngột, ngỡ ngàng và vỡ òa theo từng khoảnh khắc thay đổi của nhịp thu.  **IV. Dạng 4: Bài tập về bộc lộ CTVH qua một đoạn viết ngắn**  Bài 1: Trong bài thơ “ Con cò” nhà thơ Chế Lan Viên có viết  *“ Con dù lớn vẫn là con của mẹ*  *Đi hết cuộc đời lòng mẹ vẫn theo con...”*  Em hãy viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em.  *Đáp án*  Tình mẫu tử – Tình mẹ con xưa nay vẫn được coi là thứ tình cảm thiêng liêng nhất. “ Con dù lớn vẫn là con của mẹ/ Đi hết cuộc đời lòng mẹ vẫn theo con...” Chỉ bằng hai câu thơ ngắn ( 16 tiếng) nhà thơ Chế Lan Viên đã giúp ta hiểu hơn sự cao cả của tình mẹ. Vâng, con dù đã lớn, đã trưởng thành nhưng con mãi mãi vẫn là con của mẹ, tình thương yêu của mẹ dành cho con vẫn luôn tràn đầy không bao giờ vơi cạn. Và dù có đi hết đời( sống trọn cả cuộc đời) thì tình của của mẹ với con vẫn còn sống mãi. “ Vẫn theo con” để quan tâm, lo lắng cho con, giúp đỡ con, dẫn đường chỉ lối và tiếp cho con thêm sức mạnh giúp con vượt qua mọi thử thách của cuộc đời. Thế mới biết tình mẹ bao la như biển Thái Bình .... Thế mới biết tình mẹ dánh cho con thật to lớn, thật vĩ đại. Có thể nói, đó là một tình yêu thương mãnh liệt, vô bờ bến, một tình yêu thương bất tử, trường tồn mãi cùng thời gian.  Bài 2: Trong bài “ Mùa thu mới” nhà thơ Tố Hữu viết  *Yêu biết mấy những dòng sông bát ngát*  *Giữa đôi bờ dào dạt lúa ngô non*  *Yêu biết mấy những con đường ca hát*  *Qua công trường mới dựng nhà son*  Cảm xúc của tác giả trước vẻ đẹp gì của đất nước chúng ta.  *Đoạn văn tham khảo*  - Bằng cánh sử dụng điệp ngữ “Yêu biết mấy” tác giả muốn nhấn mạnh tình yêu của mình với những vẻ đẹp của quê hương đất nước. Đó chính là tình yêu với vẻ đẹp của những con đường rộn rã tiếng cười, tiếng hát chạy qua những công trường đang xây lên những ngôi nhà mới. Qua đó, tác giả muốn bộc lộ niềm xúc động của mình trước sự thay da đổi thịt, sự trù phú của cảnh sắc quê hương và niềm vui trước cuộc sống ấm no, hành phúc của con người.  Bài 3: Trong bài thơ “ Quê hương” nhà thơ Đỗ Trung Quân viết:  *Quê hương là cánh diều biếc*  *Tuổi thơ con thả trên đồng*  *Quê hương là con đò nhỏ*  *Êm đềm khua nước ven sông*  Em cảm nhận được điều gì về tình cảm của nhà thơ với quê hương?  *Bài làm*  Vâng! Nói đến quê hương là nói đến những gì gần gũi, thân quen nhất. Quê hương chính là mảnh đất nuôi dưỡng ta từ thuả ấu thơ và cũng là nơi để lại những dấu ấn đẹp đẽ nhất trong tâm hồn ta. Đối với nhà thơ Đỗ Trung Quân, quê hương không chỉ là cha mẹ, là họ hàng, làng xóm mà quê hương còn là những “ Cánh diều biếc”từng in đậm dấu ấn tuổi thơ đẹp đẽ của tác giả trên những cánh đồng “ Là con đò nhỏ” khua nước ven sông với âm thanh nhẹ nhàng, êm đềm mà lắng đọng. Có thể nói những vật đơn sơ mà giản dị như vậy chứng tỏ tình cảm của nhà thơ đối với quê hương thật là đẹp đẽ, sâu sắc.  Bài 4: Trong bài thơ “ Tiếng ru” nhà thơ Tố Hữu viết  *Một ngôi sao chẳng sáng đêm*  *Một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng*  *Một người đâu phải nhân gian*  *Sống chăng một đống lửa tàn mà thôi!*  Từ cách diễn đạt giầu hình ảnh trong đoạn thơ trên, em hiểu nhà thơ muốn nói với chúng ta điều gì?  *Đoạn văn tham khảo*  Ở đoạn thơ trên, tác giả sử dụng cách diễn đạt mang ý nghĩa tương phản giữa các hình ảnh: Một “ngôi sao” với một “màn đêm” ( một ngôi sao thì chỉ có ánh sáng yếu ớt, không làm sáng được một bầu trời đêm) “ Một thân lúa chín” với “ Mùa vàng” ( Một bông lúa chín thật nhỏ bé, không thể làm lên một vụ mùa bội thu), “ Một người” và cả “ Nhân gian”( một người lẻ loi thì không thể tạo nên cả cõi đời, nơi cả loài người sinh sống. Vì vậy nếu có tồn tại thì cũng chỉ như một đốm lửa tàn sắp lụi tắt mà thôi.  Qua cách diễn đạt giầu hình ảnh trên, tác giả muốn gửi gắm tới người đọc một triết lý sâu sắc. Con người chỉ thực sự trở lên hữu ích khi biết sống trong mối quan hệ gắn bó đoàn kết với tập thể, với cộng đồng.Nếu sống mà tách rời khỏi tập thể, cộng đồng, chỉ nghĩ đến riêng mình và sống cho riêng mình thì cuộc sống đó trở lên vô vị.  Bài 5: Trong bài “ Về thăm nhà Bác” nhà thơ Nguyễn Đức Mậu viết:  *“ Ngôi nhà thủa Bác thiếu thời*  *Nghiêng nghiêng mái lợp bao đời nắng mưa*  *Chiếc giường tre quá đơn sơ*  *Võng gai ru mát những trưa nắng hè*  Đoạn thơ trên giúp ra cảm nhận được sự đơn sơ, giản dị của ngôi nhà Bác Hồ đã sống thủa niên thiếu. Cũng như bao ngôi nhà khác của làng quê Việt Nam, ngôi nhà của Bác cũng nghiêng nghiêng mái lợp ( mái được lợp bằng lá) cũng dãi nắng dầm mưa, cũng mộc mạc với chiếc giường tre, chiếc võng gai ru mát những trưa hè. Song trong ngôi nhà đó, Bác Hồ đã lớn lên trong tình cảm yêu thương tràn đầy của gia đình. Có thể nói ngôi nhà đơn sơ mà đầy ắp tình yêu thương đó chính là chiếc nôi ấm áp nuôi dưỡng tâm hồn nuôi dưỡng tuổi thơ của Bác. Chính ngôi nhà đó đã góp phần tạo nên con người Bác. Một vị lãnh tụ có tấm lòng nhân ái bao la. |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh nêu lại quy trình viết  - Giáo viên nhận xét  - Giáo viên ra đề cho học sinh luyện viết  - Giáo viên kiểm tra, chấm chữa.  - Giáo viên gợi ý  ? Đoạn thơ được sử dụng nghệ thuật gì?  ? Qua nghệ thuật ấy em thấy được điều gì  ? Em hãy tìm ý và lập ý cho phần viết  Yêu cầu trình bày dưới dạng đoạn văn cảm thụ từ nghệ thuật đi đến nội dung biểu đạt theo một trình tự  a. Mở đoạn  b. Thân đoạn  c. Kết đoạn  - Giáo viên yêu cầu học sinh viết  - Học sinh trình bày  - Giáo viên nhận xét  - Sửa lỗi  - Giáo viên cho học sinh đọc đoạn văn tham khảo  - Giáo viên hướng dẫn  ? Chỉ ra biện pháp nghệ thuật  - Nêu được tác dụng  - Viết thành đoạn văn  - Yêu cầu học sinh làm nháp  - Yêu cầu học sinh trình bày  - Yêu cầu học sinh nhận xét  - Giáo viên nhận xét, sửa lỗi, bổ sung.  - Giáo viên đoạn đoạn văn tham khảo.  - Yêu cầu học sinh chỉ rõ biện pháp nghệ thuật bằng một đoạn văn.  - Yêu cầu học sinh làm nháp  - Yêu cầu học sinh trình bày  - Yêu cầu học sinh nhận xét  - Giáo viên nhận xét, sửa, bổ sung | **V. Dạng bài: Phát hiện biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng viết dưới dạng một đoạn văn.**  Dạng câu hỏi.  1. Hãy chỉ rõ nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.  2. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn, đoạn thơ sau và phân tích giá trị biểu đạt của nó.  3. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn ( đoạn thơ) sau và nêu hiệu quả của biện pháp nghệ thuật ấy trong việc biểu đạt nội dung, tư tưởng.  Bài 1: Trong đoạn thơ tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em hãy nêu hiệu quả biểu đạt của biện pháp nghệ thuật ấy.  *“ Mầm non mắt lim dim*  *Cố nhìn qua kẽ lá*  *Thấy mây bay hối hả*  *Thấy lất phất mưa phùn”*  ( Mầm non – Võ Quảng)  *Bài làm ( tham khảo)*  a. Nghệ thuật được sử dụng  - Đoạn thơ được sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa  - Hình ảnh nhân hóa “Mầm non mắt lim dim” nằm ép lặng im  Mầm non “Mắt lim dim”, “cố nhìn qua kẽ lá”  b. Hiệu quả  - Đoạn thơ trên được trích trong bài “Mầm non” của Võ Quảng. Tác giả đã rất thành công khi sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa để miêu tả cảnh mùa xuân tươi đẹp qua cái nhìn của cô bé mầm non. Bằng biện pháp nghệ thuật nhân hóa, tác giả đã giúp ta hình dung và cẩm nhận được thiên nhiên đất trời khi vào xuân với những hình ảnh vô cùng đẹp đẽ, tràn đầy sức sống và vô cùng sinh động. Mầm non y như một đứa trẻ mới chào đời, còn rụt rè, bỡ ngỡ, e thẹn lấp sau chiếc lá bàng đỏ rồi tò mò thích thú chiêm ngưỡng, ngắm nhìn cảnh vật trong khung cảnh mùa xuân. Mầm non cố nhìn những hình ảnh vô cùng đẹp đẽ “ Thấy mây bay hối hả, thấy lất phất mưa phùn” Với sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên pha lẫn niêm sung sướng. Thật tài tình khi sử dụng nghệ thuật nhân hóa. Tác giả đã làm cho thế giới sự vật trở lên vô cùng ngộ nghĩnh, đáng yêu, những vật vô tri vô giác trở lên có tình người, hồn người. Qua nghệ thuật nhân hóa này đã thể hiện được tài quan sát và miêu tả cảnh vật thiên nhiên một cách hồn nhiên, tinh tế và độc đáo của tác giả.  Bài 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ sau và nêu lên tác dụng của nó.  *Gió nâng tiếng hát chói chang*  *Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời*  ( Tiếng hát mùa gặt – Nguyễn Duy)  *Bài làm ( tham khảo)*  a. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng  Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa. Hình ảnh nhân hóa là “ Gió nâng tiếng hát” , lưới hái “ Liếm ngang chân trời”  b. Tác dụng  Hai câu thơ trên được trích trong bài thơ “ Tiếng hát mùa gặt” của tác giả Nguyễn Duy. Tác giả đã sử dụng biện pháp nhân hóa thật tài tình và tinh tế “ Gió nâng tiếng hát chói chang” “ Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời” Nhờ nghệ thuật nhân hóa mà chỉ với hai câu thơ, nhà thơ đã làm nổi bật cảnh mùa gặt ở nông thôn Việt Nam được mở ra thật tươi vui, náo nức. Cảnh cánh đồng lúa tốt mênh mông hứa hẹn một mùa bội thu và một cuộc sống ấm no hạnh phúc. Tất cả hình ảnh mà nhà thơ đã đưa vào thơ đã tạo nên một bầu không khí ấm áp thanh bình nơi chốn thôn quê khi mùa gặt đến.  Với hiệu quả của biện pháp nghệ thuật nhân hóa. Nguyễn Duy đã khắc họa được một bức tranh tươi vui náo nhiệt và rất lên thơ nơi chốn đồng quê vào mùa gặt mới.  Bài 3: Hãy chỉ rõ biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong những câu thơ sau và nêu tác dụng của chúng.  a. *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*  *Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*  b*. Thuyền về có nhớ bến chăng*  *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*  *Bài làm*  a. Nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ trên là nghệ thuật ẩn dụ. Mặt trời ( trong lăng) là hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác Hồ.  Tác dụng: Hai câu thơ trên trích trong bài thơ “ Viếng lăng Bác” của nhà thơ “ Viễn Phương. Nhà thơ đã rất tài tình khi sử dụng nghệ thuật ẩn dụ để ca ngợi công lao của Bác Hồ. Hình ảnh trong lăng chính là hình ảnh ẩn dụng chỉ Bác Hồ. Nếu mặt trời thực ở câu thơ thứ nhất đem lại ánh sáng, đem lại sự sống cho vạn vật thì Bác là người soi đường chỉ lối cho dân tộc ta thoát khỏi đêm đen nô lệ để có cuộc sống ấm no hạnh phúc. Hình ảnh ẩn dụ mặt trời trong lăng cho ta thấy được sự vĩ đại của Bác, công lao to lớn của Bác đối với non sông đất nước ta, đồng thời qua hình ảnh ẩn dụ đó cũng cho ta thấy niềm tôn kính, lòng biết ơn.  b. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng là nghệ thuật ẩn dụ  Thuyền ( chỉ người con trai) bến ( chỉ người con gái) và nghệ thuật nhân hóa ( thuyền nhớ bến, bến đợi thuyền)  Tác dụng: Các biện pháp tu từ ẩn dụ và so sánh trong câu ca dao trên đã tạo nên hình ảnh đẹp gợi cảm nói về tình thương nhớ đợi chờ của lứa đôi. Với từ “ ơi” với cự cổng hưởng của các vần thơ “ chăng” “ khăng” âm điệu của câu ca dao vang lên ngọt ngào tình yêu thắm thiết thủy chung của người con gái được diễn tả một cách sâu sắc cảm động. Thuyền và bến là hình ảnh tuyệt đẹp nói về tình yêu đôi lứa ta thường bắt gặp trong ca dao, dân ca.  **BTVN:**  Bài 1: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong ví dụ sau và nêu tác dụng của chúng.  a. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi  Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng  b. Ngoài thềm rơi chiếc lá đa  Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng. |

4. Củng cố dặn dò

- Giáo viên khái quát nội dung yêu cầu của bài

- Yêu cầu học sinh hoàn thiện các bài tập vào vở

- Yêu cầu chuẩn bị chuyên đề “ Văn biểu cảm”

- Giáo viên ra BTVN

***Ngày soạn:...../.... / 2021***

***Ngày dạy::...../.... / 2021***

**BUỔI 3:**

**Chuyên đề 2: Phương pháp viết văn biểu cảm về sự vật, con người**

**I. Mục tiêu bài dạy**

Qua chuyên đề giúp các em nắm chắc hơn về phương pháp viết văn biểu cảm. Biểu cảm về đồ vật, loài vật, cây cối, biểu cảm về con người, biểu cảm về tác phẩm văn học. Giúp các em nắm chắc phần kiến thức để ứng dụng làm các bài tập để rèn kỹ năng.

- Giúp các em nắm tốt quy trình và viết thành thạo kiểu bài, yêu thích thể loại

**II. Chuẩn bị**

- Thày: SGK, vở giáo án, tài liệu liên quan

- Trò: SGK, vở ghi chép, tài liệu có liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. ổn định tổ chức

2. KTBC: Chấm chữa BTVN

3. Bài mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung hoạt động** |
| Nhắc lại khái niệm về văn biểu cảm  ? Nêu đặc điểm của văn biểu cảm  ? Đặc điểm của đề văn biểu cảm  ? Nhắc lại các bước làm bài văn biểu cảm.  1. Xác định yêu cầu  2. Xây dựng bố cục  3. Hoàn thành văn bản  - GV nêu yêu cầu đối với kiểu bài  - Yêu cầu các phần mở bài? Thân bài? Kết bài.  - Yêu cầu học sinh đọc bài mẫu  Nêu yêu cầu của kiểu bài  - GV hướng dẫn cách lập ý  - Cho học sinh đọc bài văn mẫu  ? Nêu yêu cầu của kiểu bài.  - GV đưa ra gợi ý  Giáo viên hướng dẫn cách lập dàn bài  - Nêu yêu cầu của mỗi phần  - MB biết như thế nào  - Thân bài gồm những ý gì?  ? Kết bài viết như thế nào  - Cho học sinh đọc bài mẫu  ? Nêu yêu cầu của kiểu bài 4  - Giáo viên gợi ý  Nêu cách viết 3 phần  - Mở bài  - Thân bài  - Kết bài  - Giáo viên cho học sinh đọc bài văn mẫu  4. Củng cố dặn dò  Về nhà học bài, hoàn thành bài tập vào vở. | **I. Lý thuyết**  1. Khái niệm: Văn biểu cảm là loại văn dùng để biểu đạt tình cảm, cảm xúc của người viết nhằm khêu gợi sự đồng cảm của người đọc.  2. Đặc điểm: Có 2 cách biểu cảm  - Biểu cảm trực tiếp: Bằng lời kêu, tiếng than  - Biểu cảm gián tiếp: Thông qua nghệ thuật ẩn dụ, phương thức tự sự, miêu tả)  - Tình cảm trong văn biểu cảm phải rõ ràng, trong sáng, chân thực, phải thấm nhuần tư tưởng nhân văn.  - Mỗi bài văn biểu cảm phải biểu đạt một tình cảm chủ yếu.  3. Đề văn biểu cảm: Ngắn gọn, nêu rõ đối tượng biểu cảm định hướng tình cảm cho bài văn.  4. Những kiểu bài tập thường gặp  a. Biểu cảm về sự vật con người: Các nhóm bài thường gặp  Nhóm 1: Cảm nghĩ về một người thân trong gia đình.  Nhóm 2: Cảm nghĩ về thầy, về bạn.  Nhóm 3: Cảm nghĩ về loài cây em yêu.  Nhóm 4: Cảm nghĩ về một cảnh đẹp.  Nhóm 5: Cảm nghĩ về một món quà được nhận.  **II. Luyện tập**  Hướng dẫn tìm hiểu đề, lập dàn ý, tạo lập văn bản.  1. Nhóm 1: Cảm nghĩ về một người thân trong gia đình  a. Yêu cầu: Bài viết phải thể hiện được một cách chân thành, sâu sắc, tình cảm của mình với người thân cũng như của người thân đối với mình.  - Bố cục hợp lý  - Dẫn dắt tự nhiên  b. Gợi ý  - Chọn đối tượng: Ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em  - Trước khi làm bài, cần nhớ lại những kỷ niệm về người thân đó.  - Nên tìm cách tạo tình huống để cảm xúc nảy sinh chân thực, dễ dàng.  - Nên kết hợp biểu cảm trực tiếp với gián tiếp.  - Lập ý theo các cách sau:  + Hồi tưởng kỷ niệm trong quá khứ, suy nghĩ hiện tại  + Hiện tại, quá khứ, tưởng tượng tình huống hứa hẹn, mong  c. Lập dàn bài  A. Mở bài: Cảm xúc chung về người thân  Cách 1: Nên chọn một tình huống nào đó để gợi nhớ người thân. Chẳng hạn nếu đi xa ( lập dàn ý theo cách hồi tưởng quá khứ – Suy nghĩ hiện tại)  Cách 2: Có thể từ một công việc, một hoàn cảnh nào đó để người thân xuất hiện, từ đó bộc lộ suy nghĩ ( quan sát – Suy nghĩ)  B. Thân bài  \* Hồi tưởng quá khứ  - Kỉ niệm khơi dậy từ tấm ảnh, món quà kỷ niệm hoặc một vật dụng nào đó.  - Nỗi nhớ  + Nhớ lại hoàn cảnh có món quà hoặc tấm ảnh của người thân  + Gợi tả hinh ảnh, tình cảm của người thân  Ví dụ: Công việc người đó thường làm, món ăn người đó thích, một sự việc đặc biệt xảy ra có liên quan đến mình và người thân đó.  \* Suy nghĩ về hiện tại  - Hình ảnh người thân đó hiện nay trong tâm trí mình ra sao? Trực tiếp bày tỏ tình cảm của mình.  C. Kết bài  Niềm mong ước  Những suy nghĩ về mối quan hệ tình cảm đó trong cuộc sống  2. Nhóm 2: Cảm nghĩ về thầy, về bạn  - Cảm nghĩ về thầy, cô giáo – Những người lái đò đưa thế hệ trẻ cập bến tương lai.  a. Yêu cầu  - ND biểu cảm là cảm nghĩ về thầy, cô giáo  - XD tính chất của đối tượng: Những người lái đò đưa thế hệ trẻ cập bến tương lai.  - Như vậy cảm xúc xoay quanh đặc điểm, vai trò, công việc của người thầy và trò.  b. Gợi ý  - Đề bài không giới hạn đối tượng biểu cảm nên có thể viết về thầy cô giáo nói chung  - Có thể từ một người thầy, cô cụ thể, liên tưởng đến nghề dạy học.  - Trước khi làm bài cần nhớ lại kỷ niệm và hiểu biết về nghề dạy học.  - Chuẩn bị hướng cho bài viết  c. Lập ý  A. Mở bài  Hoàn cảnh nảy sinh cảm xúc: Có thể cuộc gặp gỡ thầy cô giáo, từ đó nghĩ về những người thầy.  - Có thể từ ngày 20/11: Không khí ngày hội gợi liên tưởng đến người thầy.  - Hoặc nhớ về một kỷ niệm.  B. Thân bài  \* Hồi tưởng kỷ niệm về thầy cô giáo  - Nhớ lại kỷ niệm về sự chăm sóc của thầy cô với học trò hoặc những giờ học ấn tượng.  - Cảm xúc chủ đạo ở phần này: Thầy cô đã mang đến cho trò bao nhiêu kiến thức. Thầy cô là người kiên trì trong việc giáo dục học sinh.  \* Suy nghĩ về hiện tại  - Thầy cô dạy hết lớp học sinh này đến lớp học sinh khác, như trở những chuyến đò. Khi cập bến, học trò đi đến nơi xa, người trở đò – người thầy ở lại đón chuyến khác, buồn vui hướng theo sự trưởng thành của trò. Biết bao thế hệ học sinh trưởng thành.  - Công việc của những người thầy – suy nghĩ về nghề dạy học: Nghề cao quý, có ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội về mặt tinh thần.  \* Hồi tưởng về tương lai  - Vai trò của người thầy là không thể thiếu  - Mãi mãi nhớ hình ảnh thầy cô ( có thể liên tưởng từ dòng sông, con đò)  C. Kết bài  - Ngợi ca nghề dạy học  3. Nhóm 3: Cảm nghĩ về loài cây em yêu  a. Yêu cầu  - Viết về một loài cây em yêu, gắn bó với em, được em yêu quý.  - Người viết phải trình bày được loài cây có đặc điểm như thế nào? Có lợi ích gì? gắn bó với mình như thế nào? Vì sao mình yêu quý cây.  b. Gợi ý.  - Hãy chọn một loại cây thân thuộc nhất trong vườn nhà  - Tìm hiểu những đặc điểm của cây về dễ, thân, lá, hoa, quả  - Tìm hiểu lợi ích kinh tế của cây đó với gia đình, với người thân trong vùng.  - Những lí do để yêu quý cây đó hơn những cây khác.  ( Kỷ niệm của người thân, sự gắn bó của cây với bản thân với gia đình).  c. Lập dàn ý  A. Mở bài: Nêu tên loài cây trong vườn và lý do em yêu  B. Thân bài:  - Cây có đặc điểm gì gây cho em cảm mến: Thân cây, lá cây, hoa  - Cây có lợi ích gì cho cuộc sống ở vùng quê em  - Cây gắn bó với cuộc sống ở vùng quê em như thế nào?  - Cây có trong cuộc sống của riêng em ( những kỷ niệm của em với loài cây đó, kỷ niệm của cây với bạn bè, với mỗi thành viên trong gia đình).  C. Kết bài  - Tình cảm của người viết, hy vọng, mong ước cho cây  4. Nhóm 4: Cảm nghĩ về một cảnh đẹp ( di tích lịch sử, dòng sông, dãy núi, cánh đồng)  a. Yêu cầu  - Chọn một cảnh đẹp của quê hương để viết bài văn biểu cảm. Qua bài văn, bộc lộ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với quê hương, đồng thời khơi được sự đồng cảm của người đọc.  - Biết cách lập ý, diễn tả cảm xúc một cách tự nhiên  b. Gợi ý  - Chọn một cảnh gần gũi  - Trước khi làm, phải quan sát, nhận ra nét đặc biệt của cảnh, cần đọc các bài viết về cảnh.  - Nên sử dụng cách biểu cảm trực tiếp và gián tiếp.  - Lập ý bằng cách: Hồi tưởng quá khứ, suy ngẫm tương lai.  c. Lập dàn ý  A. Mở bài  - Giới thiệu cảnh đẹp và cảm nghĩ chung về cảnh  - Chọn thời gian, thời tiết hoặc một tình huống dễ gợi cảm xúc để bài viết tự nhiên.  B. Thân bài  - Có thể lập theo cách hiện tại – Hồi tưởng quá khứ, hướng về tương lai.  \* Cảm xúc về cảnh trong hiện tại  - Kết hợp miêu tả với biểu cảm, gợi người đọc hình dung toàn cảnh.  Diễn tả cảm xúc về một vài chi tiết nét riêng của cảnh  (Cảm xúc chủ đạo ở phần này là yêu thích cảnh)  \* Hồi tưởng quá khứ  - Có thể dựa vào sự hiểu biết lịch sử, địa lý để tưởng tượng một vài sự việc liên quan đến cảnh như chiến công chống giặc ngoại xâm, công cuộc khai phá xây dựng của cha ông để lại.  - Có thể gợi nhớ kỷ niệm của riêng mình có liên quan đến cảnh  - Phần này kết hợp miêu tả - tự sự – biểu cảm  ( Cảm xúc chủ yếu là tự hào)  \* Hướng về tương lai  - Dự đoán tương lai, cảnh vật thay đổi như thế nào, tưởng tượng một số nét thay đổi đó.  - Tình cảm của người với cảnh mãi mãi không thay đổi.  ( Cảm xúc chủ yếu ở phần này là tin tưởng.  C. Kết bài  - Liên tưởng cảnh vật với quê hương đất nước  - Từ cảm nghĩ về cảnh liên tưởng tới cảm nghĩ về quê hương đất nước.  BTVN: Lập dàn ý cho đề sau “Cảm nghĩ về người mẹ của em” |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:...../.... / 2021***

***Ngày dạy::...../.... / 2021***

**BUỔI 4:**

**Chuyên đề 2: Phương pháp viết văn biểu cảm về sự vật, con người ( tiếp)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

Qua chuyên đề giúp các em nắm chắc hơn về phương pháp viết văn biểu cảm. Biểu cảm về đồ vật, loài vật, cây cối, biểu cảm về con người, biểu cảm về tác phẩm văn học. Giúp các em nắm chắc phần kiến thức để ứng dụng làm các bài tập để rèn kỹ năng.

- Giúp các em nắm tốt quy trình và viết thành thạo kiểu bài, yêu thích thể loại

**II. Chuẩn bị**

- Thày: SGK, vở giáo án, tài liệu liên quan

- Trò: SGK, vở ghi chép, tài liệu có liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. Ổn định tổ chức

2. KTBC: Việc làm BTVN của học sinh

3. Bài mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung hoạt động** |
| - GV: Nêu yêu cầu của nhóm kiểu bài  - GV gợi ý  - GV hướng dẫn cách lập dàn bài  - Nêu yêu cầu của các phần  ? Yêu cầu của phần mở bài  ? Yêu cầu của phần thân bài  - Tìm dàn ý cho phần thân bài  - Cảnh hiện tại  - Hồi tưởng quá khứ  - Hướng tới tương lai.  ? Yêu cầu của phần kết bài.  - GV cho học sinh đọc bài mẫu ( tư liệu)  - GV nêu yêu cầu.  - GV gợi ý  GV hướng dẫn lập dàn ý chung  ?Yêu cầu của phần mở bài  ? Yêu cầu của thân bài  - Cách lập ý của phần thân bài  ? Yêu cầu của phần kết bài  - GV yêu cầu học sinh lập dàn bài  - GV yêu cầu HS trình bày  - GV bổ sung sửa chữa  Yêu cầu đạt ở phần mở bài  ? Có thể lập dàn ý theo cách nào  ?Em có suy nghĩ gì về tình bạn  ? Phần kết bài cần viết như thế nào  - Yêu cầu học sinh trình bày nháp  - GV nhận xét bổ sung  - GV hướng dẫn  -Yêu cầu của đề  - Tạo được văn bản biểu cảm hoàn chỉnh về sách vở  - Xuất phát từ lợi ích của sách mà lập ý  -Tránh nhầm với bài nghị luận về sách  ? Bản thân em có suy nghĩ gì về lợi ích của sách.  ? Yêu cầu viết phần mở bài  - GV yêu cầu học sinh trình bày ra nháp  - GV gọi học sinh trình bày  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét cho điểm  -GV đưa đáp án  - GV giao BTVN | ***4. Nhóm 4:*** Cảm nghĩ về một cảnh đẹp  ( Di tích lịch sử, dòng sông, dãy núi, cánh đồng)  a. Yêu cầu  - Chọn một cảnh đẹp của quê hương  - Qua bài văn, bộc lộ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với quê hương.  - Khơi được sự đồng cảm với người đọc.  b. Gợi ý: Nên chọn một cảnh tiêu biểu gần gũi, thân quen như dòng sông, cánh đồng, con đường ... hoặc danh lam thắng cảnh nổi tiếng mà mình hiểu, mình rung động.  - Trước khi làm bài, cần quan sát để nhận ra nét đặc biệt của cảnh: Cần đọc các bài về cảnh hoặc hỏi người lớn, từ đó có suy ngẫm riêng.  - Nên vận dụng các cách biểu cảm trực tiếp, gián tiếp.  - Có thể lập ý bằng cách hồi tưởng quá khứ, suy nghĩ tương lai.  c. Dàn ý chung  \* Mở bài: - Giới thiệu cảnh đẹp và cảm nghĩ chung về cảnh  - Chú ý chọn thời gian, thời tiết, hoặc một tình huống dễ gợi cảm xúc để bài viết tự nhiên.  \* Thân bài: (Có thể lập dàn ý theo cách: Hiện tại hồi tưởng quá khứ - Hướng tới tương lai)  - Cảm xúc về cảnh trong hiện tại.  + Kết hợp miêu tả với biểu cảm, gợi người đọc hình dung cảnh. Diễn tả cảm xúc về một vài chi tiết, nét riêng của cảnh( Cảm xúc chủ đạo phải yêu thích cảnh  - Hồi tưởng quá khứ:  + Có thể dựa vào sự hiểu biết lịch sử, địa lý ... để tưởng tượng một vài sự việc có liên quan đến cảnh như chiên công chống ngoại xâm, công cuộc xây dựng, khai phá của cha ông để có cảnh đẹp này.  + Có thể gợi nhớ kỷ niệm của riêng mình có liên quan đến cảnh ( Phần này kết hợp miêu tả - Tự sự – Biểu cảm – Cảm xúc chủ đạo ở phần này là tự hào).  - Hướng về tương lai  + Dự đoán tương lai, cảnh vật thay đổi thế nào? tưởng tượng một số nét thay đổi đó.( Cảm xúc phần này là tin tưởng)  \* Kết bài  - Liên tưởng cảnh với quê hương đất nước  - Từ cảm nghĩ về cảnh, liên tưởng tới cảm nghĩ về quê hương đất nước.  ***5. Nhóm 5***  a. Yêu cầu: - Biểu cảm về một món quà nhận được từ thời thơ ấu  - Giúp người đọc hiểu vẻ đẹp tâm hồn tuổi thơ, sự yêu thương chăm sóc của người lớn đối với tuổi thơ - yêu tuổi thơ hơn.  b. Gợi ý: - Nên kết hợp quan sát suy ngẫm với hồi tưởng quá khứ  - Chú ý yếu tố miêu tả trong bài viết  - Nếu chọn được một món quà đặc biệt hoặc người cho quà đặc biệt thì viết có sức hấp dẫn hơn.  c. Dàn ý chung  \* Mở bài: - Gặp lại món quà tuổi thơ  - Kể hoàn cảnh nhận được món quà, ai tặng? Tặng ở đâu? Nhân dịp nào?  \* Thân bài: - Miêu tả món quà, màu sắc, hình dáng.  Giá trị vật chất, tinh thần của món quà.  + Nhớ lại cảm xúc khi nhận quà.  + Nhớ lại người cho quà ( khuôn mặt, giáng vẻ, dọng nói...)  + Hiểu tình cảm của người tặng quà như thế nào?  + Nghĩ về món quà tuổi thơ  + Thái độ với món quà đó: Vẫn yêu thích như gặp lại tuổi thơ  + Suy nghĩ: Tuổi thơ thật đẹp, hồn nhiên.  + Con người không có tuổi thơ là thiệt thòi.  \* Kết bài: Những món quà đã trở thành kỷ niệm của cuộc đời.  + Xếp món quà vào vị trí của nó trong tủ  + Hiểu mình đã lớn và vẫn còn mãi một góc tuổi thơ.  Đọc bài văn tham khảo  **II. Luyện tập**  BT1: Lập dàn ý bài văn biểu cảm theo các đề sau:  Đề 1: Cảm xúc vườn nhà.  \* Mở bài: Giới thiệu vườn và tình cảm đối với vườn  \* Thân bài:  - Miêu tả vườn, lai lịch vườn  - Vườn và cuộc sống vui buồn của gia đình mình.  - Vườn và cuộc sống lao động của cha mẹ  - Vườn với sự đổi thay của 4 mùa.  \* Kết bài: Cảm xúc của bản thân về vườn nhà  Đề 2: Cảm nghĩ về tình bạn  \* Mở bài : - Tình bạn là tình cảm cao đẹp của con người.  - Nhắc đến tình bạn của riêng mình.  \* Thân bài : ( Có thể lập ý theo cách: Quan sát – Suy ngẫm hoặc hồi tưởng quá khứ – suy nghĩ về hiện tại.  1. Nhớ người bạn đã đi xa  - Kể những kỷ niệm về tình bạn  - Suy ngẫm  + Bạn bè là sự sẻ chia – thông cảm – là sự nâng đỡ về mặt tinh thần.  + Có bạn: Sống chan hòa, vị tha hơn  2. Nghĩ về tình bạn  - Con người không thể sống thiếu tình bạn  + Có bạn thân,bạn sơ  + Tuổi già có bạn già, tuổi trẻ có bạn trẻ.  - Bạn bè giúp cuộc sống phong phú, mở rộng quan hệ  - Tình bạn thực sự phải biết giúp đỡ nhau trong cuộc sống, phải biết hướng tới cái đẹp.  \* Kết bài: Mong ước cuộc đời luôn có người bạn tốt  Đề 3: Cảm nghĩ về sách vở mình đọc hàng ngày  \* Mở bài: Giới thiệu cảm xúc chung về sách  \* Thân bài:  1. Có thể liên hệ hiện tại với tương lai( hoặc tưởng tượng tình huống làm rõ vai trò của sách).  - Mai đây: Sách điện tử, cả thư viện khổng lồ thu gọn trong một đĩa nén.  - Nhưng cái cảm giác vui khi lần giở từng trang sẽ thú vị hơn nhiều  - Từ sách viết trên thẻ trúc đến sách điện tử – Bước tiến của loài người – Xã hội con người không thể thiếu sách  2. Suy ngẫm về sách  - Sách giáo khoa là bạn của học sinh  + Sách giáo khoa của từng môn mang đến cho học sinh những kiến thức cơ bản của môn học  + Là người bạn không thể thiếu trong từng buổi học, bạn đồng hành trên đường tới trường.  + Xây nền tảng kiến thức cơ bản  - Sách giáo khoa mở rộng sự hiểu biết  - Sách văn học mở ra những chân trời, cảm xúc mới nâng cao vốn sống, vốn hiểu biết  \* Kết bài  - Con người không thể sống thiếu sách  **BTVN:** Lập dàn ý cho các đề sau  Đề 1: Cảm nghĩ về dòng sông quê em  Đề 2: Cảm nghĩ về cánh diều tuổi thơ  Đề 3: Cảm xúc về mùa xuân trên quê hương em  Đề 4: Cảm nghĩ về mẹ của em  Đề 5: Cảm nghĩ về phong cảnh làng quê em. |

4. Củng cố dặn dò.

- Về nhà ôn bài, hoàn thiện các BT vào vở

- Làm BTVN

- Chuẩn bị chuyên đề: Rèn kỹ năng viết đoạn văn biểu cảm”

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 5:**

**Chuyên đề 3: Văn bản**

**CỔNG TRƯỜNG MỞ RA, MẸ TÔI,**

**CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ**

**A. Mục tiêu cần đạt**

*1. Kiến thức:* Trình bày đư­ợc nội dung cơ bản và những nét nghệ thuật chủ yếu của ba văn bản đã học: Cổng trường mở ra, Mẹ tôi, cuộc chia tay của những con búp bê.

*2. Kĩ năng:* Rèn kĩ năng phát hiện nội dung và nghệ thuật truyện ngắn.

*3.Thái độ:* Tình yêu gia đình, nhà trường, bạn bè.

**B.Tiến trình tổ chức dạy học**

Phần lý thuyết:? Gv ôn lại lý thuyết phần văn bản

Phần luyện tập:

1. **Văn bản : “Cổng trường mở ra”**

**Bài 1**: Hãy nhận xét chỗ khác nhau của tâm trạng người mẹ & đứa con trong đêm trước ngày khai trường, chỉ ra những biểu hiện cụ thể ở trong bài.

*Gợi ý:* Mẹ----------------------------Con.

|  |  |
| --- | --- |
| - Trằn trọc, không ngủ, bâng khuâng, xao xuyến.  - Mẹ thao thức. Mẹ không lo nhưng vẫn không ngủ được.  - Mẹ lên giường và trằn trọc, suy nghĩ miên man hết điều này đến điều khác vì mai là ngày khai trường lần đầu tiên của con. | - Háo hức.  - Người con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường, như thấy mình đã lớn, hành động như một đứa trẻ “lớn rồi”giúp mẹ dọn dẹp phòng & thu xếp đồ chơi.  - Giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống 1 ly sữa, ăn 1 cái kẹo. |

**Bài 2**: Theo em,tại sao người mẹ trong bài văn lại không ngủ được? Hãy đánh dấu vào các lí do đúng.

A. Vì người mẹ quá lo sợ cho con.

B. Vì người mẹ bâng khuâng xao xuyến khi nhớ về ngày khai trường đầu tiên của mình trước đây.

C. Vì người mẹ bận dọn dẹp nhà cửa cho ngăn nắp, gọn gàng.

D. Vì người mẹ vừa trăn trở suy nghĩ về người con, vừa bâng khuâng nhớ vè ngày khai trường năm xưa của mình.

**Bài 3:** “***Cổng trường mở ra***” cho em hiểu điều gì? Tại sao tác giả lại lấy tiêu đề này. Có thể thay thế tiêu đề khác được không?

\**Gợi ý:* Nhan đề “*Cổng trường mở ra*” cho ta hiểu cổng trường mở ra để đón các em học sinh vào lớp học, đón các em vào một thế giới kì diệu, tràn đầy ước mơ và hạnh phúc. Từ đó thấy rõ tầm quan trọng của nhà trường đối với con người.

**Bài 4:** Tại sao người mẹ cứ nhắm mắt lại là “dường như vang lên bên tai tiếng đọc bài trầm bổng…đường làng dài và hẹp”.

\**Gợi ý*: Ngày đầu tiên đến trường, cũng vào cuối mùa thu lá vàng rụng, người mẹ được bà dắt tay đến trường, đự ngày khai giảng năm học mới. Ngày đầu tiên ấy, đã in đậm trong tâm hồn người mẹ, những khoảnh khắc, những niềm vui lại có cả nỗi choi vơi, hoảng hốt. Nên cứ nhắm mắt lại là người mẹ nghĩ đến tiếng đọc bài trầm bổng đó. Người mẹ còn muốn truyền cái rạo rực, xao xuyến của mình cho con, để rồi ngày khai trường vào lớp một của con sẽ là ấn tượng sâu sắc theo con suốt cuộc đời.

**Bài 5:** Người mẹ nói: “ …Bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”. Đã 7 năm bước qua cánh cổng trường bây giờ, em hiểu thế giới kì diệu đó là gì?

- Đó là thế giới của những đièu hay lẽ phải, của tình thương và đạo lí làm người.

- Đó là thế giới của ánh sáng tri thức, của những hiểu biết lí thú và kì diệu mà nhân loại hàng ngàn năm đã tích lũy được.

- Đó là thế giới của tình bạn, của tình nghĩa thầy trò, cao đẹp thủy chung.

**Bài 6:** Câu văn nào nói lên tầm quan trọng của nhà trường đối với thế hệ trẻ?

- Ai cũng biết rằng mỗi sai lầm trong giáo dục sẽ ảnh hưởng đến cả một thế hệ mai sau.

- Không có ưu tiên nào lớn hơn ưu tiên giáo dục thế hệ trẻ cho tương lai.

- Bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra.

**II-** **Mẹ tôi**

**Bài 1:** Văn bản là một bức thư của bố gửi cho con, tại sao lại lấy nhan đề là “Mẹ tôi”.

*\* Gợi ý*: Nhan đề “Mẹ tôi” là tác giả đặt. Bà mẹ không xuất hiện trực tiếp trong văn bản nhưng là tiêu điểm, là trung tâm để các nhân vật hướng tới làm sáng tỏ.

**Bài 2:** Em hãy hình dung và tưởng tượng về ngày buồn nhất của En ri cô là ngày em mất mẹ. Hãy trình bày bằng một đoạn văn.

\**Gợi ý*: En ri cô đang ngồi lặng lẽ, nước mắt tuôn rơi. Vóc người vạm vỡ của cậu như thu nhỏ lại trong bộ quần áo tang màu đen. Đất trời âm u như càng làm cho cõi lòng En ri cô thêm sầu đau tan nát. Me không còn nữa. Người ra đi thanh thản trong hơi thở cuối cùng rất nhẹ nhàng. En ri cô nhớ lại lời nói thiếu lễ độ của mình với mẹ, nhớ lại nét buồn của mẹ khi ấy. Cậu hối hận, dằn vặt, tự trách móc mình và càng thêm đau đớn. Cậu sẽ không còn được nghe tiếng nói dịu dàng, âu yếm và nhẹ nhàng của mẹ nữa. Sẽ chẳng bao giờ còn được mẹ an ủi khi có nỗi buồn, mẹ chúc mừng khi có niềm vui và thành công. En ri cô buồn biết bao.

**Bài 3:** Chi tiết “Chiếc hôn của mẹ sẽ xóa đi dấu vết vong ân bội nghĩa trên trán con” có ý nghĩa như thế nào.

\**Gợi ý*: Chi tiết này mang ý nghĩa tượng trưng. Đó là cái hôn tha thứ, cái hôn của lòng mẹ bao dung. Cái hôn xóa đi sự ân hận của đứa con và nỗi đau của người mẹ.

**Bài 4:** Theo em người mẹ của En ri cô là người như thế nào? Hãy viết 1 đoạn văn làm nổi bật hình ảnh người mẹ của En ri cô (học sinh viết đoạn - đọc trước lớp).

**III. VB Cuộc chia tay của những con búp bê**.

- VB nhật dụng đề cập đến vấn đề quan trọng trong cuộc sống hiện đại: bố mẹ li dị, con cái phải chịu cảnh chia lìa. qua đó cảnh báo cho tất cả mọi người về trách nhiệm của mình đối với con cái.

1. ND: Mượn chuyện cuộc chia tay của những con búp bê, tác giả thể hiện tình th­ương xót về nỗi đau buồn của những trẻ thơ trước bi kịch gia đình. Đồng thời ca ngợi tình cảm tốt đẹp, trong sáng của tuổi thơ.

2. Ý nghĩa: Đọc truyện ngắn này ta càng thêm thấm thía: hạnh phúc gia đình, tình cảm gia đình là vô cùng quí giá, thiêng liêng; mỗi người phải biết vun đắp, giữ gìn những tình cảm trong sáng, thân thiết ấy.

3. NT: lập luận chặt chẽ, lời lẽ chân thành, giản dị, giàu cảm xúc, có sức thuyết phục cao.

- PTBĐ : tự sự + Biểu cảm

- Ngôi kể thứ nhất: Người kể chứng kiến câu chuyện xảy ra, trực tiếp tham gia cốt truyện. Cách lựa chọn ngôi kể này giúp tác giả trực tiếp thể hiện suy nghĩ, tình cảm và diễn biến tâm trạng của nhân vật, tăng thêm tính chân thực của truyện, làm cho truyện hấp dẫn và sinh động hơn.

**Luyện tập :**

**1. Tại sao tác giả đặt tên truyện là *Cuộc chia tay của những con búp bê*** ?

\**Gợi ý:* Những con búp bê vốn là đồ chơi thủa nhỏ, gợi lên sự ngộ nghĩnh, trong sáng, ngây thơ, vô tội. Cũng như Thành và Thủy buộc phải chia tay nhau nh­ưng tình cảm của anh và em không bao giờ xa.

Những kỉ niệm, tình yêu thương, lòng khát vọng hạnh phúc còn mãi mãi với 2 anh em, mãi mãi với thời gian.

**2. Tìm các chi tiết trong truyện cho thấy hai anh em Thành, Thuỷ rất mực gần gũi, th­ương yêu, chia sẻ và luôn quan tâm đến nhau**:

- Thủy khóc, Thành cũng đau khổ. Thủy ngồi cạnh anh,lặng lẽ đặt tay lên vai anh.

- Thủy là cô bé nhân hậu, giàu tình thương, quan tâm, săn sóc anh trai: Khi Thành đi đá bóng bị rách áo, Thuỷ đã mang kim ra tận sân vận động để vá áo cho anh. Trước khi chia tay dặn anh “ Khi nào áo anh rách, anh tìm về chỗ em,em vá cho”; dặn con vệ sĩ “ Vệ sĩ ở lại gác cho anh tao ngủ nhé”.

- Ngược lại, Thành th­ường giúp em mình học. Chiều chiều lại đón em ở trường về.

- Cảnh chia đồ chơi nói lên tình anh em thắm thiết :nh­ường nhau đồ chơi.

**3. Trong truyện có chi tiết nào khiến em cảm động nhất. Hãy trình bày bằng 1 đoạn văn**

(học sinh viết, đọc - GV nhận xét - cho điểm).

\* *Gợi ý:* Cuối câu chuyện Thủy để lại 2 con búp bê ở bên nhau, quàng tay vào nhau thân thiết, để chúng ở lại với anh mình. Cảm động biết bao khi chúng ta chứng kiến tấm lòng nhân hậu, tốt bụng, chan chứa tình yêu thư­ơng của Thủy. Thà mình chịu thiệt thòi còn hơn để anh mình phải thiệt. Thà mình phải chia tay chứ không để búp bê phải xa nhau. Qua đó ta cũng thấy đ­ược ­ước mơ của Thủy là luôn được ở bên anh như­ người vệ sĩ luôn canh gác giấc ngủ bảo vệ và vá áo cho anh.

**4.** **Trong truyện có mấy cuộc chia tay**? Tại sao tên truyện là” Cuộc....”nh­ưng trong thực tế búp bê không xa nhau? nếu đặt tên truyện là “ búp bê không hề chia tay”, “ Cuọc chia tay giữa Thành và Thuỷ” thì ý nghĩa của truyện có khác đi không?

\*Gợi ý: Truyện ngắn có 4 cuộc chia tay.....

- Tên truyện là “ Cuộc ....” trong khi thực tế búp bê không hề chia tay. đây là dụng ý của tác giả. búp bê là vật vô tri vô giác như­ng chúng cũng cần sum họp, cần gần gũi bên nhau, lẽ nào những em nhỏ ngây thơ trong trắng như búp bê lại phải đau khổ chia tay. Điều đó đặt ra cho những người làm cha, làm mẹ phải có trách nhiệm giữ gìn tổ ấm của gia đình mình .

- Nếu đặt tên truyện như­ thế ý nghĩa truyện về cơ bản không khác nh­ưng sẽ đánh mất sắc thái biểu cảm. Tác giả lấy cuộc chia tay của hai con búp bê để nói cuộc chia tay của con ng­ười thế nh­ưng cuối cùng búp bê vẫn đoàn tụ. Vấn đề này để người lớn phải suy nghĩ.

**5. Ở phần cuối truyện, nhân vật Thuỷ khi đã trèo lên xe theo mẹ, bỗng tụt xuống, đi nhanh về phía giường và: “ đặt con Em Nhỏ quàng tay vào con Vệ Sĩ ”.**

**Bằng một đoạn văn ngắn (từ 7-10 câu), hãy trình bày suy nghĩ của em về chi tiết này.**

- Chi tiết tưởng như gây bất ngờ nhưng lại phù hợp trong sự phát triển tâm lí nhân vật vì có liên quan đến việc bé Thủy tru tréo lên giận dữ khi Thành chia rẽ con Em Nhỏ và con Vệ Sĩ

- Chi tiết này cho ta thấy Thủy là một em bé rất thương anh, thương những con búp bê, chấp nhận chia lìa chứ không để búp bê phải chia tay, muốn anh luôn có con Vệ Sĩ gác cho giấc ngủ được ngon lành.

- Người đọc vừa mến yêu trân trọng vừa xót xa thương cho cô bé có lòng vị tha nhân hậu mà chịu nỗi đau quá lớn khi tuổi còn nhỏ đã phải chịu cảnh chia lìa…

- Chi tiết truyện còn mang thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc: cuộc chia tay của các em nhỏ là rất vô lí, là không nên có, không nên để nó xảy ra, chi tiết đó cũng gợi nỗi khát khao cháy bỏng của tuổi thơ chúng ta, đó là tuổi thơ cần được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ, sống trong tình cảm đầm ấm của gia đình.\

**C. Bổ sung** :

Bài tập về nhà: Tóm tắt truyện ngắn: “ Cuộc....” bằng một đoạn văn ngắn ( 7-10 câu)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**BUỔI 6:**

**Chuyên đề 4: Rèn kỹ năng viết đoạn văn trong bài văn biểu cảm**

**I. Mục tiêu bài dạy**

1. Kiến thức: Giúp các em nắm chắc phương pháp, cách viết các đoạn trong bài văn biểu cảm ( đoạn mở bài, thân bài, kết bài)

2. Kỹ năng: Rẽn kỹ năng viết các đoạn trong phần mở bài, thân bài, kết bài

3. Thái độ: Có ý thức học tập nghiêm túc, yêu thích thể loại.

**II. Chuẩn bị**

- Thày: SGK, vở giáo án, tài liệu liên quan

- Trò: SGK, vở ghi chép, tài liệu có liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. Ổn định tổ chức

2. KTBC: Việc làm BTVN của học sinh

3. Bài mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung hoạt động** |
| ? Em hãy nêu đặc điểm của đoạn văn biểu cảm.  ? Phần mở đoạn phải đạt yêu cầu gì?  ? Phát triển đoạn viết như thế nào.  ? Phần kết đoạn viết ra sao  ? Hãy nêu yêu cầu của đoạn văn biểu cảm  ? Nêu các cách biểu cảm.  ? Em hãy nêu đặc điểm của hình thức một đoạn văn  ? Nêu các bước viết đoạn văn  - GV đưa đoạn văn mẫu  - Cho HS tìm câu mang ý khái quát  - GV nêu đặc điểm của đoạn văn  - GV yêu cầu HS tìm những đoạn văn được trình bày theo cách trên  - GV hệ thống hóa bằng sơ đồ  - Cho HS tìm hiểu ví dụ mẫu  - Rút ra đặc điểm của cách trình bày  - GV nêu đặc điểm của đoạn văn  - Lấy ví dụ mẫu cho học sinh tìm hiểu  - Yêu cầu học sinh ghi đoạn văn mẫu  - Cho HS đọc ví dụ  - Nêu nhận xét về đặc điểm nội dung hình thức của đoạn  - Yêu cầu học sinh viết đoạn văn theo hình thức ấy  - Yêu cầu HS luyện viết đoạn  - GV yêu cầu HS trình bày  - GV sửa lỗi  Sơ đồ BT2  6  1 2 3 4 5  4. Củng cố, dặn dò | **I. Lý thuyết**  **1. Đặc điểm của đoạn văn biểu cảm**  - Đoạn văn biểu cảm có bố cục 3 phần  + Mở đoạn: Có thể giới thiệu, sự vật cảnh vật trong thời gian và không gian, cảm xúc ban đầu của người viết.  + Phát triển đoạn: Biểu lộ cảm xúc, ý nghĩ một cách cụ thể, chi tiết, sâu sắc.  + Kết thúc đoạn: Kết đọng cảm xúc, ý nghĩ của mình.  **2. Yêu cầu của đoạn văn biểu cảm**  - Đoạn văn có giá trị khi tình cảm và tư tưởng hoàn quện nhau chặt chẽ, cảm xúc phải chân thực trong sáng, tư tưởng phải tiến bộ đúng đắn, câu văn, lời văn, giọng văn phải có trí biểu cảm.  **3. Các cách biểu cảm**  a. Biểu cảm trực tiếp: Thông qua việc sử dụng các từ cảm: Ôi, hỡi, tôi, ta.  b. Biểu cảm gián tiếp: Thông qua cách miêu tả  Biểu cảm trực tiếp và biểu cảm gián tiếp không đối lập nhau, không tách rời nhau mà cần được bổ sung cho nhau để igups cho biểu cảm sâu sắc hơn.  **4. Hình thức của đoạn văn**  Đoạn văn là môt phần của văn bản được tính từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến dấu chấm qua hàng.  **5. Các bước viết đoạn văn**  - Tìm hiểu đề, xác định ý  - Xây dựng câu chủ đề ( có thể đứng đầu đoạn hoặc cuối đoạn)  - Lựa chọn phép liên kết, phương tiện liên kết, cách dùng từ ngữ cho phù hợp.  **6. Cách trình bày nội dung trong đoạn văn**  a. Diễn dịch: Là cách trình bày nội dung trong một đoạn văn đi từ ý chung, ý khái quát đến ý cụ thể, ý chi tiết để làm sáng tỏ ý chung, ý khái quát đó. Câu chủ đề của đoạn văn mang ý chung, ý khái quát, đứng ở đầu đoạn văn.  Ví dụ:  “ Nhật ký trong tù canh cánh một tấm lòng nhớ nước. Chân bước đi trong đất Bắc mà lòng vẫn hướng về Nam. Nhớ đồng bào trong cảnh lầm than. Có lẽ nhớ cả tiếng khóc của bao nhiêu em bé Việt Nam qua tiếng khóc của em bé Trung Hoa. Nhớ người đồng chí đưa tiễn đến bến sông. Nhớ lá cờ khởi nghĩa đang tung bay trước gió. Nhớ lúc tỉnh và nhớ cả lúc mơ”  Sơ đồ  1  1 2 3 4 5  b. Cách quy nạp  - Khái niệm: Là cách trình bày nội dung trong đoạn văn đi từ ý cụ thể chi tiết đến ý chung, làm sáng tỏ ý chung, ý khái quát đó. Câu chủ đề của doạn văn mang ý chung, ý khái quát đứng ở cuối đoạn văn.  c. Cách tổng phân hợp  - Mở đoạn: Nêu chủ đề của đoạn văn  - Thân đoạn: Triển khai các khía cạnh, các mặt biểu hiện của chủ đề, cụ thể hóa và phát triển chủ đề bằng việc phân tích chứng minh, miêu tả cụ thể, nêu nguyên nhân.  - Kết đoạn: Thâu tóm nội dung của chủ đề, nâng cao nội dung của chủ đề lên một bước khái quát mới.  VD:  Ca dao là cây đàn muôn điệu để bộc lộ những tư tưởng cảm xúc của người dân lao động. Những câu ca dao mượt mà, thiết tha luôn mang đến ấn tượng khó phai. Đặc biệt là bài ca dao ca ngợi vẻ đẹp của đất nước và ngợi ca công lao xây dựng đất nước của các vị anh hùng  “ Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ  xem cầu Thê Húc xem chùa Ngọc Sơn  Đài nghiên Tháp Bút chưa mòn  Hỏi ai gây dựng lên non nước này”  Trong bài ca dao trên ba câu đầu đã nhắc đến địa danh rất nổi tiếng là Hồ Gươm, cầu Thê Húc, chùa Ngọc Sơn, Đài Nghiên rồi Tháp Bút. Tất cả đều rất đẹp đẽ và đều được giữ gìn lâu dài. Tất cả đều rất đẹp và chải qua một quá trình gây dựng và bảo vệ. Ông cha ta muốn ca ngợi công lao của ai đã gây dựng lên non nước tươi đẹp này.Đó chính là các Vua Hùng và những thế hệ đi trước đã phải tốn bao công sức, mồ hôi xương máu để bảo vệ và giữ gìn. Câu hỏi tu từ ở cuối bài đã nói lên lòng biết ơn và kính trọng các Vua Hùng và những thế hệ đi trước. Đồng thời với giọng điệu nhẹ nhàng tha thiết. Câu hỏi cuối cùng cũng đã nói lên sự tôn kính, đồng thời gợi ramotoj bài học vô cùng thấm thía. Nhắc nhở chúng ta phải biết giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp hơn.  => Giới thiệu nội dung chính của bài ca dao -> phân tích nghệ thuật và nội dung - > câu cuối khái quát lại giá trị của bài ca dao.  d. Cách song hành  - Là cách trình bày nội dung trong đoạn văn, trong đó các ý có vai trò bình đẳng nhau trong việc thể hiện nội dung chính của doạn văn cùng hướng tới nội dung chính. Không có hiện tượng ý này bao quát ý kia, không có ý móc nối với nhau.  Ví dụ:  Ca dao là bầu sữa tinh thần nuôi dưỡng trẻ thơ. Ca dao là những hình thức trò chuyện tâm tình của những tràng trai, cô gái “ Hát ví, hát xoan, hát ghẹo” Ca dao là tiếng nói biết ơn tự hào về công đức tổ tiên và anh linh những người đã mất “ Ca dao lễ hội”. Ca dao là phương tiện để bộc lộ nỗi tức giận và lòng hân hoan của những người sản xuất “ Hò, Lí”  e. Cách móc xích  - Là cách trình bày nội dung của đoạn văn mà ý nọ nối tiếp ý kia bằng các từ ngữ được lặp lại ở cuối câu trước và đầu câu sau.  Ví dụ: Bây giờ muốn mang lại lợi ích cho đồng bào các dân tộc thì phải nâng cao đời sống cho đồng bào. Không phải cứ nói mà ra cơm ra gạo. Cơm gạo không phải từ trên trời rơi xuống. Muốn có cơm gạo thì đồng bào phải làm cái gì. Muốn ấm no thì phải làm cái gì, phải làm như thế nào. Phải tăng gia sản xuất.  **II. Luyện tập**  BT1: Viết đoạn văn miêu tả dòng sông quê em theo lối diễn dịch.  BT2: Viết đoạn văn theo lối quy nạp.  - VD: Quan lại vì tiền mà bất chấp công lý. Sai nha vì tiền mà tra tấn cho con Vượng Ông, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Hạnh vì tiền mà buôn thịt bán người. Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm. Quyển Ưng vì tiền mà lao vào vòng tội ác. Cả một xã hội chạy theo đồng tiền.  BTVN: Viết 5 đoạn văn theo 5 cách đã học  Học bài, làm bài tập  - Chuẩn bị chuyên đề: “Phương pháp làm văn biểu cảm về tác phẩm văn học”. |

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 7, 8:**

**Chuyên đề 5:**

**TIẾNG VIỆT (2 buổi)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

- Trình bày được cấu tạo của các loại từ ghép, từ láy và nghĩa của từ ghép từ láy; nghĩa của từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.

- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của việc dùng từ láy trong văn bản .

- Hiểu giá trị tượng thanh , gợi hình , gợi cảm của từ láy , yếu tố Hán Việt .

- Biết cách sử dụng từ ghép , từ láy , từ Hán Việt ….

**II. Chuẩn bị**

- Thày: SGK, vở giáo án, tài liệu liên quan

- Trò: SGK, vở ghi chép, tài liệu có liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. Ổn định tổ chức

2. KTBC: Việc làm BTVN của học sinh

3. Bài mới.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I . Từ ghép**  ***1. Khái niệm*** :  - Từ ghép là những từ do hai hoặc nhiều tiếng có nghĩa tạo thành.  - Ví dụ : hoa + lá = hoa lá.  học + hành = học hành.  - Chú ý : Trong Tiếng việt phần lớn từ ghép có 2 tiếng.  ***2. Phân loại*** :  **a. Từ ghép chính phụ**:  - ghép các tiếng không ngang hàng với nhau.  - Tiếng chính làm chỗ dựa, tiếng phụ đứng sau bổ sung nghĩa cho tiếng chính.  - Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn, cụ thể hơn nghĩa của tiếng chính.  - Trong từ ghép chính phụ , thường tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau.  - Ví dụ : +Bút bút máy, bút chì, bút bi…  + Làm làm thật, làm dối, làm giả…  **b. Từ ghép đẳng lập :**  - Ghép các tiếng ngang hàng với nhau về nghĩa .  - Giữa các tiếng dung để ghép có quan hệ bình đẳng với nhau về mặt ngữ pháp.  - Nghĩa của từ ghép đẳng lập chung hơn , khái quát hơn nghĩa của các tiếng dung để ghép.  - Có thể đảo vị trí trước sau của các tiếng dùng để ghép.  - Ví dụ : - Áo + quần quần áoquần áo  - Xinh+ tươi Xinh tươi tươi xinh.  ***3. Bài tập*** :  **Bài tập 1 :** Khoanh tròn vào chữ các đứng trước câu trả lời đúng :  ***Từ ghép chính phụ là từ ghép như thế nào ?***  A . Từ có hai tiếng có nghĩa .  B . Từ được tạo ra từ một tiếng có nghĩa .  C . Từ có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp .  D . Từ ghép có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính .  **Bài tập 2 :Hãy sắp xếp các từ sau đây vào bảng phân loại từ ghép:**  Học hành, nhà cửa, xoài tượng, nhãn lồng, chim sâu, làm ăn, đất cát, xe đạp, vôi ve, nhà khách, nhà nghỉ.  **Bài tập 4:Xác định từ ghép trong các câu sau :**  a. Trẻ em như búp trên cành  Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan  b. Nếu không có điệu Nam ai  Sông Hương thức suốt đêm dài làm chi.  Nếu thuyền độc mộc mất đi  Thì hồ Ba Bể còn gì nữa em.  c. Ai ơi bưng bát cơm đầy.  Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.  **Bài tập 5 : *Tìm các từ ghép trong đoạn văn sau và cho chúng vào bảng phân loại :***  “ Mưa phùn đem mùa xuân đến, mưa phùn khiến những chân mạ gieo muộn nảy xanh lá mạ. Dây khoai, cây cà chua rườm rà xanh rợ các trảng ruộng cao. Mầm cây sau sau, cây nhội hai bên đường nảy lộc, mỗi hôm trông thấy mỗi khác .  …Những cây bằng lăng mùa hạ ốm yếu lại nhú lộc. Vầng lộc non nảy ra. Mưa bụi ấm áp . Cái cây được cho uống thuốc.”  \* Gợi ý trả lời :  ***Bài tập 1:*** D  ***Bài tập 2***:   |  |  | | --- | --- | | **Từ ghép chính phụ** | Học hành, nhà cửa, nhãn lồng, chim sâu, xe đạp, vôi ve, nhà khách, nhà nghỉ. | | **Từ ghép đẳng lập** | Nhà cửa, làm ăn, đất cát |   ***Bài tập 4***:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ ghép đẳng lập** | **Từ ghép chính phụ** | | a | Ăn ngủ | Học hành | | b |  | Điệu Nam Ai, sông Hương, thuyền độc mộc, Ba Bể | | c | Dẻo thơm | Bát cơm |   ***Bài tập 5***:   |  |  | | --- | --- | | **Từ ghép chính phụ** | Mưa phùn, mùa xuân, chân mạ, dây khoai, cây cà chua, xanh rợ, mầm cây | | **Từ ghép đẳng lập** | Cây bàng, cây bằng lăng, mùa hạ, mưa bụi, uống thuốc |   **II . Từ láy :**  ***1. Khái niệm* :** Từ láy là một kiểu từ phức đặc biệt có sự hòa phối âm thanh, có tác dụng tạo nghĩa giữa các tiếng. Phần lớn từ láy trong Tiếng Việt được tạo ra bằng cách láy tiếng gốc có nghĩa.  - Ví dụ : + Khéo khéo léo.  + Xinh xinh xắn.  ***2. Phân loại :***  **a. Từ láy toàn bộ** :  - ***Láy toàn bộ giữ nguyên thanh điệu***: Ví dụ : xanh xanh xanh.  ***- Láy toàn bộ có biến đổi thanh điệu:***Ví dụ : đỏ đo đỏ.  **b. Láy bộ phận**:  - ***Láy phụ âm đầu :***Ví dụ : Phất phất phơ  - ***Láy vần :*** Ví dụ : xao lao xao.  ***3. Tác dụng* :**Từ láy giàu giá trị gợi tả và biểu cảm. Có từ láy làm giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh sắc thái ý nghĩa so với từ gốc. Từ láy tượng hình có giá trị gợi tả đường nét, hình dáng màu sắc của sự vật.Từ láy tượng thanh gợi tả âm thanh. Lúc nói và viết biết sử dụng từ láy sẽ làm cho câu văn câu thơ giàu hình tượng , nhạc điệu.  - Ví dụ : “ **Lom khom** dưới núi tiều vài chú  **Lác đác** bên sông chợ mấy nhà .”  ***4. Bài tập.***  **Bài tập 1.** *Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng .*  ***1. Từ láy là gì ?***  A. Từ có nhiều tiếng có nghĩa.  B.Từ có các tiếng giống nhau về phụ âm đầu.  C. Từ có các tiếng giống nhau về vần.  D.Từ có sự hòa phối âm thanh dựa trên cơ sở một tiếng có nghĩa.  ***2.Trong những từ sau từ nào không phải từ láy.***  A. Xinh xắn. B.Gần gũi.  C. Đông đủ. D.Dễ dàng.  ***3.Trong những từ sau từ nào là từ láy toàn bộ ?***  A. Mạnh mẽ. B. Ấm áp.  C. Mong manh. D. Thăm thẳm.  **Bài tập 2: *Hãy sắp xếp các từ sau vào bảng phân loại từ láy*** :  “Long lanh, khó khăn , vi vu, linh tinh, loang loáng, lấp lánh, thoang thoảng,nhỏ nhắn,ngời ngời, bồn chồn, hiu hiu. ”  **Bài tập 3.** ***Điền thêm các từ để tạo thành từ láy.***  - Rào …. ;….bẩm;….tùm;…nhẻ;…lùng;…chít;trong…;ngoan…;  lồng…; mịn…; bực….;đẹp….  **Bài tập 4 :** *Cho nhóm từ sau :* “ Bon bon , mờ mờ , xanh xanh , lặng lặng , cứng cứng , tím tím , nhỏ nhỏ , quặm quặm , ngóng ngóng ” .Tìm các từ láy toàn bộ không biến âm , các từ láy toàn bộ biến âm ?  ***Gợi ý trả lời*** :  **Bài tập 1**1D. 2. D 3. D.  Bài tập 2   |  |  | | --- | --- | | **Từ láy toàn bộ** | Ngời ngời, hiu hiu, loang loáng, thăm thẳm. | | **Từ láy bộ phận** | Long lanh, khó khăn, nhỏ nhắn, bồn chồn, lấp lánh. |   **Bài tập 3.**Rào rào, lẩm bẩm, um tùm, nhỏ nhẻ, lạnh lùng, chi chít, trong trắng, ngoan ngoãn, lồng lộng, mịn màng, bực bội, đẹp đẽ.  **Bài tập 4 :**  \*Các từ láy toàn bộ không biến âm : Bon bon, xanh xanh, mờ mờ .  \* Các từ láy toàn bộ biến âm : Quằm quặm, lẳng lặng, ngong ngóng, cưng cứng, tim tím, nho nhỏ.  **III . Từ Hán Việt :**  **1. Khái niệm:**Từ Hán Việt là từ gốc Hán nhưng được đọc theo cách Việt, viết bằng chữ cái la-tinh và đặt vào trong câu theo văn phạm Việt Nam.  - Ví dụ : Sính lễ, trưởng thành , gia nhân…  **\*Chú ý :**  - Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt:  + Ví dụ : Xuất /quỷ / nhập / thần 4 chữ, 4 tiếng, 4 yếu tố Hán Việt.  - Có yếu tố Hán Việt được dùng độc lập:+ Ví dụ : Sơn, thủy, thiên, địa, phong , vân…  - Có yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập, hoặc ít được dùng độc lập mà chỉ được dùng để tạo từ ghép.+ Ví dụ : Tiệt nhiên, như hà, nhữ đẳng…  - Có yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng khác nghĩa.  + Ví dụ :  Hữu- bạnTình bằng hữu.  Hữu- bên phải Hữu ngạn sông Hồng.  Hữu- có Hữu danh vô thực.  **2. Từ ghép Hán Việt**  ***a. Từ ghép đẳng lập*** : Do hai hoặc nhiều tiếng Hán Việt có nghĩa tạo thành.  - Ví dụ : + Quốc gia Quốc (nước) + gia (nhà)  ***b. Từ ghép chính phụ .***  \* Từ ghép chính phụ Hán Việt được ghép theo 2 kiểu:  - Tiếng chính đứng trước , tiếng phụ đứng sau.  + Ví dụ : **Ái** quốc, **đại** diện, **hữu** hiệu…  - Tiếng phụ đứng trước, tiếng chính đứng sau:  + Ví dụ : Quốc **kì**, hồng **ngọc**, mục **đồng** , ngư **ông**…  **c. Sử dụng từ Hán Việt :** Phải hiểu nghĩa của từ Hán Việt để sử dụng cho đúng, cho hợp lí, cho hay lúc giao tiếp, để hiểu đúng văn bản nhất là thơ văn cổ. Tiếng Việt trong sáng, giàu đẹp một phần do cha ông ta đã sử dụng một cách sáng tạo từ Hán Việt.  - Sử dụng từ Hán Việt đúng cảnh, đúng tình, đúng người… có thể tạo nên không khí trang nghiêm, trọng thể, biểu thị thái độ tôn kính, trân trọng lúc giao tiếp. Từ Hán Việt có thể làm cho thơ văn thêm đẹp: cổ kính, hoa mĩ, trang trọng và trang nhã.  **3. Bài tập :**  **Bài tập 1 :***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng*  **1 . Chữ “*thiên*”trong từ nào sau đây không có nghĩa là “*trời* ”** ?  A . Thiên lí . B. Thiên thư . C . Thiên hạ . D . Thiên thanh .  ***2 . Từ Hán Việt nào sau đây không phải là từ ghép đẳng lập ?***  A . Xã tắc . B . Quốc kì . C . Sơn thủy . D . Giang sơn .  **Bài tập 2 :** Giải thích ý nghĩa của các yếu tố Hán – Việt trong thành ngữ sau : “ ***Tứ hải giai huynh đệ ”***  **Bài tập 3 :** Xếp các từ sau vào bảng phân loại từ ghép Hán Việt : **“ *Thiên địa, đại lộ, khuyển mã, hải đăng, kiên cố, tân binh, nhật nguyệt*, *quốc*** ***kì, hoan hỉ, ngư ngiệp”***  **\* Gợi ý trả lời :**  ***Bài tập 1 :***1 A . 2 . B .  ***Bài tập 2 :***  - Tứ : bốn  Hải : biển . Bốn biển đều là anh em .  - Giai : đều .  - Huynh : anh .  - Đệ : em .  Bài tập 3 :   |  |  | | --- | --- | | **Từ ghép đẳng lập** | - Thiên địa, khuyển mã, kiên cố, nhật nguyệt, hoan hỉ. | | **Từ ghép** | **chính phụ**  Đại lộ, hải đăng, tân binh, ngư nghiệp. |   **IV. Từ đồng nghĩa**  **1 . Khái niệm :**Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau .  - Ví dụ : Mùa hè – mùa hạ , quả - trái , sinh - đẻ ….  **2. Phân loại :**  ***a . Từ đồng nghĩa hoàn toàn :***  - Là những từ có ý nghĩa tương tự nhau, không có sắc thái ý nghĩa khác nhau .  - Ví dụ :  + “ Áo chàng đỏ tựa ráng pha,  **Ngựa** chàng sắc trắng như là tuyết in .”  ( Chinh phụ ngâm )  + “Khuyển **mã** chí tình ”  ( Cổ ngữ )  ***b. Từ đồng nghĩa không hoàn toàn :***  - Là những từ có nghĩa gần giống nhau nhưng sắc thái ý nghĩa khác nhau .  - Ví dụ :  + “Giữa dòng bàn bạc việc quân  Khuya về **bát ngát** trăng ngân đầy thuyền” .  ( Hồ Chí Minh )  “**Mênh mông** bốn mặt sương mù  Đất trời ta cả chiến khu một lòng ”.  ( Việt Bắc – Tố Hữu )  **3 . Bài tập :**  ***Bài tập 1 :****Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng*  **1 . Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ “*thi nhân* ” ?**  A . Nhà văn B. Nhà thơ C. Nhà báo D . Nghệ sĩ  **2 . Yếu tố “*tiền*” trong từ nào sau đây không cùng nghĩa với những yếu tố còn lại**  A . Tiền tuyến B. Tiền bạc C. Cửa tiền D. Mặt tiền  ***Bài tập 2 :*** *Điền từ thích hợp vào các câu dưới đây : “* **Nhanh nhảu, nhanh nhẹn, nhanh chóng” .**  a) Công việc đã được hoàn thành ……………….  *b*) Con bé nói năng …………………  c) Đôi chân Nam đi bóng rất …………………  ***Bài tập 3 :Xếp các từ sau vào các nhóm từ đồng nghĩa.***  Chết, nhìn, cho, chăm chỉ, hi sinh, cần cù, nhòm, siêng năng, tạ thế, biếu, cần mẫn, thiệt mạng, liếc, tặng, dòm, chịu khó .  ***Bài tập 4 : Cho đoạn thơ***:  " Trên đường cát mịn một đôi  Yếm **đỏ** khăn **thâm** trẩy hội chùa  Gậy trúc dát bà già tóc **bạc**  Tay lần tràn hạt miệng nam mô"  (Nguyễn Bính)  a) Tìm từ đồng nghĩa với các từ in đậm.  b) Đặt câu với các từ em vừa tìm được.  ***Bài tập 5 :*** Viết một đoạn văn khoảng 8 – 12 câu ( chủ đề ngày khai trường ) trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa .  **\* Gợi ý :**  ***Bài tập 1 :***1 . A . 2 . B .  ***Bài tập 2 :***  a ) Nhanh chóng  b ) Nhanh nhảu  c ) Nhanh nhẹn  Bài tập 3 :   |  |  | | --- | --- | | Từ đồng nghĩa hoàn toàn | Chăm chỉ, cần cù, siêng năng, cần mẫn, chịu khó | | Từ đồng nghĩa không hoàn toàn | Chết, hi sinh, tạ thế, thiệt mạng, cho, biếu, tặng, nhìn, liếc, nhòm, dòm |   \* Hoặc có thể xếp như sau :  a) chết, hi sinh, tạ thế, thiệt mạng  b) nhìn, nhòm, ngó, liếc, dòm  c) cho, biếu, tặng  d) kêu, ca thán, than, than vãn  e) chăn chỉ, cần cù, siêng năng, cần mẫn, chịu khó  g) mong, ngóng, trông mong  ***Bài tập 4 :***  **a** ) tìm từ đòng nghĩa ; đỏ - thắm, đen – thâm, bạc – trắng  b) hs chú ý đặt câu cho đúng sắc thái    **V. Từ trái nghĩa**  **1 . Khái niệm** Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau, xét trên một cơ sở chung nào đó .  - Ví dụ :Chết **vinh** còn hơn sống **nhục**  **2 . Tác dụng :**Từ trái nghĩa được sử dụng trong thể đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động .  **3 . Bài tập**  ***Bài tập 1 :***  *Tìm các từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ sau:*  a) Thân em như củ ấu gai  Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen  b) Anh em như chân với tay  Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần  c) Người khôn nói ít hiểu nhiều  Không như người dại lắm điều rườm tai  d) Chuột chù chê khỉ rằng " Hôi!"  Khỉ mới trả lời: "cả họ mầy thơm!"  ***Bài tập 2 :****Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các câu tục ngữ sau:*  a) Một miếng khi đói bằng một gói khi………  b) Chết……….còn hơn sống đục  c) Xét mình công ít tội ……  d) Khi vui muốn khóc , buồn tênh lại …………..  e) Nói thì……………….làm thì khó  g) Trước lạ sau……………….  ***Bài tập 3 :***Viết một đoạn văn từ 10 12 câu ( chủ đề học tập ) trong đó có sử dụng từ trái nghĩa  **\* Gợi ý :**  ***Bài tập 1 :*** a) Trắng – đen , Trong – ngoài b) Rách – lành, Dở - hay  c) Ít - nhiều , Khôn – dại d) Hôi – thơm  ***Bài tập2:***a) No . b) vinh . c) Nhiều . d) Cười . e) Dễ . g) Quen .  ***Bài tập 3*** : HS tự viết .  **VI . Từ đồng âm**  ***1 . Khái niệm***  - Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì tới nhau  - Ví dụ : + “ Ai xui con **cuốc** gọi vào hè  Cái nóng nung người nóng nóng ghê ”  ( Nguyễn Khuyến )  + “ Tổ quốc tôi như một con tàu  Mũi thuyền ta đó – mũi Cà Mau ”  ( Mũi Cà Mau – Xuân Diệu )  ***2 . Sử dụng từ đồng âm***  - Từ đồng âm chỉ có thể hiểu đúng nghĩa qua các từ đi kèm với nó .  - Căn cứ vào hoàn cảnh giao tiếp ta mới nhận diện được nghĩa của từ đồng âm và viết đúng chính tả .  ***3 . Bài tập***  ***Bài tập 1*** :*Giải thích nghĩa của các cặp từ :*  a) Những đôi mắt **sáng** 1 thức đến **sáng 2** .  b) Sao đầy hoàng hôn **trong1** mắt **trong2** .  c) - Mỗi hình tròn có mấy **đường kính**1 .  - Giá **đường kính 2**đang hạ .  ***Bài tập 2 :****Xác định từ loại của từ “****đông” , “chè*** *” trong các câu sau :*  - Mùa **đông1** đã về thật rồi .  - Mặn quá , tiết không sao **đông2** được .  - Nấu thịt **đông3** nên cho nhiều mọc nhĩ .  - Những nương **chè1** đã phủ xanh đồi trọc .  - **Chè 2**đố đen ăn vào những ngày nóng thì thật là tuyệt .  - Bán cho tôi cốc nước **chè** **3**xanh bà chủ quán ơi !  ***Bài tập 3 :*** Đặt câu với các cặp từ đồng âm sau :  a) Đá ( danh từ ) – đá ( động từ ) .  b) Bắc ( danh từ ) – bắc (động từ ) .  c) Thân ( danh từ ) – Thân ( tính từ ) .  **\* Gợi ý :**  ***Bài tập 1 :***  a) - **Sáng** 1 : Tính chất của mắt , trái nghĩa với mờ , đục , tối .  - **Sáng** 2 : Chỉ thời gian , phân biệt với trưa , chiều , tối .  b)  **- Trong1** : chỉ vị trí , phân biệt với ngoài , giữa .  - T**rong2** : Tính chất của mắt , trái nghĩa với mờ , đục , tối .  c) **- Đường kính**1 : dây kính lớn nhất đi qua tâm đường tròn .  - **Đường kính**2 : Sản phẩm được chế biến từ mía , củ cải , …  ***Bài tập 2 :***  - **Đông1 ,đông3**: danh từ ; **đông 2** : động từ .  - **Chè1 , chè2, chè3 :** danh từ .  ***Bài tập3 :***  a) Con ngựa đá đá con ngựa vằn .  b) Bắc đã bắc xong nồi cám lợn .  c) Những người thân khi trở về họ lại càng thân thiết hơn. |

**Mở rộng, nâng cao:** GV củng cố, khái quát cho HS n ội dung cơ bản về văn biểu cảm để HS khắc sâu kiến thức đã học.

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 9:**

**Chuyên đề 6: CA DAO – DÂN CA**

**Chủ đề 1: Tình cảm gia đình**

**I. Mục tiêu bài dạy**

1. Kiến thức: Qua bài dạy, giúp học sinh nắm chắc hơn về đặc điểm của thể loại văn học dân gian – ca dao – dân ca. Nắm vững và sâu sắc hơn về các mảng đề tài trong ca dao, dân ca trong chương trình lớp 7.

2. Kỹ năng:

3. Thái độ: Có thái độ yêu thích thể loại, bồi đắp tình yêu gia đình, yêu quê hương đất nước và biết thông cảm, trân trọng cho số phận cuộc đời và phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ.

**II. Chuẩn bị**

- Thày:Sách giáo khoa, giáo án, tài liệu có liên quan

- Trò: Sách giáo khoa, vở ghi chép, tài liệu có liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. Ổn định tổ chức

2. KTBC: Việc làm BTVN của học sinh

3. Bài mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung hoạt động** |
| ? Nêu khái niệm về ca dao- dân ca  ? Nhận xét về đề tài trong ca dao, dân ca  GV: Giới thiệu những lời nhận xét về ca dao, dân ca  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu các đặc điểm thi pháp trong ca dao dân ca.  ? cho học sinh nhận diện thể thơ trong ca dao, dân ca.  - Cách gieo vần, cách ngắt nhịp.  ? Nhận xét ngôn ngữ trong ca dao.  - Giáo viên cho học sinh tìm hiểu không gian và thời gian nghệ thuật của ca dao dân ca.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu thư pháp nghệ thuật trong ca dao dân ca.  Chủ đề 1:  - GV cho HS tìm hiểu kỹ ND của những bài ca dao thuộc chủ đề “Những câu hát về tình cảm gia đình”  - GV giảng bình  - HS ghi chép | **I. Khái niệm**  - Ca dao, dân ca là tên gọi chung của các thể loại trữ tình dân gian kết hợp giữa lời với nhạc diễn tả đời sống nội tâm của con người.  - Dân ca là những sáng tác dân gian kết hợp với lời và nhạc  - Ca cao là lời thơ của dân ca.  **II. Một số nội dung cần chú ý**  **1. Đề tài:** Đề tài trong ca dao, dân ca vô cùng phong phú, thiên về biểu hiện tình cảm và đời sống nội tâm của con người.  **2. Một số lời nhận xét về ca dao**  - Là tấm gương cao của tâm hồn dân tộc  - Là cây đàn muôn điệu tấu lên những khúc nhạc thể hiện tình cảm, cảm xúc, đời sống nội tâm của con người.  **3. Đặc điểm thi pháp trong ca dao**  **a. Nhân vật trữ tình**  Một số kiểu nhất định: Tràng trai, cô gái trong quan hệ bạn bè lứa đôi, người cha, người mẹ, người con trong cuộc sống gia đình, con gái, con trai, con dâu.  - Có thể là người lao động nói chung: Người làm thơ, người làm ruộng, làm chài lưới trong cuộc sống lao động và trong mối quan hệ quê hương.  - Có 2 cách xuất hiện  Dùng Đại từ: Ai, chàng, thiếp, tôi, anh  Hình ảnh ẩn dụ: Thuyền, bến, đào, trúc, măng. Tất cả các nhân vật đều là hình ảnh phiếm chỉ, chỉ mang dấu ấn cá nhân, dễ dàng khơi gợi đồng cảm cho người đọc.  **b. Thể thơ trong ca dao**  - Lục bát, lục bát biến thể.  - Đặc điểm gồm 1 câu 6 tiếng và 1 câu 8 tiếng tạo thành 1 cặp câu lục bát.  - Cách gieo vần: Tiếng cuối của câu 6 hiệp vần với tiếng cuối của câu 8 và tiếng cuối của câu 8 hiệp vần với tiếng cuối của câu 6 tiếp theo.  - Cách ngắt nhịp: 2/2/2; 3/3 ; 4/4.  => Trong ca dao phong phú, linh hoạt uyển chuyển và biến hóa vô cùng.  - Song thất lục bát: 2 câu 7 tiếng, 1 câu 6 tiếng, 1 câu 8 tiếng/  **c. Ngôn ngữ trong ca dao.**  - Là ngôn ngữ mang tính nghệ thuật và nhạc rất cao.  - Mang màu sắc địa phương, giản dị, chân thực, hồn nhiên, gần gũi như lời ăn tiếng nói hàng ngày.  VD: Ni, tê ( tiếng địa phương miền trung)  **d. Thời gian và không gian nghệ thuật của ca dao**  - Thời gian nghệ thuật: Hiện tại ( bây giờ); Diễn sướng ( đêm trăng thanh, đêm qua); Tâm trạng ( chiều chiều)  - Không gian nghệ thuật:  + Gắn với việc cụ thể: Cây đa, giếng nước, sân đình.  + Tâm trạng: Ngõ sau: Nỗi buồn, nỗi nhớ quê hương, gia đình, bến sông mong ngóng chờ đợi người đi xa.  **e. Những thư pháp nghệ thuật chủ yếu trong ca dao.**  - So sánh ẩn dụ  + Tỉ dụ( so sánh trực tiếp) qua những từ chỉ quan hệ như giống như, tựa như, như thể ... đặt giữa 2 vế : A – B.  + ẩn dụ ( so sánh ngầm) không có quan hệ từ so sánh mà đối tượng so sánh cũng bị ẩn, bị dấu đi => hàm xúc biểu cảm, tinh tế hơn.  => ẩn dụ gắn rất chặt với nghệ thuật nhân hóa: Dùng thế giới loài vật để nói con người.  - Đối xứng, đối ý, đối từ.  - Nghệ thuật trùng điệp ( điệp lại từ, câu và ý)  - Nghệ thuật phóng đại |

**III. Chủ đề**

**1. Những câu hát về tình cảm gia đình**

***a. Đặt vấn đề:*** Ca dao dân ca là cây đàn muôn điệu của nhân dân, nhất là người dân lao động.

- Giới thiệu những câu hát về tình cảm gia đình: Rất tự nhiên về tình cảm gia đình, bao giờ cũng bắt nguồn về tình cảm ân nghĩa về những người ruột thịt trong gia đình và đó là tình cảm sâu sắc khiến người đọc vô cùng xúc động, trong đó có 4 bài ca dao sâu sắc tinh tế về mặt nội dung và nghệ thuật.

***b. Giải quyết vấn đề***

\* Khái quát chung

- Lời của những bài ca dao qua các âm điệu, ý nghĩa, hình ảnh trữ tình. Chúng ta hiểu rằng:

+ Đây là lời ru của mẹ với con

+ Là lời của người con gái lấy chồng xa quê hương về quê mẹ

+ Của cháu nói với bà

+ Và cuối cùng là lời nói có thể là lời của ông, bà, cô bác, chú dì nói với cháu, là lời của cha mẹ dăn dạy con, anh em nhắn nhủ bảo ban.

=> Nhận xét: Những câu hát về tình cảm gia đình trong ca dao đẹp như một bản hợp ca, vừa chân thành ấm cúng, thân mật thiêng liêng, xuyên thấu từ đời này sang đời khác.

***c. Cái hay, cái đẹp, sự đắc sắc của từng bài ca dao.***

*Bài 1: Lời gợi công lao to lớn và nhắn nhủ về đạo hiếu.*

Câu 1: Công cha như núi ngất trời

Nhịp điệu 2 / 2 / 2 -> 6 tiếng mở đầu đã ngắt theo 3 nhịp như tiếng nhẹ nhàng, thủ thỉ tâm tình, đây là lời ru của mẹ ru cho đứa con thơ bé ngủ ngon đồng thời nhắc nhở công lao của cha mẹ với con cái và nhắc nhở trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ.

=> Mẹ sinh ra con, dành tất cả những dòng sữa thơm mát cho con, nuôi con khôn lớn và hàng đêm ru con bằng lời ru êm dịu, thêm những dòng sữa âm thanh nuôi lớn tâm hồn con.

- Giúp con trưởng thành về thể xác lẫn tâm hồn.

- So sánh

+ ở bài hát ru này, người mẹ có công lao sinh thành, nuôi dạy của cha mẹ đối với con gái như núi ngất trời và như nước ngoài Biển Đông.

=> Đây là cách tỉ dụ quen thuộc của ca dao để ca ngợi công ơn cha mẹ đối với con cái. Công lao nghĩa mẹ là những ý niệm trừu tượng được so sánh với hình ảnh tạo vật cụ thể “Núi cao biển rộng, biểu tượng cho sự vĩnh hằng, bất diệt của thiên nhiên. Hơn nữa hình ảnh đó còn được miêu tả, bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ “ Ngất trời”, mênh mông để gợi tả chiều cao của núi và biển không sao đo được.

+ Điệp từ “Núi” và “Biển” nhắc lại hai lần, bổ sung thêm nét điệp trùng của núi, của biển khiến cho chiều cao của núi cao lại cao hơn, khiến cho chiều rộng của biển rộng lại thêm rộng.

=> Chỉ những hình ảnh to lớn, không cùng, vĩnh hằng, bất diệt ấy mới sánh được công ơn sinh thành, nuôi dưỡng con cái của cha mẹ.

-> Núi ngất trời / nước ngoài biển không thể nào đo được chiều cao, bề rộng, cũng như không thể nào tính được công ơn nuôi dạy con cái.

=> Đánh giá qua nghệ thuật so sánh, điệp từ đặc tả, điệp từ từ láy kết hợp với giọng thơ lục bát ngọt ngào của việc lặp lại hát ru 3 câu trên trong bài ca dao đã khẳng định và ngợi ca công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái. Đây không phải là những lời giáo huấn khô khan mà là những tiếng nói ân tình cất lên từ trái tim lay động mọi con người.

C2: Câu cuối

- Thành ngữ: “ Cù lao chín chữ” nhắc nhở về công lao của cha mẹ đối với con cái, không chỉ gói lại trong số 9 mà còn mở rộng thấm thía đến vô cùng, không sao kể xiết.

- Cách ngắt nhịp 4/4 chia đều câu 8 tiếng thành 2 vế 4 tiếng đầu nhấn mạnh công lao của cha mẹ thì bốn tiếng sau nhắc nhở về thái độ, hành động của con cái để đền đáp công ơn ấy/

- Mở rộng: Ngoài bài ca dao trong SGK giới thiệu ra, người Việt Nam còn có một số câu mang đậm nét tương tự.

*- Mẹ già như chuối ba hương*

*Như xôi nếp mật như đường nứa lau*

*- Mẹ già ở túp lều tranh*

*Sớm thăm tối viếng mới dành dạ con.*

*Bài 2: Ca dao Việt Nam đã dành nhiều dòng thơ để cảm thông cho những nỗi niềm, tâm sự của người phụ nữ thời phong kiến.* Điển hình trong số đó là bài ca dao sau:

*( Trích đoạn)*

Sau tiếng mở đầu ngân theo 3 nhịp ( 2 / 2 / 2). Đó là tâm trạng của người phụ nữ khi lấy chồng xa quê. Trong xã hội phong kiến xưa có quan niệm “ Trọng nam khinh nữ” nên đời sống tình cảm của người phụ nữ ít khi được quan tâm, chia sẻ. Người con gái đi lấy chồng xa quê thường chịu nhiều nỗi vất vả, tủi thân, đau khổ. Những lúc tủi phận, lúc nhớ nhà, người con gái chỉ biết thui thủi, ôm nỗi buồn, không biết chia sẻ cùng ai mà “ Trông về quê mẹ”

- Bài ca dao đã nói lên tâm trạng ( không gian tâm trạng) buổi “ Chiều chiều”. Đó là thời điểm cuối ngày, thường gợi những suy nghĩ và thường gợi những nỗi buồn vương vấn.Buổi chiều là thời gian trở về đoàn tụ ( con chim bay về tổ, con người trở về nhà), trong khi đó người con gái vẫn bơ vơ nơi đất khách quê người, khi thời gian bước vào giây khắc ngày tàn, người phụ nữ ra đứng ngõ sau để “ Trông về quê mẹ” mà “ Ruột đau chín chiều”.

- Bước vào buổi chiều tà, không gian đã nhập nhoạng tối, người phụ nữ vắng lặng heo hút ra đứng ngõ sau để tự mình đối với mình. “Ngõ sau” chẳng những gợi lên thân phận hèn mọn của phận đầu tôi, mà kết hợp với thời gian chiều tối nó còn tạo cho người phụ nữ một góc riêng, một góc vừa hẹp, vừa tối, nàng lặng lẽ “ trông về quê mẹ” “ ruột đau chín chiều”. Đặc biệt từ “ Trông” không chỉ có nghĩa là nhìn, mà còn có ý nghĩa trong ngóng. Người phụ nữ trông về quê mẹ còn là đang khao khát và tìm tình cảm ấm nồng, còn đang mong ngày trở về quê mẹ với những người thân thiết của mình. Trong hoàn cảnh bèo dạt mây trôi nơi đất khách quê người, nàng trông về quê ấy mà ruột đau chín chiều, chín chiều là chín bề, là nhiều bề, chín chiều không gói gọn trong con số 9, mà còn mở rộng dai dẳng, làm mòn trái tim con người. Cách sử dụng từ láy và kết cấu vòng đối xứng “ Chiều chiều” – “Chiều chiều” đã góp phần đối với bi kịch của người phụ nữ, họ chẳng bao giờ thoát khỏi vòng tròn đau khổ, chính mình, vì thế mà tâm trạng của người phụ nữ vì thế mà càng nặng nề đau xót.

Câu cuối tạo thành 2 vế, 4 tiếng đầu nhấn mạnh nỗi buồn, nỗi nhớ gia đình thì 4 tiếng sau thể hiện nỗi đau quằn quại khi chưa được về quê mẹ và người thân.

Qua nghệ thuật kết cấu vòng đối xứng, từ láy kết hợp với dòng thơ lục bát, bài ca dao đã có sức lay động những niềm thương, nỗi nhớ sâu lắng nhất của con người. Đồng thời thể hiện nỗi nhớ nhà, nhớ quê, nhớ mẹ già của người con gái khi lấy chồng xa quê. Vì thế bài ca dao mang trong mình một tinh thần nhân đạo sâu sắc.

*Bài 3: Bên cạnh tình cảm cha mẹ – con cái, ca dao còn là những lời nhắn nhủ cảm động về tình cảm ông bà và cháu con:*

“Ngó lên nuộc lạt mái nhà

Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu”

Nuộc lạt – một hình ảnh quen thuộc trên những mái nhà tranh của làng quê Việt Nam đã được đưa vào câu ca dao một cách rất tự nhiên, giản dị và gần gũi. Biện pháp so sánh bao nhiêu – bấy nhiêu đã thể hiện tình cảm nhớ thương, sự gắn bó bền chặt, ruột thịt của cháu con với ông bà. Âm điệu lời thơ tha thiết thể hiện sự kính trọng biết ơn!

*Bài 4: Ca dao là dây keo lối tình thương gia đình.* Đối với ca dao, bao giờ cũng không thể thiếu những câu hát tình cảm gia đình và đối với độc giả nhỏ tuổi.

Bốn câu ca dao mang đầy nét truyền thống hữu nghị, yêu thương, đã để lại cho chúng em những suy nghĩ

*Anh em nào phải người xa*

*Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân*

*Yêu nhau như thể tay chân*

*Anh em hòa thuận hai thân vui vầy*

- Bốn câu ca dao trên nói về tình nghĩa anh em trong gia đình, chữ cũng được điệp lại 2 lần để làm nổi bật mối quan hệ rất thân thiết của anh chị em trong gia đình cùng chung cha mẹ ( bác mẹ) cùng chung máu mủ ruột thịt ( cùng thân)

*Anh em nào phải người xa*

*Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân*

Hai câu cuối là lời khuyên bảo anh em trong gia đình sống sao cho có tình nghĩa

*Yêu nhau như thể tay chân*

*Anh em hòa thuận hai thân vui vầy*

Tục ngữ có câu: Anh em như chân với tay, chân với tay là bộ phận gắn bó của một cơ thể con người. Con người hoàn chỉnh không thể thiếu chân hoặc tay. Cũng như anh em ruột thịt phải biết yêu thương nhau, gắn bó với nhau, đỡ đần nhau như chân với tay.

- Anh em phải sống hòa thuận, nghĩa là đoàn kết, đùm bọc nhau, nhường nhịn nhau, anh thương em, em kính trọng anh, có hòa thuận thì cha mẹ mới vui vầy, sống yên vui hạnh phúc. Các động từ “ Yêu nhau” với “ Hòa thuận” đã nói lên cách ứng xử đầy tình nghĩa tốt đẹp của anh chị em trong gia đình.

Ngoài ra, tiếng hát còn bộc lộ được một sự yêu thương, gắn kết đùm bọc nhau của các anh chị em trong nhà. Bày tỏ được một sự thân tình nhắc nhở nhau, nói lên sự yêu thương nhau, gắn bó giữa chân và tay cũng như sự nhường nhịn của giọt máu chung nhà.

Bài tập về nhà:

- Cảm nghĩ của em về bài ca dao “ Công cha như núi ngất trời”

**4. Củng cố, dặn dò.**

- Về nhà học bài: Chuẩn bị cho chủ đề 2 “ Tình yêu quê hương đất nước”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 10:**

**Chuyên đề 6: CA DAO – DÂN CA ( tiếp)**

**Chủ đề 2: Tình yêu quê hương đất nước**

**A. Đặt vấn đề**

*“ Có nơi đâu đẹp tuyệt vời*

*Như sông như núi như người Việt Nam*

Đúng như vậy! Non sông đất nước và con người Việt Nam đẹp vô cùng! Từ xa xưa ca dao, thơ ca dân gian, tiếng nói trái tim của những người lao động đã thể hiện thấm nhuần tình yêu quê hương đất nước.

**B. Giải quyết vấn đề**

\* Khái quát: Có thể nói ca dao là hơi thở của cuộc sống, là bầu sữa nóng nuôi dưỡng tâm hồn, là bề sâu về tình yêu và trí tuệ con người. Tình yêu quê hương đất nước trong ca dao mãi mãi là mạch suối nguồn không bao giờ vơi cạn, làm nổi bật vẻ đẹp con người Việt Nam. Nếu ca dao dân ca về tình cảm gia đình thường là những câu hát ru thì ca dao dân ca về tình yêu quê hương đất nước con người thường là những bài hát đối đáp, những khúc ca ngẫu hứng, tự nhiên cất lên trong sinh hoạt cộng đồng, trong lễ hội, khi đi du ngoạn cảnh, lúc ngắm nhìn đồng ruộng quê hương.

**1. Tình yêu, niềm tự hào về vẻ đẹp của non sông đất nước.**

*Bài ca dao số 1*

- Đây là lời đối đáp của chàng trai, cô gái về những địa danh nổi bật trên đất nước ta:

Thành Hà Hội năm cửa

Sông Lục Đầu sáu khúc

Sông Thương bên đục bên trong

Núi Tản Viên

Đền Sòng thiêng

Thành Tiên xây tỉnh Lạng

=> Đây là hình thức ca hát dân gian ở các vùng quê. Qua đối đáp, đôi bên nam nữ thử tài nhau về các kiến thức địa lí, lịch sử, văn hóa và cũng là để chia sẻ tình yêu, tình bạn, tình yêu quê hương đất nước.

- Lắng nghe lời hỏi và đáp của hai nhân vật trữ tình trong ca dao xuất hiện nhiều địa danh từ thư đó Hà Nội sang Hải Dương ( sông Lục Đầu) – Bắc Giang ( Sông Thương) ngược lên Lạng Sơn. Mỗi vùng có một nét đẹp riêng, hợp thành bức tranh non nước Việt Nam thơ mộng, giàu truyền thống văn hóa.

- Không trực tiếp nói ra nhưng người hỏi và người đáp đều biểu hiện tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp tình yêu quê hương đất nước.

=> Như vậy chàng trai và cô gái trong khúc hát giao duyên này nói riêng, nhân dân lao động Việt Nam ta nói chung không chỉ say đắm, mến yêu, tự hào về giang sơn Việt Nam tươi đẹp mà còn tỏ ra là những người lịch lãm, hào hoa, hiểu biết sâu rộng. Thật đáng noi theo.

\* Chuyển: Không chỉ say mê hát đối đáp trao duyên, ngợi ca vẻ đẹp quê hương đất nước, người dân Việt Nam, chúng ta còn mượn những câu ca dao dân ca để phô bày cảnh trí những danh lam thắng cảnh trên mọi miền đất nước để mọi người nô nức rủ nhau khao khát thưởng thức.

*Bài ca dao số 2:*

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ

- Cụm từ rủ nhau đã trở thành mô típ quen thuộc trong ca dao, là khúc nhạc dạo đầu cho cuộc mở đầu thiết tha.

- Tác giả dân gian đã liệt kê các thắng cảnh nối nhau thật phong phú đa dạng nơi kinh đô Hà Thành tươi đẹp. Nơi có:Đền Ngọc Sơn, Đài Nghiên, Tháp Bút, Hồ Gươm.

Cảnh thiên tạo hài hòa với cảnh nhân tạo, nét tự nhiên hài hòa với nét đẹp lịch sử văn hóa.

- Đặc biệt nhất vẫn là câu hỏi tu từ cuối bài, khẳng định sự kính trọng, biết ơn công lao xây dựng đất nước của các Vua Hùng xưa, đồng thời nhắn nhủ mọi người phải bảo vệ, giữ gìn đất nước tươi đẹp này. Một câu hỏi đầy yêu mến, đằm thắm. Nhân dân lao động quả là những bậc kỳ tài về ngôn ngữ.

\* Chuyển: Và ta hãy đến thăm xứ Huế với bài ca dao sau:

*Bài 3: Đường vô xứ Huế quanh quanh*

- Đây đích thực là một viên ngọc trong kho tàng ca dao Việt Nam, nó là bài ca ca ngợi vẻ đẹp tuyệt vời của Huế và cũng là bài ca ca ngợi về niềm tự hào về quê hương đất nước.

- Cảnh vật trong bài ca dao được miêu tả theo lối chấm phá thật thơ mộng làm sao. Đường quanh quanh uốn lượn hài hòa với “ Non xanh nước biếc” “ Sơn thủy hữu tình”, một đối tượng miêu tả được nhấn mạnh bằng một tính từ gợi hình, đường quanh quanh, nước sông Hương xanh biếc, núi thì xanh, thêm từ láy toàn phần “ Quanh quanh” và phép so sánh “ Như tranh họa đồ” khiến cho xứ Huế càng mộng và thơ.

- Phép tu từ : Tính từ miêu tả

: Đại từ phiếm chỉ

Nhưng người đọc dù ở đâu chăng nữa thì cũng được gọi mời.

**2. Ca dao còn giới thiệu những sản vật quý của mọi miền đất nước**

*Ai về Tuy Phước ăn nem*

*Ghé qua Hưng Thịnh mà xem Tháp Chàm*

*Cần Thơ gạo trắng nước trong*

*Ai đi đến đó lòng không muốn về*

*Ai đi chảy hội chùa Hương*

*Làm ơn gặp khách thập phương hỏi giùm*

*Mớ rau sắng quả mơ non*

*Mơ chua sắng ngọt biết còn thơm chăng.*

\* Chuyển: Đi dọc mảnh đất của Tổ quốc, những người Việt Nam không thể kìm nén được nỗi xúc động trước cảnh cánh đồng cò bay thẳng cánh, những bông lúa đẹp ngời dưới ánh nắng ban mai như những cô gái trẻ đẹp tươi tắn.

*Bài số 4:*

*Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng mênh mông bát ngát.*

Với biến thể lục bát ở 2 câu đầu và trở lại câu lục bát ở 2 câu sau, lời ca dao trở lên phóng khoáng, linh hoạt, giúp người đọc hình dung nhân vật trữ tình – Cô thôn nữ trẻ trung tươi tắn, khỏe khoắn đứng ngắm đồng quê xanh tốt, lúa đang ngậm đòng mà cất lời ca, ngợi ca cảnh đẹp của cánh đồng.

- Hai câu đầu cặp thơ lục bát biến thể kéo dài: Điệp từ - Đảo từ - Đối xứng đặc tả vẻ đẹp của cánh đồng.

Nhìn từ đâu, bất cứ lúc nào đều thấy cánh đồng mênh mông bát ngát, rất rộng, rất đẹp, rất trù phú, hứa hẹn vụ mùa bội thu. Trước một cánh đồng như thế, ai chẳng xúc động, chẳng mến yêu quê hương mình, nhất là những cô thôn nữ, những người đã bỏ không ít công sức để cấy cày, chăm sóc.

- Mượn cảnh ngụ tình: Cô thôn nữ vừa ca ngợi cảnh đẹp cánh đồng, vừa tự ngắm rồi dự cảm về số phận mình. Nghệ thuật so sánh ( Như chẽn lúa)

Thân em + từ láy vừa tả vẻ đẹp, vừa biểu hiện tâm trạng của cô gái. Cô tự hào về vóc dáng nhỏ xinh, mềm mại, đang tuổi thanh xuân, tươi tắn tràn trề sức sống, hòa hợp trong vẻ đẹp và sức sống của quê hương.

“ Thân em như chẽn lúa đòng

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai”

Nhưng cô gái không khỏi băn khoăn lo lắng về “ Chẽn lúa đòng đòng”, số phận nhỏ nhoi, vô định giữa một biển lúa khổng lồ, song có thể nói âm hưởng chủ đạo là ca ngợi, tự hào.

=> Cảm nhận: Dân gian đã gửi vào ca dao một tình yêu đắm say, ta như nghe sóng lúa dạt dào, ta như thấy cánh đồng chạy tít phía chân trời, ta như thấy hương thơm ngọt ngào nơi đây, và ta còn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của người lao động trẻ trung, đầy sức sống.

**3. Ca dao còn là nơi mà nhân dân ta gửi gắm nỗi nhớ quê hương.**

Ca dao từ muôn đời nay đã ghi lại tình yêu quê hương đất nước, sôi nổi, mạnh mẽ, dịu dàng, trầm lắng để rồi sự gắn bó với quê hương tha thiết nhất còn được ca dao diễn tả trong nỗi nhớ của người con gái xa quê.

*“ Anh đi anh nhớ quê nhà*

*Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao”*

- Diễn tả khái quát – Liệt kê các sự vật cụ thể ( canh rau muống, cà) -> con người quê hương.

- Điệp từ nhớ được lập 5 lần trở đi trở lại trong bài ca dao, nhấn mạnh nỗi nhớ thiết tha cồn cào, cháy lòng đến kỳ lạ về món ăn dân dã, về những người thân bình dị, về quê nhà.

- Thành ngữ “ Dãi nắng dầm sương” và đại từ phiếm chỉ “ Ai” để diễn tả sự cảm thông, xót thương, sâu lắng, thân tình của những người con phương xa tới những người mẹ, người chị, người vợ, người yêu nơi thôn quê đang vất vả, lam lũ nhưng vô cùng chịu thương chịu khó hăng say lao động.

**4. Biết ơn công lao xây dựng đất nước**

*“ Dù ai đi ngược về xuôi*

*Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba”*

**C. Khẳng định vấn đề**

- Những lời ca dao dân ca đã bao nhiêu năm làm xao động đất trời, xao động lòng người, bao tình cảm đẹp đẽ ấp ủ trong ca dao đã khơi nguồn bắt mạch cho dòng chảy cuộc đời êm ả, đầm ấm, yêu thương mãi mãi trong tim ta. Men nồng của tình yêu quê hương đất nước vẫn luôn cháy bỏng trong những vần ca dao. Có lẽ chính vì thế, mỗi người dân Việt Nam như thấy mình được trưởng thành trong cái nôi văn học đẫm chất trữ tình ấy để rồi thêm yêu quý, thêm quyết tâm bảo vệ, giữ gìn đất nước ngày một giàu đẹp.

Bài tập về nhà: Cảm nghĩ của em về bài ca dao “ Anh đi anh nhớ quê nhà”

**Củng cố, dặn dò:**

Về nhà học bài: Nắm chắc nội dung, nghệ thuật của những bài ca dao thuộc chủ đề “ Những câu hát về tình yêu đất nước con người.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 11:**

**Chuyên đề 6: CA DAO – DÂN CA ( tiếp)**

**Chủ đề 3: Những câu hát than thân**

**1. Hình ảnh người phụ nữ trong ca dao**

**A. Đặt vấn đề:**

Ca dao là khúc hát tâm tình của người lao động Việt Nam được lưu truyền theo năm tháng qua bao đời nay. Nó bồi đắp đời ta từ những ngày ta thơ bé, qua lời ru của bà, của mẹ giúp ta cảm nhận sâu sắc về vẻ đẹp bình yên nơi thôn quê. Nỗi nhọc nhằn cũng như vẻ đẹp của người lao động, tình cảm gia đình thắm thiết của những người dân quê chân chất mộc mạc. Trong thế giới lắng sâu hơn cả, vẫn là hình ảnh những người phụ nữ xưa. Trong đau khổ đến cùng cực, họ vẫn đẹp đẽ, cao quý đến vô ngần.

**B. Giải quyết vấn đề**

***1. Thân phận đau khổ đắng cay đến cùng cực của người phụ nữ xưa trong ca dao.***

+ Xã hội phong kiến phụ quyền, tồn tại hàng nghìn năm, với những quan niệm bất công, khắt khe ( tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử) hay quan niệm trọng nam khinh nữ ( Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô) đã đẩy người phụ nữ xuống địa vị thấp kém nhất trong gia đình cũng như địa vị xã hội.Nỗi niềm ấy đã được họ gửi gắm trong những câu ca dao than thân:

*Thân em như giếng giữa đàng*

*Người thanh rửa mặt, người phàm rửa chân*

*Thân em như hạt mưa sa*

*Hạt vào đài các hạt ra cánh đồng*

*Thân em như miếng cau khô*

*Người thanh tham mỏng, người thô tham dày*

*Thân em như quế giữa rừng*

*Thơm tho ai biết, ngát lừng ai hay*

*Thân em như trái ớt cay*

*Càng tươi ngoài vỏ càng cay trong lòng*

a. Có biết bao nhiêu nỗi khổ mà người phụ nữ phải chịu đựng. Ngày ngày trèo non hay ngày ngày dãi nắng dầm sương. Những nỗi khổ xuất hiện với tần suất cao nhất đó là nỗi khổ về tinh thần. Đó là thân phận mỏng manh bị động, ít giá trị. Ca dao thường sử dụng mô típ “ Thân em” đi đôi với phép so sánh: Như trái bần trôi, như hạt mưa sa, như chổi đầu hè, như miếng cau khô ...

=> Người phụ nữ bị đồ vật hóa khiến ta cảm nhận sâu sắc bao nỗi xót xa được cất lên trong những câu ca dao than thân. Cả đời họ chỉ lầm lũi cam chịu khổ đau, nhọc nhằn, và dường như sự bất hạnh tủi nhục ấy trong xã hội xưa là hằng số chung ở tất cả các vùng miền.

Người tân tộc Thái cũng ví: *“ Thân em chỉ bằng thân con bọ ngựa”, “ Con chão chuộc mà thôi”*.

+ Chứng minh: Quãng thời gian người phụ nữ sống trong cuộc đời đều được đong đếm mà người phụ nữ phải gánh chịu những nỗi khổ khi còn nhỏ trong gia đình. Người phụ nữ đã chịu sự bất công ( Trọng nam khinh nữ).

Khi lấy chồng chịu trăm điều cơ cực.

- Ngậm ngùi nuốt đắng cay, thấm thía nỗi buồn khi xa quê mẹ.

- Còn phải gánh chịu sự đày đọa của nhà chồng.

- Chịu thêm nỗi khổ cảnh chồng chung.

b. Thân phận người phụ nữ long đong lận đận, chìm nổi bấp bênh.

*“ Thân em như trái bần trôi*

*Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu*

*- Thân em như dải lụa đào*

*Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai*

=> Cuộc đời người phụ nữ khong làm chủ được số phận, không tự quyết định được tương lai, dường như sướng khổ không thể nào đoán được, hạnh phúc sung sướng hay đau khổ đều do kẻ khác định mệnh.

ý 2: Nhưng dù sống trong bất hạnh, người phụ nữ xưa vẫn rất đẹp, đẹp người, đẹp nết.

a. Vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ trong ca dao ( dải lụa đào, ớt trên cây, chẽn lúa đòng đòng).

=> Vẻ đẹp mềm mại dịu dàng, duyên dáng trẻ trung, khỏe khoắn tươi tắn tràn đầy sức sống, phơi phới.

b. Vẻ đẹp phẩm chất tâm hồn: Từ trong khổ đau bất hạnh. Từ tiếng hát than thân đầy khổ cực, tâm hồn người phụ nữ vẫn sáng lên lấp lánh ánh sáng của sự đôn hậu, vị tha, thủy chung, trong trắng, son sắt, giàu nghĩa tình khiến cho những câu hát than thân không mang vẻ bi lụy mà vẫn tỏa sáng, ấm áp tình người.

+ Tấm lòng trong trắng, thơm thảo đầy nghĩa tình.

*- Thân em như củ ấu gai*

*Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen*

*Anh ơi nếm thử mà xem*

*Nếm song mới biết là em ngọt bùi*

Đề cao tình yêu thương, lòng chung thủy, sự nhẫn nại, đồng cam cộng khổ, chọn nghĩa vẹn tình, xây dựng gia đình đầm ấm yên vui.

*Chồng em áo rách em thương*

*Chồng người áo gấm sông hương mặc người*

*Râu tôm nấu với ruột bầu*

*Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.*

**C. KĐVĐ:** ở thời nào cũng vậy, vẻ đẹp của người phụ nữ là một hằng số bất biến. Những làn điệu ca dao dân ca từ thủa sơ khai vẫn là kho tàng vô giá, lưu giữ chọn vẹn nhất vẻ đẹp ấy. Càng trong đau khổ bất hạnh họ càng ngời sáng phẩm chất thanh cao.

***2. Thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ***

- Thân phận người lao động trong xã hội cũ thường được so sánh hay ví với những con vật lúc bé nhỏ, gần gũi với cuộc sống hàng ngày ( cò, kiến, tằm, quốc, nhện )

a. Cuộc đời vất vả nhọc nhằn lận đận

- Hình ảnh “thân cò” ẩn dụ cho người lao động

- Hình ảnh đối lập : Nước non ( rộng lớn) > < 1 mình ( nhỏ bé),

lên thác > < xuống gềnh . Bể đầy > < Ao cạn.

=> Tạo dựng nghịch lý cho cuộc đời của con cò -> chính là hình ảnh người lao động xưa một mình phải đối diện với biết bao thiên nhiên to lớn dữ dội ( nước non, thác ghềnh) với biết bao biến động ở đời ( bể đầy, ao cạn) cố gắng tần tảo, bươn trải khắp nơi mà kết quả thì nhỏ nhoi, ít ỏi, nghèo khổ không chỉ nuôi con ...

- Sử dụng từ ngữ gợi tả, gợi cảm: Thân cò, cò con, từ ghép nước non, từ láy lận đận và câu hỏi tu từ -> Buồn thương thân, ngao ngán cho cuộc đời, mỗi dòng thơ là một tiếng than, tác giả thở dài chua xót.

\* Lời phản kháng tố cáo xã hội phong kiến: Nếu như điệp từ nhấn mạnh những lầm than, tủi cực khổ đau, vất vả của người lao động thì nó cũng tố cáo mạnh mẽ sự áp bức, bất công mà người lao động phải gánh chịu. Từ “ Ai” trong đại từ phiếm chỉ của câu hỏi tu từ cuối bài, chính là lời tố cáo đanh thép bọn xã hội thống trị bấy giờ.

b. Thân phận nhỏ bé gặp nhiều khổ đau can trái

- Hình ảnh ẩn dụ: Con tằm: Ăn ít nhả tơ nhiều -> lao động vất vả

Lũ kiến: Nhỏ li ti đi kiếm ăn - > Thân phận nhỏ bé lam lũ

Người lao động: Con hạc: Lánh đường mây -> Phiêu bạt hiểm nguy

Con quốc: Kêu ra máu không ai nghe -> Thấp cổ bé họng.

- Điệp ngữ “ Thương thay” 4 lần -> cảm xúc

\* Bài tập vận dụng

Đề: Phát biểu cảm nghĩ về bài ca dao số 1 “ Nước non lận đận một mình”

Giáo viên gợi ý định hướng mở bài

- Trong cuộc sống, bao thế hệ cuộc đời được sống trong sự hạnh phúc, sung sướng nhưng thay vào đó, nếu chúng ta nhìn sâu vào xã hội xưa, ta sẽ thấy có những số phận phải chịu áp bức, bóc lột và bị xô đẩy vào những hoàn cảnh khó khăn, ngang trái, trong thế giới đó lắng sâu hơn cả vẫn là hình ảnh của những người nông dân lao động nghèo khổ, chân lấm tay bùn. Để diễn tả những cuộc đời đầy gian truân ấy một cách sâu sắc phải kể đến bài ca dao:

*Nước non lận đận một mình*

*Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay*

*Ai làm cho bể kia đầy*

*Cho ao kia cạn cho gầy cò con.*

**4. Củng cố, dặn dò:**

- Về nhà học bài, ôn kỹ chuyên đề. Hoàn thiện bài “Biểu cảm về bài ca dao số 1”

- Chuẩn bị chuyên đề “ Văn học trung đại”

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**BUỔI 12: Luyện tập: Những bài tập về phép tu từ điệp ngữ**

**I. Mục tiêu bài dạy**

1. Kiến thức: Học sinh nắm chắc kiến thức về phép tu từ điệp ngữ, tác dụng của điệp ngữ, các em biết vận dụng lý thuyết để giải các bài tập một cách thành thạo.

2. Kỹ năng: Học sinh có kỹ năng nhận biết biện pháp tu từ có trong đoạn thơ, đoạn văn và nêu tác dụng của nó ( viết dưới dạng một đoạn văn cảm thụ)

3. Thái độ: Có ý thức sử dụng biện pháp điệp ngữ để đạt hiệu quả diễn đạt.

**II. Chuẩn bị**

- Thày: Sách giáo khoa, giáo án, tài liệu có liên quan

- Trò: Sách giáo khoa, vở ghi chép, tài liệu có liên quan

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung hoạt động** |
| ? Yêu cầu học sinh nhắc lại kiến thức  ? Thế nào là điệp ngữ  nêu tác dụng của điệp ngữ  ? Có mấy loại điệp ngữ  GV nêu yêu cầu  1. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật.  2. Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật  (biện pháp nghệ thuật ấy diễn tả đều gì?)  - Y/C HS làm nháp.  - Yêu cầu học sinh trình bày  - Yêu cầu học sinh nhận xét  - Giáo viên nhận xét, sửa lỗi, cho điểm  - GV cho HS tham khảo đoạn văn mẫu.  - HS Ghi chép  - Giáo viên nêu yêu cầu  - Yêu cầu chỉ ra biện pháp nghệ thuật  - Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy trong việc diễn tả đoạn thơ  - Nêu tác dụng dưới dạng một đoạn văn biểu cảm ngắn.  - Yêu cầu học sinh viết nháp  - Yêu cầu học sinh trình bày  Cho HS trao đổi, NX.  - Giáo viên nhận xét.  - Giáo viên nêu yêu cầu  - yêu cầu học sinh phát hiện biện pháp nghệ thuật  - Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong việc diễn tả nội dung của bài ca dao.  - Yêu cầu học sinh trình bày nháp  - Giáo viên nhận xét  - Học sinh chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng  - Chỉ ra được biện pháp nghệ thuật ấy có tác dụng diễn tả điều gì?  - GV gợi ý  - Yêu cầu học sinh viết nháp  - Yêu cầu học sinh trình bày  - Giáo viên nhận xét  - Học sinh ghi chép  - Giáo viên hướng dẫn  - Học sinh làm nháp  - Yêu cầu học sinh trình bày  - Giáo viên nhận xét bổ sung | **I. Lý thuyết**  **1. Thế nào là điệp ngữ:** Là biện pháp lặp đi lặp lại từ ngữ hoặc cả một câu để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lập như vậy gọi là điệp ngữ, từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.  **2. Các dạng điệp ngữ:** Có nhiều dạng: Điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp.  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1: Cho bài ca dao sau:**  “Người ta đi cấy lấy công  ........................  Trời êm bể nặng mới yên tấm lòng.  a. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng.  b. Nêu giá trị biểu đạt của biện pháp nghệ thuật ấy  *Gợi ý:* a. Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật điệp ngữ  - “ Đi cấy” được lặp lại 2 lần.  từ “ Trông” được lặp lại 9 lần  b. Tác dụng: Trong đoạn văn trên, tác giả dân gian đã sử dụng rất thành công biện pháp tu từ điệp ngữ, điệp ngữ “ Đi cấy” được lặp lại hai lần, điệp từ “ Trông” được lặp lại 8 lần. Nhờ biện pháp nghệ thuật điệp ngữ ấy, tác giả đã thể hiện niềm trông mong của người nông dân trong công việc làm ăn cấy cầy gặp mưa thuận gió hòa, thời tiết tốt đẹp, có sức khỏe dẻo dai để được sống một cuộc đời lao động ấm no hạnh phúc.Điệp từ trông góp phần tạo âm điệu thiết tha , đằm thắm của bài ca dao đồng thời làm hiện lên một người phụ nữ nông dân rất cần cù đôn hậu.  **Bài 2: Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của nó.**  *“ Nhớ ông cụ mắt sáng ngời*  *Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường*  *Nhớ những sáng tinh sương*  *Ung dung yên ngựa trên đường suối reo*  *Nhớ khi người bước lên đèo*  *Người đi rừng núi trông theo bóng người*  *Bài làm*  a. Biện pháp nghệ thuật:  - Nghệ thuật điệp từ: Từ “Nhớ” được lặp lại 3 lần, người được lặp lại 4 lần.  - Nghệ thuật nhân hóa: “ Rừng núi trông theo bóng người”  b. Tác dụng:: - Sau chiến thắng Điện Biên ( 7/5/1954) Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Sau đó Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính phủ trở về Hà Nội( 10/10/1954). Đoạn thơ được sủ dụng rất sáng tạo các điệp từ “ nhớ”, “ người”, nhân hóa “ Rừng núi trông theo bóng người” để diễn tả tình cảm lưu luyến nhớ thương của đồng bào các dân tộc Việt Bắc đối với Bác Hồ. Tình cảm lưu luyến ấy vô cùng sâu nặng, thắm thiết trong lòng mọi người . Tình cảm ấy bao trùm cả không gian, cả thiên nhiên núi rừng ... Giọng thơ sâu lắng ân tình vừa thân mật vừa trang nghiêm, đậm đà tình dân tộc. Đây là một trong những đoạn thơ hay nhất viết về Bác.  **Bài 3: Cho biết biện pháp tu từ đã được sử dụng trong câu ca dao sau và nêu tac dụng của nó.**  *“ Vì mây cho núi lên trời*  *Vì trưng gió thổi hoa cười với trăng*  a. Biện pháp tu từ được sử dụng  - Điệp từ: “ Vì” được láy lại hai lần.  - Nhân hóa: “ Mây cho núi lên trời, hoa cười với trăng”  b. Tác dụng: Các biện pháp tu từ điệp từ, nhân hóa đã góp phần miêu tả vẻ đẹp hữu tình của cảnh sắc thiên nhiên. Mây, núi, trời, gió, hoa trăng tạo nên hình ảnh sinh động, gợi cảm. Thiên nhiên cũng mang tình người, hồn người, hòa hợp đáng yêu. Cảnh vật thấm đẫm màu sắc cách mạng.  **Bài 4: Nêu biện pháp được sử dụng trong đoạn văn sau và nêu tác dụng của chúng**  *“ Một dân tộc đã gan góc chống ách đô hộ của thực dân Pháp hơn 80 năm nay. Một dân tộc gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít, dân tộc đó phải được tự do , dân tộc đó phải được độc lập”*  *Bài làm*  - Đoạn văn trên trích trong bản tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các điệp ngữ “ Một dân tộc đã gan góc, dân tộc đó phải được” đã được lặp lại hai lần theo hướng tịnh tiến ( Dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập) đã thể hiện niềm tự hào về truyền thống yêu nước, anh hùng chống thực dân, chống phát xít của dân tộc ta.Tác giả nói lên quyết tâm và khát vọng của dân tộc ta, chiến đấu vì độc lập tự do. Điệp ngữ đã góp phần tạo nên giọng văn hùng hồn, đanh thép gây ấn tượng mạnh mẽ vô cùng.  **Bài 5: Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp điệp ngữ có trong đoạn văn sau:**  *“ Năm qua đi, tháng qua đi*  *Tre già măng mọc có gì lạ đâu*  *Mai sau*  *Mai sau*  *Mai sau*  *Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh”*  *( Tre Việt Nam – Nguyễn Duy)*  Gợi ý  a. Nghệ thuật được sử dụng: Nghệ thuật điệp ngữ  - Điệp ngữ “ Mai Sau” được lặp lại 3 lần  - Điệp từ “ Xanh” được lặp lại 3 lần  - Điệp ngữ “ Qua đi” lặp lại 2 lần.  b. Tác dụng  - Điệp từ “ Qua đi” gợi sự trôi chảy của thời gian, năm này qua năm khác, tháng này qua tháng khác.  - Điệp ngữ “ Mai sau” lặp lại như một điệp khúc gọi thời gian dài.  - Điệp từ “ Xanh” trong câu thơ cuối cùng nhấn mạnh vẻ đẹp, sức sống, sự trường tồn của màu xanh cho dù năm tháng có qua đi.  Cây tre là biểu tượng của dân tộc Việt Nam trường tồn bất diệt.  **Bài 6: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của nó.**  *“ Cháu chiến đấu hôm nay*  *Vì lòng yêu Tổ quốc*  *Vì xóm làng thân thuộc*  *Bà ơi cũng vì bà*  *Vì tiếng gà cục tác*  *ổ trứng hồng tuổi thơ”*  *( Tiếng gà trưa – Xuân Quỳnh)*  *Gợi ý:*  a. Điệp ngữ: Từ “ Vì” được lặp lại 4 lần  b. Tác dụng: Xác định nội dung chính, vị trí của đoạn thơ: Sau những kỷ niệm về bà hiện lên trong hồi tưởng. Người chiến sỹ trở về với hiện tại và bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ về mục đích chiến đấu.  - Trở về với hiện tại,người chiến sỹ nhớ ngay đến nhiệm vụ của mình, phép liệt kê theo trình tự từ khái quát đến cụ thể đã giúp tác giả đưa ra một loạt hình ảnh gợi cảm và có hệ thống: Tổ quốc, xóm làng, bà, tiếng gà, ổ trứng. Nhờ phép liệt kê, tình cảm của tác giả thể hiện vừa có chiều rộng, vừa có chiều sâu.  - Điệp từ “ Vì” không chỉ nhấn mạnh được mục đích chiến đấu mà còn lí giải một cách cảm động ngọn nguồn của lòng yêu nước, làm sáng lên một chân lý phổ biến. Liên hệ: Lòng yêu nhà, yêu xóm làng, yêu miền quê trở lên lòng yêu Tổ quốc ( I - Ê - Ren – Bua)  Tiếng gà trưa vọng với tiếng của quê hương, gia đình đất nước. Đoạn thơ làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước của nhân vật trữ tình. |

**4. Củng cố, dặn dò:**

- Về nhà ôn bài

- Hoàn thiện bài tập vào vở

- Chuẩn bị “ Viết đoạn văn biểu cảm” về đoạn thơ, đoạn văn.

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 13, 14:**

**Chuyên đề: THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Hiểu và cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số bài thơ trung đại Việt Nam: Nam quốc sơn hà, Tụng giá hoàn kinh sư, Bánh trôi nước, Qua đèo Ngang, Bạn đến chơi nhà.

- Nhận biết mối quan hệ giữa tình và cảnh: một vài đặc điểm thể loại của các bài thơ trữ tình trung đại.

**II. CHUẨN BỊ**

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**Chủ đề 1: Cảm hứng yêu nước, tự hào dân tộc trong các tác phẩm văn học trung đại**

**I. Cảm hứng yêu nước bao gồm:**

+ Tinh thần đoàn kết gắn bó, quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược.

+ Ý thức xây dựng đất nước giàu đẹp.

+ Tự hào về truyền thống văn hóa lịch sử của dân tộc.

+ Căm thù giặc ngoại xâm.

+ Yêu những gì thân thuộc nhất như nhà cửa, gia đình...

- Là tình cảm chủ đạo bao trùm toàn bộ thời kỳ văn học trung đại.

+ Tinh thần yêu nước gắn với lý tưởng trung quân, yêu nước.

+ Hào khí Đông A thời Trần.

+ Thể hiện khí phách hào hùng bằng cách chiến công vang dội, bằng lời hịch thiết tha, cảm hứng yêu nước và tự hào dân tộc.

**II. Từ đầu thế kỳ X đến thế kỷ XIV nước ta tồn tại dưới các triều đại phong kiến khác nhau từ hưng thịnh đến suy vong. VH trung đại chủ yếu thể hiện rõ nhất 2 cảm hứng yêu nước và nhân đạo.**

**1. Cảm hứng yêu nước được thể hiện rõ nhất qua bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc “Sông núi nước Nam” (Tương truyền của Lý Thường Kiệt).**

***a. Tác giả:***

- LTK (1019 – 1105), tên thật là Ngô Tuấn, tự là Thường Kiệt, sau được mang họ vua nên gọi là LTK. - Ông là vị tướng tài ba lỗi lạc, có tài thơ văn.

***b. Tác phẩm.***

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt, gắn với truyền thuyết cuộc chiến đấu giữa quân – dân Đại Việt với quân Tống trên phong tuyến sông Như Nguyệt đã mở ra một giai đoạn hết sức gay go. Bài thơ được ngân lên lần đầu trong đền thờ 2 vị thần sông Như Nguyệt Trương Hống và Trương Hát. Lời thơ hào hùng rắn rỏi làm khiếp vía kẻ thù và nâng cao tinh thần quân sĩ khiến cuộc kháng chiến thắng lợi rực rỡ. Bài thơ đậm chất huyền thoại uy nghiêm. Đó không chỉ là tiếng nói của con người mà còn là âm vang thánh thần; không còn là suy ngẫm của một người mà còn là trí tuệ, tâm hồn của cả dân tộc Đại Việt xưa và nay.

***c. Giá trị nội dung và nghệ thuật.***

*\* Lời khẳng định chủ quyền lãnh thổ.*

- Nhịp thơ 4/3 tạo nên nhịp điệu thanh thoát, mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn.

- Lối xưng “đế” trong lời thơ “Nam đế cư” đã thể hiện một tư thế ngẩng cao đầu, tự tin đứng ngang hàng với một nước lớn như Trung Hoa. Tác giả bài thơ đã nêu cao chân lí lớn lao, thiêng liêng nhất: nước Nam là của người Nam. Thể hiện tình yêu đất nước, niềm tự hào dân tộc, trân trọng và kính yêu vua, khẳng định vị thế của nước ta ngang hàng với các cường quốc phương Bắc.

- Sức mạnh của chân lý thêm phần thuyết phục ở câu thơ thứ 2 mang âm hưởng trầm hùng rắn chắc như một lời khẳng định dứt khoát. Hai chữ “thiên thư” (sách trời) đã phân định rõ ràng quyền làm chủ đất đai của người Nam là lẽ đương nhiên, là chân lý, là lẽ phải hiển nhiên không hề thay đổi. Đây chính là tuyên ngôn khẳng định chủ quyền lãnh thổ và nền độc lập dân tộc. Lời thơ đã khơi dậy trong mỗi chúng ta niềm tự hào dân tộc vì nó cho thấy nước ta tuy nhỏ bé nhưng không chịu khuất phục trước quân giặc phương Bắc lớn mạnh.

*\* Lời thơ khẳng định sức mạnh ý chí chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.*

- Câu thơ thứ 3 là lời hỏi tội kẻ thù và khẳng định chính nghĩa luôn chiến thắng.

- Câu thơ cuối là lời cảnh báo đập tan kẻ thù xâm lược đồng thời bày tỏ ý chí quyết tâm chiến đấu bảo vệ nước nhà.

=> Bài thơ là tiếng nói ý thức, là tình cảm của cả dân tộc Việt Nam được thể hiện trong thời đại lịch sử lúc bấy giờ. Qua bai thơ chúng ta cảm nhận được tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc của tác giả nói riêng và cả dân tộc ta nói chung.

**2. Cảm hứng yêu nước được thể hiện ở khát vọng hòa bình, ý thức giữ gìn và bảo vệ đất nước sau hòa bình qua bài thơ “Phò giá về kinh”.** (Tụng giá hoàn kinh sư – Trần Quang Khải)

***a. Tác giả:*** Trần Quang Khải (1241 – 1294), con trai thứ ba của vua Trần Thái Tông. Ông là một võ tướng kiệt xuất, đồng thời cũng là một thi nhân có những vần thơ sâu xa lý thú.

***b. Tác phẩm:***

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được làm lúc Trần Quang Khải đi đón Thái Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và giải phóng kinh đô năm 1285. Bài thơ là khúc khải hoàn thể hiện hào khí chiến thắng oanh liệt và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc Đại Việt.

***c. Giá trị nội dung và nghệ thuật.***

*\* Hai câu thơ đầu: Với cầu trúc đối hoàn hảo đã tạo dựng bức tranh toàn cảnh cuộc chiến đấu chống quân Mông – Nguyên xâm lược và thể hiện cảm hứng tự hào, niềm vui chiến thắng kẻ thù của quân – dân Đại Việt:*

*Đoạt sáo........... quan...*

- Việc sử dụng các động từ “đoạt”, “cầm” ở đầu mỗi dòng thơ nhằm khắc họa người anh hùng thời Trần với sức mạnh “Sát Thát”. Đó là những dũng sĩ anh hùng giành lại nền độc lập, bắt kẻ thù xâm lược phải quy thuận, trả lại non sông đất nước cho ta. Đó là lời ca ngợi hành động chính nghĩa, dũng cảm của quân và dân ta.

- Việc lựa chọn hai trận đánh tiêu biểu để phác họa toàn cảnh cuộc chiến đấu chống quân Mông – Nguyên là cách đề khơi gợi khí thế hào hùng của dân tộc bởi đây là hai trận đánh tiêu biểu nhất làm cho quân giặc kinh hồn bạt vía. Hai địa danh vừa có ý nghĩa khái quát vừa tiêu biểu cho một thời đại hào hùng trong lịch sử dân tộc.

- Cách sắp xếp các trận đánh có phần đặc biệt. Trận Chương Dương xảy ra sau nhưng lại được đặt trước, điều này phù hợp với diễn biến của bài thơ. Trận sau vừa mới xảy ra còn nóng hổi, nào nức lòng người và nhà thơ là người có vai trò to lớn trong chiến công này.

-> Những câu thơ ngắn gọn như bản tin chiến sự có sức ngân vang với những lời thơ hàm súc, đĩnh đạc và hào hùng. Với phép liên tưởng độc đáo, đọc thơ ta có cảm giác như vị thượng tướng Trần Quang Khải vừa đi giữa đoàn quân chiến thắng vừa cất tiếng ngâm bài thơ. Tiếng ngâm ấy lan truyền, được ba quân hưởng ứng nối tiếp trở thành khúc ca hào hùng vang động núi sống. Lời thơ ngắn gọn, chắc nịch, đanh thép bày tỏ niềm tự hào về chiến thắng vẻ vang của dân tộc.

*\* Hai câu thơ cuối là lời động viên xây dựng và phát triển đất nước trong hòa bình và lòng tin sắt đá vào sự bền vững lâu đời của dân tộc Đại Việt.*

- Câu thơ thứ 3 với nhịp 2/3, cách nói chắc nịch, xúc tích, cô đọng, không hình ảnh, không hoa mĩ, câu thơ là lời tự nhủ vủa vị thượng tướng về ngày mai của đất nước cũng là nhắn nhủ với thế hệ mai sau. Với TQK, đất nước thái bình không chỉ chấm dứt chiến tranh mà còn phải xây dựng đất nước mãi mãi vững bền, mang lại hạnh phúc, ấm no cho nhân dân.

- Thi nhân tiếp tục sử dụng phép lỉnh lược để khẳng định việc gìn giữ thái bình của đất nước không phải của riêng ai mà cần sự đồng lòng, rèn luyện, tu dưỡng tài năng, sức lực của tất cả người dân Đại Việt. Điều đó có nghĩa là cả dân tộc phải gắng sức bảo vệ thành quả công cuộc kháng chiến, không được phép ngủ quên trong chiến thắng.

- Câu thơ cuối thể hiện khát vọng mãnh liệt của cả dân tộc, đó là xây dựng một đất nước vững bền ngàn năm. Có thể nói, TQK đã không dừng lại ở niềm vui chiến thắng, không nghĩ đến việc nghỉ ngơi hưởng lạc. Ngay trong chiến thắng ông nghĩ đến kế sách lâu dài với tinh thần trách nhiệm và tầm nhìn xa trông rộng. Có thể khẳng định rằng nhãn quan chính trị của TQK vô cùng sáng suốt. Lời thơ là lời tự nhủ hòa với niềm tin, hi vọng, đồng thời là tiếng nói nhắn nhủ thế hệ mai sau về trách nhiệm đối với vận mệnh của đất nước, của dân tộc.

=> Nếu 2 câu đầu ta bắt gặp vẻ đẹp của một vị tướng thì 2 câu sau ta cảm nhận được nét đẹp trong trí tuệ và đạo đức của nhà thơ TQK. Có lẽ vì thế mà vua Trần Thái Tông đã từng nói:

*Nhất đại công danh thiên hạ hữu*

*Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô.*

TQK hoàn toàn xứng đáng với 2 câu thơ ca ngợi ấy, đặc biệt với bài thơ “Tụng...” – viên ngọc sáng trong văn chương thời trung đại, đủ để xác lập vị trí trong dòng văn thơ yêu nước của dân tộc.

**Chủ đề 2: Hình ảnh người phụ nữ trong văn học trung đại qua bài Bánh trôi nước (Hồ Xuân Hương)**

***LĐ1: Vẻ đẹp ngoại hình, nhan sắc của người phụ nữ xưa qua hình ảnh bánh trôi nước dân dã mà giản dị.***

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

- Lời thơ mở đầu bằng cụm từ “thân em” rất quen thuộc, nghe sao mà dịu dàng khiêm tốn. (Các câu CD than thân cũng thường bắt đầu bằng cụm từ này). Qua ngòi bút điêu luyện của nữ sĩ, đó là lời giới thiệu, niềm tự hào của người phụ nữ xưa với vẻ đẹp hoàn mĩ.

- Việc miêu tả chiếc bánh trôi nước làm bằng bột nếp trắng tinh, dáng bánh tròn xinh xắn, nhân làm bằng đường phên chính là để làm toát lên nhan sắc, phẩm hạnh của người phụ nữ.

- Hai từ “trắng”, “tròn” nhấn mạnh vẻ đẹp toàn diện của họ từ ngoại hình đến tâm hồn.

***LĐ2: Số phận vất vả bấp bênh, bị phụ thuộc của người phụ nữ:***

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

- Câu thơ mang yếu tố tả thực quá trình luộc bánh: khi bánh sống sẽ chìm, chín sẽ nổi lên mặt nước.

- Bằng ngòi bút điêu luyện của mình, nữ sĩ đã mượn việc luộc bánh để diễn tả số phận long đong lận đận của người phụ nữ. Thành ngữ “ba chìm bảy nổi” được vận dụng sáng tạo thành “bảy nổi ba chìm” gợi cuộc sống bấp bênh chìm nổi, vất vả, không tự quyết định cho tương lai, cho số phận của nhười phụ nữ. Việc đảo thành ngữ lên đầu câu thơ khiến cho ý thơ càng thêm nhấn mạnh.

- Phép tương phản qua hai từ “rắn”, “nát” không chỉ nói về việc bánh ngon hay dở phụ thuộc tay kẻ nặn mà còn gợi số phận phụ thuộc của người phụ nữ. Số phận họ hạnh phúc hay khổ đau đều tùy thuộc vào tay kẻ khác, họ bị tước đoạt quyền tự do, không có quyền tự quyết định cho tương lai, cho hạnh phúc của mình.

***LĐ3: Lời khẳng định tấm lòng thuỷ chung son sắt của người phụ nữ:***

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

- Câu thơ cuối đã khẳng định vẻ đẹp thuỷ chung của người phụ nữ với thái độ đầy tự tin, tự hào qua cách diễn đạt bằng cặp quan hệ từ đối lập: mặc dầu… mà. Có thể nói, dù hoàn cảnh, số phận người phụ nữ có long đong, lận đận, dù phải sống với thân phận phụ thuộc nhưng mẫu số chung vững bền ở họ là tấm lòng thuỷ chung sáng ngời.

- Gần như cứ qua mỗi câu thơ, nhà thơ lại mở ra cho chúng ta thấy được một vẻ đẹp khác của người phụ nữ, mà lại rất đặc trưng cho vẻ đẹp truyền thống của phụ nữ Việt Nam. Qua hình ảnh ẩn dụ là bánh trôi nước, từng vẻ đẹp của người phụ nữ được khơi gợi thật tinh tế.

 Nhìn về vẻ đẹp của người phụ nữ, Hồ Xuân Hương đã ca ngợi, khẳng định ở cả vẻ đẹp hình thức lẫn vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn, tạo cho độc giả có một cái nhìn về một vẻ đẹp hoàn mỹ của người phụ nữ Việt Nam. Đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ với một thái độ khẳng định đầy tự tin chính là cốt lõi nhân văn, là bản lĩnh và cũng là phong cách thơ Hồ Xuân Hương.

**Chủ đề 3: Tình yêu thiên nhiên hòa quyện với tình yêu quê hương đất nước**

**Văn bản QUA ĐÈO NGANG – Bà Huyện Thanh Quan**

**I. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp:**

***1. Cuộc đời:*** Tên thật là Nguyễn Thị Hinh, sống ở thế kỷ XIX

- Quê: Làng Nghi Tàm, nay thuộc Tây Hồ (Hà Nội)

- Xuất thân: gia đình quan lại, có học thức, có nhan sắc, có tài thơ Nôm, giỏi nữ công gia chánh.

- Chồng bà là Lưu Nghi, làm quan tri huyện Thanh Quan (Thái Bình). Bà thường hay giúp chồng trong công việc nơi phủ quan nên người đời yêu mến gọi bà là Bà HTQ.

- Bà được vua Minh Mạng vời vào kinh đô Phú Xuân (Huế) làm chức “Cung trung giáo tập”, dạy học cho các công chúa và cung nữ trong cung.

***2. Sự nghiệp:*** Bà để lại có 6 bài thơ Nôn thất ngôn bát cú đường luật nhưng bài nào cũng hay, cũng giá trị. Bao gồm: Qua Đèo Ngang, Chiều hôm nhớ nhà, Thăng Long thành hoài cổ, Chùa Trấn Quốc, Chơi đài Khán xuân Trấn Võ, Tức cảnh chiều thu.

***3. Nhận xét:***

- Những bài thơ Nôm của bà phần nhiều là tả cảnh ngụ tình, bài nào cũng hay, chứng tỏ bà là người phụ nữ đoan chính, thanh tao, một người có học thức thường hay nghĩ ngợi đến nước nhà. Lời thơ trang nhã, điêu luyện (GS Dương Quảng Hà)

- Thơ Bà HTQ đầy chất thơ, lời thơ của bà điêu luyện, gọt giũa như một bức tranh cổ (GS Thanh Lãng)

- Nghệ thuật: chữ dùng khéo léo, chọn lọc thích đáng, đối rất chỉnh, rất tài tình, ý hàm xúc, lời chau truốt, gọn đẹp… cho nên thơ bà rất được các nho gia xưa yêu chuộng, ngâm nga.

- Thơ Hồ Xuân Hương thiên về nôm na bóng bẩy duyên dáng, thơ Bà HTQ thiên về Hán mà thanh thoát nhẹ nhàng. HXH là đại biểu cho cái tinh thần trào phúng bình dân vươn lên thể hiện một hình thức bác học, Bà HTQ là đại biểu cho cái tinh thần tao nha nho sĩ kết tinh cùng với tinh túy của Đường thi (GS Phạm Thế Ngũ)

-> Thơ bà HTQ hay viết về thiên nhiên lúc hoàng hôn, man mác buồn du dương, ngôn ngữ trang nhã, hồn thơ đẹp, điêu luyện, tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

**II. Tác phẩm:**

***1. Thể thơ:*** Thất ngôn bát cú Đường luật.

***2. Xuất xứ và chủ đề:*** Bài thơ “Qua Đèo Ngang” được bà Huyện thanh quan viết khi trên đường thiên lý vào kinh, lần đầu qua Đèo Ngang vào buổi chiều tà.

- Chủ đề: Bài thơ tả cảnh Đèo Ngang lúc chiều tà và nói lên nỗi buồn cô đơn, nỗi nhớ nhà của người lữ khách, chính là nữ sĩ Bà Huyện Thanh Quan.

-> Bức tranh vịnh cảnh ngụ tình kín đáo mà sâu sắc của nhà thơ.

**3. Cảm nhận chi tiết:**

***a. Hai câu đề mở ra một khung cảnh đèo hoang sơ, rậm rạp:***

- Thời gian nghệ thuật: bóng xế tà. Câu thơ đã giới thiệu không gian thời gian để bắt đầu bước vào thế giới tâm hồn của chính nhà thơ, có lẽ không phải ngẫu nhiên Bà HTQ tả cảnh ĐN vào lúc chiều tà bóng xế, ta có thể bắt gặp thời điểm đó trong nhiều tác phẩm khác của bà như bóng tịch dương trong *Thăng Long thành hoài cổ* hay bóng hoàng hôn trong *Chiều hôm nhớ nhà*. Hơn nữa, âm *tà* cũng gợi nỗi buồn thấm thía. Dường như cái khoảnh khắc chuyển giao giữa ngày và đêm ấy thường gieo vào lòng người cảm giác man mác buồn, nhất là người phụ nữ lần đầu xa nhà dừng chân nơi đất khách quê người như Bà HTQ. Có lẽ nỗi buồn trước sự đời đổi thay của xã hội đã mang lại cho bức tranh ĐN một vẻ đẹp riêng biệt trong câu thơ của Bà HTQ, đúng như đại thi hào Nguyễn Du dã viết:

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*

*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.*

- Trước cái thực tại ấy nhà thơ miêu tả toàn cảnh ĐN đang hiện ra trước tầm mắt: “Cỏ cây chen đá, lá chen hoa”. Với cách sử dụng điệp ngữ và hiệp vần trong lối nhân hóa vô cùng đặc sắc “cỏ”, “cây”, “đá”, “lá” và “hoa” chen nhau trên mảnh đất ĐN giúp cho người đọc hình dung khung cảnh hoang vu, rậm rạp của vùng núi non hiểm trở. Cỏ cây hoa lá phải chen chúc với đá thì mới tồn tại được. Cảnh vật hoang sơ, cằn cỗi đến nao lòng. Như vậy, 2 câu mở đầu đã mở ra một thế giới thực tại và một thế giới tâm tưởng. Thế giới thực tại là thế giới hoang dã, hiu hắt dù đầy sức sống. Thế giới tâm tưởng là nỗi buồn và sự cô đơn trong lòng nữ sĩ.

***b. Hai câu thực đã tái hiện cuộc sống của con người nơi ĐN:***

*Lom khom… mấy nhà.*

Sang 2 câu thơ này vị trí, điểm nhìn đã thay đổi. Thi sĩ đứng trên đỉnh ĐN nhìn xuống dưới và nhìn ra xa. Các từ chỉ số ít *vài, mấy*, các từ tượng hình “lom khom, lác đác” gợi khung cảnh thiên nhiên, cảnh vật ĐN không chỉ có cỏ cây, hoa lá và đá núi mà đã xuất hiện hình ảnh con ng­ười. Nhưng từ xa nhìn lại, hình bóng con người như cảng thu nhỏ lại, sự sống con người thư­a thớt hơn. Hình ảnh con người và cuộc sống con người ít ỏi, bé nhỏ như chìm đi trong sự hùng vĩ của thiên nhiên. BPNT đảo ngữ: đưa 2 vị ngữ “lom khom, lác đác” lên đầu câu nhấn mạnh thêm sự bé nhỏ, ít ỏi, thưa thớt của con người trong bối cảnh thiên nhiên hoang vắng, hùng vĩ. Hơn nữa phép đối (câu 3-4) không chỉ tạo sự cân đối hài hòa cho câu thơ đường mà còn diễn tả sự buồn vắng của ĐN, dù là ở vị trí nào. Như vậy, tất cả các BPNT này đã cộng hưởng với nhau làm cho cảnh vật ĐN đã quạnh hiu càng thêm hiu quạnh. Bức tranh toàn cảnh ĐN đã hội tụ đủ các yếu tố: sơn, thủy, hữu, tình. Nhưng những yếu tố ấy hợp lại chỉ càng gợi ra hình ảnh một vùng đèo heo hút mà thôi.

***c. Hai câu luận: Vừa tả cảnh non nước ĐN, vừa bộc lộ rõ hơn tâm trạng của nhà thơ***

*Nhớ nước ............... cái gia gia*

- Nhà thơ đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình để nói về nỗi nhớ của thi sĩ. (Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là bút pháp nghệ thuật mượn cảnh để nói tình, nõi lên nỗi tâm sự, tình cảm ẩn chứa trong tim mình một cách kín đáo nhưng thật sâu sắc và xúc động. Vì vậy, tả cảnh ngụ tình là một thi pháp được sử dụng rất nhiều trong các bài thơ thuộc thời kỳ trung đại, không chỉ trong nền văn học Việt Nam mà còn bắt gặp nhiều trong văn học Ấn Độ, Trung Quốc).

- Cảnh thực được cảm nhận bằng thính giác và bằng cả nỗi lòng đồng điệu của Bà HTQ. Bức tranh phong cảnh ĐN đã được điểm thêm bằng âm thanh: *Tiếng chim quốc, tiếng chim đa đa* vang lên khắc khoải, da diết trong buổi hoàng hôn tạo nên khúc nhạc rừng gợi nỗi nhớ nước, thương nhà trong lòng người lữ khách và càng làm cho cảnh ĐN trở nên buồn bã hơn. Thi pháp lấy động để tả tĩnh càng làm nổi bật cái vắng lặng đến im lìm trên đỉnh ĐN. Các BPNT chơi chữ: đồng âm, gần âm, vừa Hán Việt, vừa nôm này vừa ghi âm được tiếng kêu của chim quốc, chim đa đa vừa gợi được trong lòng người huyền thoại buồn thương về Thục Đế vừa bộc lộ tâm trạng nhớ nước thương nhà của bà HTQ. Bà HTQ đã nghe tiếng chim quốc, chi đa đa bằng cả nỗi lòng nhớ nước, thương nhà của mình cho nên mới có thể cảm nhận được niềm đau xót buồn bã, uể oải trong tiếng chim kêu ở ĐN. Tâm trạng nhớ nước, thương nhà của nhà thơ lúc này cũng rất dễ hiểu: trong cảnh lữ thứ, buổi hoàng hôn trên một vùng hoang vu thì da diết nhớ tổ ấm là lẽ dĩ nhiên. Bà lại là cựu thần của nhà Lê, thời điểm này, bà đang đứng ở ranh giới giữa ĐT và ĐN thì trái tim của kẻ sĩ tất yếu sẽ nhói lên niềm nhớ thương về nước, về triều đại cũ. Nhịp thơ 2/2/3 tựa như những tiếng nấc âm thầm trong cõi lòng đau xót vì nhớ thương của nữ sĩ.

***d. Hai câu kết:***

*Dừng chân đứng lại ............. với ta*

Bốn chữ “dừng chân đứng lại” thể hiện một trạng thái tĩnh lặng hần như tuyệt đối của nhà thơ diễn tả niềm xúc động tới bồi hồi. Phải chăng sự níu giữ 2 bàn chân không muốn bước ấy là sự cộng hưởng của nhiều cảm xúc tràn trề? Toàn cảnh ĐN đã hiện lên trong cảm nhận bằng thị giác của nhà thơ là một không gian rộng lớn, mênh mang, tĩnh vắng với trời, non, nước. “Trời, non, nước” – ba từ được ngăn cách bởi những dấu phẩy, chỉ ba từ ấy thôi mà gợi ra cả không gian rộng lớn, xa xăm, mênh mông, cao vút và khoáng đạt. Thủ pháp liệt kê đã gợi tả không gian bao la, vô hạn của vũ trụ nơi đây. Nghệ thuật đối lập, t­ương phản: vũ trụ mênh mang vô cùng với một con người bé nhỏ đơn chiếc đã nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô đơn của người lữ khách. Cụm từ *ta với ta* đã cực tả cái cảm giác cô đơn của người lữ khách, thành một nỗi cô đơn đến tuyệt đối, nỗi cô đơn ấy đã tạc vào non nước ĐN. Vũ trụ mênh mang như mỗi lúc mở ra bao la bát ngát hơn. Bầu trời cao vời vợi, nước sâu thăm thẳm, núi non điệp điệp trùng trùng còn tâm trạng con người mỗi lúc một khép lại với nỗi niềm riêng tư, chỉ mình mình biết, mình mình hay. “Mảnh tình riêng” có thể là niềm thương nỗi nhớ cựu triều (nhà Lê giờ đây đã thành dĩ vãng), cũng có thể là nỗi niềm của một con người ý thức được về cá nhân mình và thời thế. Đây cũng là cái hay, cái bí ẩn hấp dẫn của bài thơ. Đây là câu thơ nói về nỗi cô đơn hay nhất trong văn học thời trung đại. Câu thơ đã làm nên cái hay cho bài thơ và tên tuổi BHTQ gắn liền với non nước ĐN.

**4. Tổng kết, mở rộng:** Bài thơ Qua Đèo Ngang là bài thơ thất ngôn bát cú tuyệt bút. Đọc bài thơ người đọc cảm nhận được vẻ đẹp hoang sơ nhưng hùng vĩ của đệ nhất kỳ quan trên đất nước ta. Vẻ đẹp ấy được tô điểm bởi bàn tay tài hoa của người nữ sĩ bà HTQ qua những vần thơ trang nhã mà điêu luyện thăng hoa từ cái cảm hứng thiên nhiên trữ tình trang nhã hòa với tình yêu quê hương, đất nước đậm đà. Bài thơ là tiếng nói của một người mà đã trở thành khúc tâm tình của muôn triệu người, là bài thơ của một thời mà mãi mãi hôm nay và mai sau.

**Chủ đề 4: Tình bạn**

**Văn bản BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ – Nguyễn Khuyễn**

**1. Tác giả**: Nguyễn Khuyến (1835-1909). Lúc nhỏ tên là Thắng, quê thôn Vị Hạ, xã Yên Đổ, nay thuộc Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam. Thuở nhỏ nhà nghèo, thông minh, học giỏi, sau đó thi đỗ cả ba kỳ thi Hương, Hội, Đình, do đó có tên gọi là Tam Nguyên Yên Đổ. Nguyễn Khuyến làm quan được 10 năm nhưng đến khi thực dân Pháp đánh chiếm xong Bắc Bộ, ông cáo quan về quê ở ẩn.

- NK là một nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ ca của ông chủ yếu được sáng tác sau ngày ông cáo quan về quê ở ẩn.

**2. Tác phẩm:** Cảm hứng nhân đạo trong văn học trung đại VN gồm các đặc điểm:

- Những truyền thống, nguyên tắc, đạo lý làm người, những cách đối xử trong các mối quan hệ trong cuộc sống.

- Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc.

- Tấm lòng thương cảm với con người, đặc biệt là người phụ nữ và trẻ em.

**3. Nội dung bài thơ:**

Bằng những từ ngữ thuần Việt, tạo dựng tình huống đặc biệt khi bạn đến chơi nhà rồi hạ chốt bằng một câu thơ, tác giả đã đề cao tình bạn đậm đà thắm thiết.

***Luận điểm 1: Cảm xúc khi bạn đến chơi nhà. Bạn hiền gặp nhau ải chẳng vui và hạnh phúc, niềm vui ấy đã được gửi gắm qua một lời chào thân mật.***

*Đã bấy lâu nay bác tới nhà*

- Câu thơ như một lời chào hồ hởi thân mật vừa bộc lộ nỗi vui bất ngờ vừa tỏ ý trân trọng, quý mến bạn. Đã bấy lâu nay có nghĩa là một thời gian dài, một thời gian nhà thơ không gặp bạn, giờ đây có dịp gặp nhau làm sao mà không xúc động, không vui mừng cho được. Từ lúc cáo quan về vui sống với cảnh điền viên, ông chỉ biết lấy thiên nhiên làm bạn. Trái tim ông gửi trọn cho đất nước quê hương, nên tâm hồn luôn khắc khoải u hoài. Trong những giây phút ấy mà không ai không muốn có một người bạn để tâm sự, để an ủi. Cách xưng hô của tác giả với người bạn rất đặc biệt: “bác”. Cách gọi thân mật này khiến người đọc cảm tưởng như đây là lời đối thoại của nhà thơ với người bạn của mình. Tình nghĩa quý báu, nồng hậu toát lên trong từng câu chữ. Người bạn đó đã đến với ông - Còn nỗi vui mừng nào hơn. Chính nỗi vui mừng, bất chợt mà Nguyễn Khuyên đã thốt ra lời bông đùa với bạn một cách dí dỏm cho thoả lòng trông đợi.

***Luận điểm 2: Hoàn cảnh tiếp đãi bạn***

Trong buổi gặp gỡ "ngàn năm có một đó", đôi bạn già là gặp phải hoàn cảnh hết sức éo le, khó xử. Nhà thơ muốn thết đãi người bạn một bữa thật thịnh soạn nhưng hoàn cảnh lại không cho phép.

*Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.  
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,  
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.  
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,  
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.  
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,*

- Tác giả đã xây dựng tình huống một cách rất hóm hỉnh, tươi vui và hoàn cảnh của mình: Nhà có rất nhiều thứ để thiết đãi bạn, thế nhưng "trẻ thời đi vắng", người trẻ trong nhà không có ai để nhờ đi chợ; "chợ thời xa", chợ quá xa nên không muốn để bạn ở nhà một mình. Không đi chợ được, tác giả bắt đầu tìm kiếm những món "cây nhà lá vườn" thì lại "không chài cá" vì ao sâu, nước lớn, "khó đuổi gà", không thể bắt gà đãi bạn vì "vườn rộng rào thưa". Đến ngay cả thực vật cũng là "cải chửa ra cây, cà mấy nụ/ Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa", những món rau đạm bạc hàng ngày thì lại chưa thể thu hoạch vì mới chỉ gieo trồng cách đây không lâu. Thậm chí, khi tác giả muốn tiếp đãi ông bạn già bằng một miếng trầu, lấy "miếng trầu là đầu câu chuyện" nhưng cũng chẳng có. Người đọc có thể dễ dàng hình dung được hoàn cảnh thiếu thốn cũng như tình huống khó xử của nhà thơ. Bạn lâu ngày mới ghé thăm, bản thân rõ ràng có ý tốt muốn mời bạn ở lại dùng bữa, nhưng hoàn cảnh dường như không cho phép khi mọi thứ có thể chế biến được lại không có sẵn trong nhà. Tình huống vừa trớ trêu vừa hài hước, dở khóc dở cười được tác giả xây dựng khôi hài và hết sức tự nhiên.

***Luận điểm 3: Tình bạn chân thành, cao cả.***

Cái lúng túng, ngượng nghịu của tác giả lại trở thành sự chân thật, và trong hoàn cảnh khó xử đó, tình bạn chân thành, không vụ lợi được minh chứng một cách rõ nét.

*Bác đến chơi đây, ta với ta*

- Bao nhiêu nghèo thiếu, tũng quẫn, bao khó xử bỗng tan biến đi đâu hết để nhường chỗ cho tình bạn thân thiết, nồng ấm. Câu thơ như một lời mời, một lời trân trọng đáng quý bật thốt ra từ tận đáy lòng. Sau bao nhiêu danh vọng, chức quyền nơi triều đình xô bồ, hai người bạn từng cùng nhau trải qua biết bao gian nan lại có thể ngồi hàn huyên, tâm sự. Sơn hào hải vị, quyền cao chức trọng liệu có quý giá bằng hai tấm lòng chân thành, không toan tính này không? Nếu như cụm từ "ta với ta" trong "Qua đèo Ngang" của bà Huyện Thanh Quan thể hiện sự cô tịch, quạnh hiu thì "ta với ta" ở đây lại là sự tâm đầu ý hợp giữa hai người bạn. Không màng vật chất của cải, không cần đến cả miếng trầu cau nhỏ bé, tình cố nhân này mãi vẹn nguyên và trong sạch. Nhà thơ như tìm được tri âm, tri kỉ của mình, một người thấu hiểu tấm lòng, không màng vật chất, không nặng miếng ăn, không vì hoàn cảnh thiếu thốn của bạn mà ngượng ngùng, xa cách. Tác giả khéo léo lồng ghép bài học triết lý sâu sắc về tình người, tình đồng chí, tình bạn nồng thắm giữa hai cuộc đời dạn dày sương gió. Chỉ khi ta thiếu thốn nhất, khó khăn nhất mới có thể khẳng định, ai mới là bạn ta, ở cạnh động viên và an ủi ta trong cảnh khốn cùng.

- Đặc sắc nghệ thuật trước hết nằm ở thể thơ thất ngôn bát cú, lược bỏ những luật lệ hà khắc của thể thơ này, mang lại cảm giác hóm hỉnh, gần gũi. Viết về nông thôn, tác giả lựa chọn những từ ngữ cùng lối viết hết sức giản dị, những từ mang đậm màu sắc địa phương như "thời", "chửa" đem lại sự thoải mái, mang tính chất khẩu ngữ. Hàng loạt những hình ảnh được liệt kê như "vườn rộng rào thưa", "ao sâu nước cả",... vừa có tác dụng trình bày những thiếu thốn vật chất, vừa mở ra trước mắt người đọc khung cảnh làng quê thanh bình, yên tĩnh, thích hợp cho những cuộc tâm tình chơi cờ thưởng trà ngắm trăng. Lời thơ giống như lời đối thoại trực tiếp hàng ngày tạo cho người đọc cảm giác như mình là người bạn của Nguyễn Khuyến, lắng nghe ông bạn già trình bày mà lòng vừa cười vừa thương, khơi gợi trong lòng độc giả sự suy nghĩ sâu cay về tình bạn chân thật, tình bạn đẹp là tình bạn không gì có thể đong đếm nổi.

**4. Tổng kết:** Tác phẩm "Bạn đến chơi nhà" với nội dung khác lạ, mới mẻ, xây dựng tình huống vừa vui vẻ vừa triết lý cùng bút lực thần kì của nhà thơ đã khắc họa một bức tranh sinh động về một khoảng sân quê yên ả, một buổi chiều quê nhẹ nhàng, đằm thắm. Nơi đó có hai người bạn tuổi đã xế chiều, cay đắng sóng gió đã nếm đủ cả, giờ lại có thể gặp nhau tại mảnh đất quê hương bạn mình. Nguyễn Khuyến đã một lần nữa để lại cho kho tang văn học Việt một kiệt tác thơ cổ, nêu bật triết lý sống không toan tính, vụ lợi với bạn bè, sống bằng tấm lòng chân thật và trái tim biết yêu thương.

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 15:**

**Chuyên đề: THƠ HIỆN ĐẠI**

**Chủ đề 1: TINH THẦN CÁCH MẠNG**

**I. Văn bản *Cảnh khuya* – Hồ Chí Minh.**

**1. Tác giả:** Hồ Chí Minh (1890- 1969) là người anh hùng giải phóng dân tộc, là danh nhân văn hóa thế giới và là nhà thơ lớn của văn học Việt Nam.

- Thơ Bác thể hiện tâm hồn thi sĩ, chiến sĩ cao đẹp.

- Thơ Bác là những bài thơ hiện đại nhưng cũng mang đậm màu sắc cổ điển từ thể thơ đến hình ảnh và ngôn ngữ.

**2. Tác phẩm:** ***Cảnh khuya*** được Bác viết năm 1947 trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp ở chiến khu Việt Bắc.

- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt đường luật.

**3. Nội dung bài thơ:**

***a. Hai cầu đầu: Bức tranh cảnh khuy nơi núi rừng Việt Bắc:***

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,*

*Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.*

- Đó là bức tranh đêm trăng rừng ở chiến khu Việt Bắc – một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp: có âm thanh tiếng suối, có ánh sáng của trăng và cả hình dáng của câu cỏ. Nghệ thuật so sánh độc đáo, ví âm thanh tiếng suối trong trẻo như tiếng hát của một con người nào đó làm cho núi rừng đêm khuya thanh tĩnh, vắng lặng bỗng trở nên sinh động, đầy sức sống. Ta đã từng bắt gặp sự so sánh thú vị này trong “Bài ca Côn Sơn” của Nguyễn Trãi: Côn Sơn suối chảy ................... bên tai”. Điểm giống nhau của 2 thi nhân là đã làm cho thiên nhiên không còn mang vẻ hoang sơ vắng lặng mà đã trở nên sinh động, đầy cuốn hút. Thiên nhiên và con người giao hòa trọn vẹn.

- Phép điệp ngữ qua điệp từ “lồng” tạo nên một bức tranh đa màu sắc và sống động. Ánh trăng sáng chiếu vào vòm cổ thụ, bóng cây lồng vào bóng hoa, in xuống mặt đất tạo thành muôn bông hoa lung linh huyền ảo. Thiên nhiên, tạo vật trở nên gắn bó thân thiết, trở thành người bạn tri âm tri kỷ gắn bó với nhà thơ.

=> Như vậy, 2 câu thơ đầu đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên cảnh khuya tuyệt đẹp: một khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, một bức tranh đặc biệt, lung linh sắc màu mặc dù chỉ có hai gam màu sáng và tối. Bức tranh ấy còn tràn đầy sức sống bởi nó không chỉ có màu sắc mà còn có cả âm thanh. Bao trùm lên bức tranh thiên nhiên kỳ diệu ấy là một tình yêu say đámw ngọt ngào của nhà thơ.

***b. Hai câu thơ cuối: Tấm lòng vì nước, vì dân của Bác:***

*Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,*

*Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

- Câu thơ thứ ba có 2 vế. Vế trước: cảnh khuya như vẽ nhấn mạnh thêm vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên; vế sau nhấn mạnh cảm xúc yêu mến, đắm say thiên nhiên và cảm hứng dạt dào của thi sĩ.

- Câu thơ thứ tư với điệp ngữ “chưa ngủ” nhắc lại bất ngờ khiến cho người đọc vô cùng xúc động vì tấm lòng của Bác. Bác chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà. Ý thơ chuyển hướng đột ngột mà thú vị. Nỗi niềm thao thức chưa ngủ của Bác không chỉ bởi vẻ đẹp của đêm trăng thiên nhiên mà chủ yếu là vì lo lắng cho sự nghiệp kháng chiến, lo cho đất nước. Điệp ngữ “chưa ngủ” giống như một cái bản lề khép mở hai tình cảm lớn trong tâm hồn lãnh tụ vĩ đại: tình yêu thiên nhiên, yêu tổ quốc luôn hòa hợp với tình yêu đất nước. Đó còn là sự hòa hợp thống nhất giữa hai phong cách thơ trong một con người: tâm hồn thi sĩ và cốt cách chiến sĩ.

=> Như vậy, đây là bài thơ tả cảnh ngụ tình, vừa vẽ ra một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp vừa trực tiếp bài tỏ tình cảm, tấm lòng của Bác trong những năm tháng đầu kháng chiến chống Pháp. Đọc bài thơ ta vô cùng cảm mến và trân trọng tình yêu thiên nhiên, tấm lòng yêu nước, tinh thần trách nhiên của Người đối với dân, với nước. Qua bài thơ ta càng hiểu rõ hơn vẻ đẹp tâm hồn Bác: nhà thơ – chiến sĩ.

**II. Văn bản “Rằm tháng giêng”.**

- Nhắc đến những bài thơ của Bác viết về trăng ta không thể không nhắc đến bài thơ “Nguyên tiêu” được Bác viết năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp của ta đang ở giai đoạn cam go, quyết liệt nhất. Bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt tả cảnh đẹp của đêm trăng rằm tháng giêng, bộc lộ một phong thái ung dung và tinh thần lạc quan của Bác trong những ngày đầu xuân kháng chiến khẩn trương và quyết liệt. Nguyên tác bài thơ bằng chữ Hán theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, nhà thơ Xuân Thủy đã dịch thành bài thơ lục bát:

*“Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên............... nguyệt mãn thuyền*

*(Rằm xuân lồng lộng ............đầy thuyền)*

- Đêm nguyên tiêu trăng sáng ngời trên một không gian bao la. Bài thơ nói lên cảm xúc và niềm vui dạt dào tron gtâm hồn lãnh tụ đêm nguyên tiêu lịch sử.

- Hai câu đầu vẽ lên khung cảnh đẹp tuyệt vời của một đêm trăng rằm. Trên bầu trời, trăng đúng lúc tròn nhất, nó mang vẻ đẹp tươi xinh khác thường vì mùa xuân làm cho trăng thêm đẹp và trăng cũng làm cho cảnh vật mang vẻ đẹp hữu tình. Đất nước quê hương bao la, tràn ngập ánh sáng của vầng trăng.

*Kim dạ...... xuân thiên*

*(Rằm.... thêm xuân)*

- Xuân trong thơ của Bác là mùa xuân, là tuổi trẻ, là vẻ đẹp xinh tươi. Nó còn gợi tả màu xanh của sông nước, đất trời vào xuân. Ba từ “xuân” liên tiếp đã mở ra một không gian mênh mông, bát ngát tràn ngập sức sống mùa xuân, tràn ngập sức sống mãnh liệt của đất nước – đất nước dù trong mưa bom bão đạn vẫn dạt dào một sức sống trẻ trung, tiềm tàng. Không chỉ làm nổi bật cảnh đẹp của đêm nguyên tiêu, câu thơ còn biểu hiện tinh tế cảm xúc tự hào, niềm vui sướng mênh mông của một hồn thơ đang rung động mãnh liệt giữa một đêm xuân đẹp, đất nước đang anh dũng kháng chiến.

- Với Bác Hồ, yêu vẻ đẹp của đêm nguyên tiêu, yêu thiên nhiên cũng là yêu đời tha thiết. Bác yêu thiên nhiên cho nên sông núi, cỏ cây, hoa lá, tạo vật trong thơ Bác cũng rất hữu tình: có “trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa”. Có trăng vào cửa sổ đòi thơ trong niềm vui thắng trận, Bác không chỉ yêu trăng mà Bác còn yêu hoa núi, yêu chim rằng, yêu ngọn gió, yêu giọt mưa báo mùa thu chợt đến. Thiên nhiên trong thơ Hồ Chí Minh là một trong những yếu tố tạo nên giai điệu trữ tình và màu sắc cổ điển.

- Nếu hai câu thơ đầu miêu tả khung cảnh thiên nhiên rộng lớn, tràn ngập ánh trăng thì hai câu thơ cuối nói về dòng sông, khói sóng, con thuyền trăng và hình ảnh con người:

*Yên ba thâm sứ.......... mãn thuyền*

*(Giữa dòng........... đầy thuyền)*

Nếu như ánh trăng ngày trước chiếu vào ngục lạnh nơi đất khách quê người

*“Trong tù không rượu cũng không hoa.............. nhà thơ”*

Thì đêm nguyên tiêu này trăng lại soi xuống con thuyền trong đó Bác đang bàn bạc việc quân. Trăng nguyên tiêu là trăng ước hẹn, báo trước những mùa trăng trong năm, được nhân dân đón đợi với bao hi vọng, bao tình cảm nồng hậu. Hơn nữa, điều kiện thưởng trăng ở đây không phải là thưởng trăng trên sân nhà, ngõ xóm, trên lầu cao gác tía mà là thưởng trăng trên khói sóng, nơi sâu kín mịt mù, bí mật trên dòng sông giữa núi rừng chiến khu Việt Bắc bao la. Như thế, người đang thưởng trăng Nguyên tiêu không chỉ mang cốt cách như các vị tao nhân mặc khách ngày xưa mà còn là người hành động, người chiến sĩ đánh giặc, vị lãnh tụ đang bàn bạc việc quân để lãnh đạo nhân dân kháng chiến bảo vệ non sông, đất nước. Quả thật, đây là một trường hợp thưởng trăng rất đặc biệt, đặc biệt ở chỗ những vần thơ của Bác vừa mang đậm màu sắc hiện đại làm sống lại không khí lịch sử của thời đại vừa mang đậm phong vị Đường thi trong hình ảnh “yên ba thâm sứ”.

- Sau những canh dài bàn bạc việc quân căng thẳng nơi khói sóng sâu thẳm, đêm đã về khuya, Bác trở về tâm hồn sảng khoái, con thuyền kháng chiến, con thuyền của vị thống soái trở thành con thuyền trăng của thi nhân nhẹ bơi trên sông nước mênh mang trở đầy ánh trăng vàng:

*Dạ bán ........*

*(Khuya về ....)*

- “Nguyệt mãn thuyền” là một hình ảnh đẹp và trữ tình, nó làm ta nhớ đến những vần thơ cổ như:

*“Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt*

*Một vầng trăng trong vắt lòng sông”*

(Bạch Cư Dị)

Hoặc: “*Nước biếc non xanh thuyền gối bãi*

*Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu”*

(Nguyễn Trãi)

- Đến với thơ Hồ Chí Minh, ta thấy con thuyền đang trôi nhẹ trên sông ẩn hiện trong màn khói sóng mang theo bao ánh trăng hiện lên một thủ lĩnh quân sự giàu hồn thơ đang lãnh đạo quân dân ta kháng chiến để giành lại độc lập, tự do, để giữ mãi những đêm nguyên tiêu đời đời của đất nước thanh bình. Hình ảnh con thuyền trăng trong bài thơ này cho thấy tâm hồn Bác giàu tình yêu thiên nhiên, trong kháng chiến gian khổ vẫn lạc quan yêu đời.

- Qua bài thơ Nguyên tiêu, ta có thể nói: Trăng trong thơ Bác rất đẹp. Chính vầng trăng ấy đã thể hiện phong thái ung dung, tâm hồn thanh cao của vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc mang cốt cách nghệ sĩ, nhà hiền triết phương Đông.

- Bài thơ được viết theo thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt man mác phong vị Đường thi. Điệu thơ thanh nhẹ, không gian bao la, yên tĩnh, bài thơ như một đóa hoa xuân đẹp trong vườn hoa dân tộc, là tinh hoa kết tụ từ tâm hồn, trí tuệ, đạo đức của Hồ Chí Minh.

Văn tức là Người. Thơ là tấm lòng, là tiếng lòng cộng hưởng từ một người đến muôn người. Thơ Bác tuy nói đến “trăng, hoa, tuyết, nguyệt...” nhưng đã phản ánh tâm tư, tình cảm, lẽ sống cao đẹp của Bác. Bác yêu nước, thương dân tha thiết nên Bác càng yêu đêm nguyên tiêu với vầng trăng xuân thơ mộng. Trong kháng chiến gian khổ Bác đã hướng tới vầng trăng xuân thơ mộng. Trong kháng chiến gian khổ, Bác đã hướng tới vầng trăng rằm tháng giêng, hướng tới bầu trời xuân với tâm hồn trong sáng và phong thái ung dung. Cuộc đời không thể thiếu vầng trăng, Bác yêu trăng cũng chính là biết sống đẹp. “Nguyên tiêu” là một bài thơ tuyệt tác của nhà thơ Hồ Chí Minh. Con thuyền chở đầy ánh trăng cũng là con thuyền kháng chiến đang hướng tới chiến công và niềm vui thắng trận.

**Chủ đề 2: TÌNH CẢM GIA ĐÌNH GẮN VỚI TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC**

**Bài thơ TIẾNG GÀ TRƯA - Xuân Quỳnh -**

**I. Kiến thức cơ bản**

**1. Tác giả, tác phẩm:**

**- Xuân Quỳnh** ([1942](https://vi.wikipedia.org/wiki/1942) – [1988](https://vi.wikipedia.org/wiki/1988)), là một [nhà thơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhà_thơ) nữ của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Việt_Nam). - Xuất thân trong một gia đình công chức, mẹ mất sớm, bố thường xuyên công tác xa gia đình, bà được bà nội nuôi dạy từ nhỏ đến khi trưởng thành.

- Bà được xem là nữ thi sĩ nổi tiếng với nhiều bài thơ được nhiều người biết đến như *Thuyền và biển*, [Sóng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Sóng_(thơ_Xuân_Quỳnh)), *Thơ tình cuối mùa thu*, *Tiếng gà trưa,*... Bà được [Nhà nước Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhà_nước_Cộng_hòa_xã_hội_chủ_nghĩa_Việt_Nam) truy tặng [Giải thưởng Nhà nước (Việt Nam)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Giải_thưởng_Nhà_nước_(Việt_Nam)) và [Giải thưởng Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Giải_thưởng_Hồ_Chí_Minh) vì những thành tựu cho nền văn học nước nhà.

- Bài thơ *Tiếng gà trưa* được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ, in lần đầu trong tập thơ *Hoa dọc chiến hào*.

**2. Nội dung:**

***2.1. Tiếng gà trưa trên đường hành quân***

- Hoàn cảnh: trên đường hành quân xa, dừng chân bên xóm nhỏ

- Âm thanh tiếng gà trưa: “Cục…cục tác cục ta”

⇒ Âm thanh tự nhiên, chân thực

- Nghệ thuật điệp từ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:

+ Nghe xao động nắng trưa + Nghe bàn chân đỡ mỏi

+ Nghe gọi về tuổi thơ

⇒ Tiếng gà trưa gọi về kỉ niệm tuổi thơ, tình cảm xóm làng và xua tan những vất vả, mệt nhọc trên đường hành quân.

***2.2. Tiếng gà trưa gợi lại những kỉ niêm thời thơ ấu***

*a) Những kỉ niệm tuổi thơ*

- Hình ảnh con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như tranh

- Kỉ niệm: tò mò xem gà đẻ bị bà mắng

- Hình ảnh bà đầy yêu thương, chắt chiu, dành dụm từng quả trứng cho cháu

- Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ: được quần áo mới

⇒ Những kỉ niệm tuổi thơ bình dị, gần gũi, hồn nhiên không thể nào quên của gia đình làng quê Việt Nam.

*b) Hình ảnh người bà và tình bà cháu*

- Bà mắng: “Gà đẻ…mặt” ⇒ Lời mắng xuất phát từ tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc của bà dành cho cháu

- Bà chắt chiu trong cảnh nghèo khó, dành trọn vẹn tình yêu thương, sự chăm lo cho cháu: “Tay bà khum soi trứng … Cháu được quần áo mới”

⇒ Tình bà cháu thật sâu nặng, thắm thiết, bà chắt chiu, chăm lo, quan tâm cho cháu, cháu luôn yêu thương, kính trọng bà

***2.3. Tiếng gà trưa gợi những suy tư***

- Tiếng gà trưa mang đến hạnh phúc vì nó làm thức dậy biết bao tình cảm cao đẹp: tình bà cháu, tình xóm làng, tình cảm gia đình… Niềm hạnh phúc ấy đem vào giấc ngủ hồng sắc trứng

- Nghệ thuật điệp từ và điệp cấu trúc (vì lòng yêu Tổ quốc, vì xóm làng thân thuộc, vì bà…): qua đó, nhấn mạnh mục đích chiến đấu vừa cao cả và thiêng liêng nhưng cũng hết sức bình dị, cụ thể

- Tình cảm gia đình, quê hương đã làm sâu sắc thêm tình yêu Tổ quốc

**II. Luyện tập: Nêu cảm nhận về người bà trong bài thơ.**

**BTVN: Nêu cảm nhận về bài thơ:**

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 16:**

**Phương pháp làm văn biểu cảm về tác phẩm văn học**

**I. Mục tiêu bài dạy**

1. Kiến thức: Giúp học sinh củng cố kiến thức, nắm chắc yêu cầu của bài văn phát biểu cảm nghĩ ( biểu cảm) về tác phẩm văn học. Nắm chắc phương pháp làm dạng bài.

2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng cảm thụ các tác phẩm văn học đã học

- Viết được những đoạn văn, bài văn biểu cảm về các tác phẩm văn học

- Làm được bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học

3. Thái độ: Có lòng yêu thích thể loại, yêu văn chương, tích cực học tập

**II. Chuẩn bị**

- Thày: SGK, vở giáo án, tài liệu liên quan

- Trò: SGK, vở ghi chép, tài liệu có liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. Ổn định tổ chức

2. KTBC: Việc làm BTVN của học sinh

3. Bài mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung hoạt động** |
| ? Thế nào là bài văn PBCN về tác phẩm văn học  ? Điều kiện để làm bài PBCN về tác phẩm văn học  ? Nêu yêu cầu khi làm bài PBCN về 1 tác phẩm thơ.  GV: Nêu dàn ý chung  ? Yêu cầu phần mở bài  ? Yêu cầu phần thân bài  ? Yêu cầu phần kết bài  Cách làm bài văn phát biểu cảm nghĩ về 1 tác phẩm văn xuôi  ? GV gợi ý  GV nêu phần dàn bài chung.  ? Yêu cầu phần thân bài  ? Yêu cầu phần kết bài  - GV nêu yêu cầu khi làm bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học  - Những gợi ý khi làm bài văn PBCN về tác phẩm văn học  - GV: Nêu dàn bài chung  ? Yêu cầu của phần mở bài  ? Yêu cầu của phần thân bài  ? Yêu cầu của phần kết bài  ? Em hãy cho biết yêu cầu của đề  ? Gợi ý khi làm bài  ? Gợi ý khi làm bài  ? Yêu cầu của phần mở bài  ? Thân bài triển khai ý gì  ? Kết bài chúng ta viết như thế nào  -GV yêu cầu HS làm nháp  - Yêu cầu trình bày  - Yêu cầu HS nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung  ? Nêu yêu cầu của đề  - Gợi ý khi làm bài  - Y/c học sinh lập dàn bài ra nháp  - Yêu cầu HS trình bày  - GV nhận xét, bổ sung  - HS hoàn thiện vào vở  ? Yêu cầu phần mở bài  ? Yêu cầu phần thân bài  ? Yêu cầu của phần kết bài  GV giao BTVN  - HS ghi chép, thực hiện  4. Củng cố, dặn dò  GV nhắc lại kiến thức trọng tâm, cơ bản  - Về nhà học - làm BT.  Chuẩn bị chuyên đề: Rèn kỹ năng viết đoạn” | **I. Lý thuyết**  **1. Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học** là trình bày những cảm xúc, tưởng tượng, liên tưởng, suy ngẫm của mình về nội dung và hình thức của tác phẩm.  - Kiểu bài phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học rất phổ biến trong chương trình ( Phát biểu cảm nghĩ về một bài thơ, một truyện ngắn, một tùy bút, một bài văn nghị luận.  **2. Điều kiện để làm bài văn PBCN về tác phẩm văn học.**  Phải đọc kỹ, hiểu sâu để cảm và hiểu nội dung, nghệ thuật của tác phẩm. Với thơ thì hiểu cảm từ ngữ, nhịp điệu, tiết tấu, các biện pháp tu từ, các hình ảnh tượng trưng.  -Với truyện thì tìm hiểu nhân vật, chi tiết, cách tổ chức tác phẩm. Từ đó mà hịnh thành ấn tượng về tác phẩm, cảm xúc về tác phẩm  **3. Các kiểu nhóm bài**  ***3.1. Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm thơ***  ***a.Yêu cầu***  - Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm thơ đòi hỏi người viết phải nên lên những cảm xúc suy nghĩ của mình trên cơ sở cảm thụ bài thơ đó.  - Phải nêu được cảm xúc đối với cảnh, đối với người, với hình ảnh độc đáo, câu chữ hay trong bài thơ.  - Cần vận dụng linh hoạt các cách lập ý để bài làm có sự mạch lạc.  ***b. Gợi ý***  - Đọc kỹ bài thơ, nắm vững thời điểm ra đời, tác giả, nội dung chính và nét đặc sắc về nghệ thuật.  - Cảm nhận và hình thành ấn tượng, cảm xúc chung nhất về bài thơ.  - Đi sâu vào hình ảnh tâm trạng, câu chữ, nhịp điệu mà bài thơ gợi lên cảm xúc và ấn tượng.  - Có thể tham khảo các ý kiến phân tích đánh giá bài thơ nhưng cần chú ý trình bày cảm xúc, ấn tượng của riêng mình chứ không nhắc lại ý kiến người khác.  ***c. Dàn ý chung***  \* Mở bài: Giới thiệu sơ lược về bài thơ và cảm nhận chung  \* Thân bài:  - Cảm xúc về hoàn cảnh ra đời bài thơ  - Cảm xúc về hình ảnh trong bà thơ, tâm trạng của tác giả  - Cảm xúc và suy nghĩ về câu thơ.  - Cảm xúc về tiết tấu, nhịp điệu, các biện pháp tu từ  - Cảm nghĩ về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài  \* Kết bài: Tình cảm của người viết, dự cảm về sức sống của bài thơ.  ***3.2. Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn xuôi***  ***a. Yêu cầu***  - PBCN về tác phẩm văn xuôi là nêu lên những cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc nó.  - Bài viết phải nêu được cảm nhận của người viết về chủ đề, tư tưởng. Đặc biệt là các nhân vật (hoặc 1 – 2 nhân vật chính) các chi tiết quan trọng của tác phẩm.  - Trong khi nêu lên cảm xúc suy nghĩ cần phải dựa vào sự tóm tắt, phân tích các nhân vật, chi tiết. Nhưng luôn lưu ý đấy chỉ là phương tiện để bộc lộ cảm xúc, chúng không được lấn át cảm xúc.  ***b. Gợi ý***  - Đọc kỹ tác phẩm nắm chắc thời điểm ra đời, sự liên quan của tác phẩm với các tác phẩm khác của nhà văn. Nội dung chính và nét độc đáo về nghệ thuật của tác phẩm.  - Trên cơ sở đọc, cảm thụ hình ảnh cảm nhận và ấn tượng chung về tác phẩm, về nhân vật chính của tác phẩm.  - Đi sâu vào những cảm xúc ấn tượng chính xung quanh các nhân vật, hành động, ứng xử của nhân vật. Các chi tiết quan trọng nổi bật của tác phẩm.  - Bày tỏ thái độ khen chê, tán thành phản đối, đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong tác phẩm.  - Có thể đọc các bài phê bình về tác phẩm nhưng chỉ để tham khảo, người viết phải có cảm xúc, thái độ đánh giá của riêng mình.  ***c. Dàn bài chung***  \* Mở bài: ấn tượng chung về tác phẩm mà người viết sẽ nói tới.  \* Thân bài:  - Suy nghĩ, cảm xúc về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.  - Cảm xúc về hình thức các nhân vật trong tác phẩm.  - Cảm xúc và suy nghĩ về các nhân vật chính  - Cảm xúc suy nghĩ về các chi tiết nổi bật. Các biện pháp tu từ.  - Cảm nghĩ về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.  \* Kết bài:  - Tình cảm của người viết dự cảm sức sống của tác phẩm.  ***3.3. Phát biểu cảm nghĩ về nhân vật văn học***  ***a. Yêu cầu***  - PBCN về nhân vật văn học phải căn cứ vào chi tiết liên quan đến nhân vật trong tác phẩm, các chi tiết đó là căn cứ để trình bày cảm nghĩ của người viết.  - Suy nghĩ cảm xúc của người viết phải chân thực, xuất phát từ cảm xúc thật khi đọc tác phẩm.  - Cần thể hiện rõ thái độ yêu mến, kính phục cảm thông bằng lòng hay không bằng lòng, khinh ghét.  ***b. Gợi ý***  - Đọc kỹ tác phẩm, nắm chắc tác phẩm, hệ thống, nhân vật, tư tưởng, chủ đề.  - Tìm hiễu kỹ nhân vật minh sẽ phát biểu cảm nghĩ, ghi nhớ chi tiết có liên quan đến nhân vật, sự đánh giá của các nhân vật trong cốt truyện, thái độ của tác giả với nhân vật.  - Ghi lại ấn tượng chung về nhân vật, ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ về hành động, nói năng suy nghĩ của nhân vật.  - Có thể đọc thêm những bài nghiên cứu phê bình khác, nhưng nên trình bày những gì cảm nhận được.  ***c. Lập dàn bài***  \* Mở bài: Giới thiệu nhân vật( trong tác phẩm nào, của tác giả nào) cảm nghĩ chung của người viết.  \* Thân bài: Trình bày cảm xúc và suy nghĩ của người viết về hình dáng, đặc điểm bề ngoài của nhân vật. Trình bày suy nghĩ, cảm xúc về ý nghĩa của nhân vật  \* Kết bài:  - Nhấn mạnh ấn tượng về nhân vật, khẳng định những cảm xúc suy nghĩ của mình là chân thực.  **II. Luyện tập**  ***1. Tìm hiều đề, tìm ý, lập dàn bài cho đề văn PBCN về nhân vật văn học.***  Đề: Cảm nghĩ của em về người mẹ của Enrico trong văn bản “ Mẹ tôi”  a.Yêu cầu  - Cảm nghĩ về nhân vật văn học  - Cảm nghĩ về người mẹ của nhân vật En- ri – cô qua đoạn trích  b. Gợi ý  - Đọc kỹ đoạn trích, nắm được những nét chính về mẹ En – ri – cô.( Thức suốt đêm lo cho con ốm, lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con. Sẵn sàng bỏ một giờ hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn. Có thể đi xin ăn để nuôi con. Có thể hy sinh tính mạng để cứu sống con.  - Một người mẹ như thế lại bị En – ri – cô xúc phạm trước mặt cô giáo. Bà không có một phản ứng nào về hành động thiếu lễ độ của con trai.  - Cần thể hiện tình cảm, cảm xúc và tình cảm của người viết đối với các chi tiết trên.  c. Lập dàn bài  \* Mở bài  - ấn tượng chung về người mẹ của En – ri – co  \* Thân bài  - Cảm nhận và suy nghĩ về những phẩm chất của mẹ En –ri-co  + Lo lắng chăm sóc khi con đau ốm  + Dễ xúc động( khóc nức nở)  + Hết lòng hy sinh vì con ( đổi 1 năm lấy một giờ, đi ăn xin, hy sinh tính mạng để cứu sống con)  - Suy nghĩ về hành động xúc phạm mẹ của En – ri – cô  - Liên tưởng về lỗi đau khổ của người mẹ khi bị con xúc phạm, lại xúc phạm trước mặt cô giáo.  \*Kết bài: Tình cảm đối với mẹ của En – ri – cô  Sự ca ngợi những người mẹ nói chung  ***2. Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho bài văn PBCN về tác phẩm thơ.***  Đề: Cảm nghĩ về bài thơ “ Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương.  a. Yêu cầu  - Cảm nghĩ về bài thơ “ Bánh trôi nước” người viết nêu lên những suy nghĩ của mình trên cơ sở cảm thụ bài thơ.  - Phải nêu được suy nghĩ đối với người, với hình ảnh độc đáo, câu chữ hay trong bài thơ.  b. Gợi ý  - Đọc kỹ bài thơ, nắm vững thời điểm ra đời, tác giả, nội dung chính và nét đặc sắc về nghệ thuật.  c. Tác giả Hồ Xuân Hương được coi là bà chúa thơ Nôm. Bánh trôi nước là một bài thơ tiêu biểu.  - Bánh trôi nước là bài thơ có nhiều tầng ý nghĩa.  + ý tả thực: Hình ảnh chiếc bánh trôi nước trắng, tròn, chìm nổi như nó vốn có ở đời.  + ý ẩn dụ: Nói về phẩm chất, vẻ đẹp, duyên dáng trong sáng, nghĩa tình sắt son của người phụ nữ. Thông qua đó, tác giả cảm thông, xót xa cho thân phận chìm nổi của người phụ nữ. Nắm vững nét đặc sắc về nghệ thuật.  c. Lập dàn bài  \* Mở bài: Giới thiệu về bài thơ và cảm nhận chung  \* Thân bài:  - Cảm xúc về hình ảnh trong bài thơ và tâm trạng của tác giả.  + Qua hình ảnh chiếc bánh trôi trắng tròn chìm nổi, tác giả muốn nói về vẻ đẹp duyên dáng, phẩm chất trong sáng nghĩa tình sắt son của người phụ nữ.  + Tác giả cảm thông, xót xa cho thân phận chìm nổi của người phụ nữ.  - Cảm xúc suy nghĩ về câu thơ.  - Câu 1: Với nghệ thuật nhân hóa, nhà thơ để cho chiếc bánh trôi tự giới thiệu về mình ( vừa trắng, vừa tròn) đẹp.  - Câu 2: Bảy nổi ba chìm: Nói lên cách thức luộc bánh -> thông qua đó nói lên cuộc đời chìm nổi gian truân của người phụ nữ.  - Câu 3: Số phận bị lệ thuộc, không có quyền tự do quyết định cuộc đời mình.  - Câu 4: “ Mà em vẫn giữ tấm lòng son”: Tấm lòng thủy chung trong sáng, giầu đức hy sinh của người phụ nữ.  - Cảm xúc, suy nghĩ về tiết tấu, nhịp điệu, các biện pháp tu từ ( xen kẽ những câu thơ)  - Cảm nghĩ về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ  + Bài thơ bánh trôi nước có nhiều tầng ý nghĩa, thông qua việc miêu tả chiếc bánh trôi nước như nó vốn có ở ngoài đời. Tác giả muốn nói đến hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Họ có vẻ đẹp duyên dáng, phẩm chất trong sáng, thủy chung nhưng cuộc đời bọ lại bấp bênh chìm nổi, bị lệ thuộc – Qua đó, tác giả bày tỏ sự cảm thương, xót xa cho thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  + Giá trị nghệ thuật: Tác giả vận dụng điêu luyện những quy tắc của thơ Đường, sử dụng ngôn ngữ thơ bình dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày, với thành ngữ và mô típ quen thuộc trong ca dao.  Sáng tạo hình ảnh nhiều tầng ý nghĩa.  \* Kết bài: Tình cảm của người viết và dự cảm về sức sống của bài thơ.  - BTVN:  BT1: Lập dàn ý cho đề bài sau:  Đề 1: Cảm nhận của em về hai nhân vật Thành và Thủy trong truyện ngắn “ Cuộc chia tay của những con búp bê”  Đề 2: Cảm nghĩ của em về bài thơ” Qua đèo ngang” của bà Huyện Thanh Quan.  BT2: Viết hoàn chỉnh đề: Cảm nghĩ về bài thơ “Bánh trôi nước”. |

***Ngày soạn: …/ …/2021***

***Ngày dạy: …/ …/2021***

**Buổi 17:**

**Rèn kỹ năng viết đoạn cho bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học**

**I. Mục tiêu bài dạy**

1. Kiến thức: Qua bài dạy, giúp học sinh nắm chắc yêu cầu, phương pháp viết các đoạn cho bài văn phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học: ( mở bài, thân bài, kết bài)

2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng viết phần mở bài theo lối trực tiếp, gián tiếp. Biết cách trình bày các ý ở phần thân bài, kỹ năng viết phần kết bài.

3. Thái độ: Có ý thức tích cực học tập, yêu thích thể loại.

**II. Chuẩn bị**

- Thày: Giáo án, tài liệu có liên quan

- Trò: Vở ghi chép, tài liệu có liên quan

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động**

1. Ổn định tổ chức

2. KTBC: Việc làm BTVN của học sinh

3. Bài mới.

|  |
| --- |
| **I. Lý thuyết**  - Dàn bài chung của bài văn PBCN về tác phẩm văn học  A. Mở bài: Giới thiệu tác giả và hoàn cảnh sáng tác tác phẩm, nội dung đề tài.  - Giới thiệu hoàn cảnh tiếp xúc với tác phẩm  - ấn tượng chung về tác phẩm  B. Thân bài: Trình bày cảm xúc mà tác phẩm gợi ra theo một trình tự nhất định.  \* Thơ: Nêu cảm nghĩ theo thứ tự các phần, các ý hoặc theo mạch cảm xúc của tác phẩm ( ở một phần PBCM về giá trị nội dung và nghệ thuật)  \* Văn xuôi: Biểu cảm khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật.  - Chọn một số chi tiết, hình ảnh đặc sắc để nêu cảm nghĩ.  C. Kết bài:  - Khẳng định lại cảm xúc của mình về tác phẩm văn học  - Rút ra bài học, sự hứa hẹn, mong ước của bản thân.  - Nêu giá trị và sức sống của tác phẩm.  **II. Luyện tập**  BT1: Hãy viết phần mở bài cho đề sau theo 2 cách: Trực tiếp và gián tiếp.  Đề 1: Em hãy “ Phát biểu cảm nghĩ về bài ca dao: “ Công cha như núi Thái Sơn”  Đoạn văn tham khảo  \* Cách trực tiếp  - “Công cha như núi Thái Sơn” là bài ca dao chan chứa nghĩa tình, nó ngợi ca công cha nghĩa mẹ vô cùng to lớn, sâu nặng. Bài ca dao là lời nhắc nhở đạo làm con phải giữ tròn chữ hiếu.  \* Cách gián tiếp:  - Ca dao dân ca là cây đàn muôn điệu của người dân quê Việt Nam. Tiếng đàn ngọt ngào vời vợi từng lan xa theo hương lúa và cánh cò, trầm bổng ngân nga trên sóng nước theo nhịp chèo của con thuyền xuôi ngược, thiết tha âu yếm qua lời ru của mẹ hiền ... Khúc hát tâm tình của quê hương đã thấm sâu vào tâm hồn tuổi thơ của mỗi chúng ta mà nắm tháng không thể phai mờ. Ta nhớ mãi lời ru của bà, của mẹ ...  *“ Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*  *Một lòng thờ mẹ kính cha*  *Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*  Bài ca dao chan chứa nghĩa tình, nó ca ngợi công cha nghĩa mẹ vô cùng to lớn, sâu nặng và nhắc nhở đạo làm con phải giữ chữ hiếu làm đầu.  Đề 2: Hãy phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ “ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê” của Hạ Trí Chương  1. Mở bài trực tiếp  Bài thơ “ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê” là bài thơ hau và vô cùng xúc động của Hạ Trí Chương. Bài thơ đã thể hiện một cảnh chân thực mà sâu sắc, hóm hỉnh mà ngậm ngùi tình yêu quê hương thắm thiết của một người sống xa quê lâu ngày trong khoảnh khắc vừa mới đặt chân trở về quê hương.  2. Mở bài gián tiếp  Mảnh đất quê hương đã trở thành máu thịt đối với mỗi người con khi xa quê. Với Hạ Trí Chương có lẽ cũng vậy. Quê hương đã trở thành phần tâm sự băn khoăn day dứt nhất trong cuộc đời.Bài thơ “ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê” đã thể hiện một cách chân thực mà sâu sắc, hóm hỉnh mà ngậm ngùi tình yêu thương quê hương thắm thiết của một người sống xa quê lâu ngày trong khoảnh khắc vừa mới đặt chân trở về quê cũ.  Bài 2: Viết phần kết bài cho đề sau  Đề 1: Cảm nghĩ về bài ca dao “ Công cha như núi Thái Sơn”  Kết bài:  Bài ca dao “ Công cha như núi Thái Sơn” cũng như hàng nghìn bài ca dao khác được sáng tác bằng thể thơ lục bát dân tộc.Nghệ thuật so sánh ví von sát hợp và gợi cảm, cách dùng từ chọn lọc, chính xác, lời thơ cân xứng hài hòa, giọng thơ êm ái nhẹ nhàng ... đã tạo nên bản sắc của bài ca dao này. Có thể nói đây là bài ca dao đặc sắc nhất nói về tình cảm gia đình. Nó xứng đáng là “ viên ngọc” của thơ ca dân gian. Tính truyền cảm, nội dung giáo dục của bài ca dao tạo nên giá trị nhân bản và tính nhân văn lâu bền, sống mãi qua hàng ngàn năm với đất nước và con người Việt Nam.  Đề 2: Cảm nghĩ về bài thơ “ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê” của Hạ Trí Chương viết vè cố hương là một đề tài khong mới trong thơ ca cổ điển Trung Quốc song với “ Hồi hương ngẫu thư” “ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê” Hạ Trí Chương đã góp vào thi đề này một niềm suy tưởng mới đầy bất ngờ xúc động.  Bài 3: Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về 2 câu ca dao ( 2 câu đầu)trong bài “ Công cha như núi Thái Sơn”  *Đoạn văn tham khảo*  Giọng điệu bài ca dao sao mà thân thương thế! Hai câu đầu nói về công cha nghĩa mẹ. Nhà thơ dân gian đã sử dụng biện pháp ví von để tạo ra hai hình ảnh cụ thể, song đôi nhau: Công cha đi liền với nghĩa mẹ, câu trên nói về núi Thái Sơn thì câu dưới mượn nước trong nguồn, tạo ra một sự đăng đối hài hòa, lời thơ sâu bền thấm vào hồn dân tộc. Núi Thái Sơn theo quan niệm của dân gian là ngọn núi cao nhất, hùng vĩ nhất trong những ngọn núi. Nước trong nguồn không bao giờ vơi cạn, vừa trong mát, vừa ngọt lành như dòng sữa mẹ, thầm lặng mà cao cả. Lấy núi Thái Sơn và nước trong nguồn chảy ra để ví với công cha nghĩa mẹ, ca ngợi công ơn cha mẹ to lớn sâu nặng đó là cách nói sâu sắc thấm thía vô cùng. Có con người Việt Nam nào không thuộc câu ca dao này? Nhớ thuộc từ lâu, nhưng mỗi lần ngâm lên, ta vẫn thấy mới mẻ, xúc động.  *“ Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”*  Đề 3: Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:  *“ Mẹ gom lại những trái chín trong vườn*  *Rồi rong ruổi trên nẻo đường lặng lẽ*  *Ôi, những trái na, hồng, ổi, thị …*  *Có ngọt ngào năm tháng mẹ chắt chiu!*  *Con nghe mùa thu vọng về những yêu thương*  *Giọt mồ hôi rơi trong chiều của mẹ*  *Nắng mong manh đậu bên thật khẽ*  *Đôi vai gầy nghiêng nghiêng!*  *Heo may thổi xao xác trong đêm*  *Không gian im lặng*  *Con chẳng thể chợp mắt*  *Mẹ trở mình trong tiếng ho thao thức*  *Sương vô tình đậu trên mắt rưng rưng”*  ( Lương Đình Khoa)  **Gợi ý:** Có thể có cách trình bày khác nhau và có cách cảm thụ riêng, cần đảm bảo được ý cơ bản sau.  - Cảm nghĩ về các chi tiết, hình ảnh.  + Nẻo đường lặng lẽ: Trước hết là con đường mẹ gánh hoa quả đi bán ( Nghĩa sâu sa là nẻo đường đời).  + Ngọt ngào năm tháng mẹ chắt chiu ( có 2 lớp ý nghĩa)  Ngọt ngào của hoa trái mẹ trồng  Ngọt ngào của tình cảm người mẹ  + Nghe mùa thu vọng về những yêu thương: Hoa quả mùa thu trong vườn là kết quả của tình yêu thương của mẹ.  + Chiều của mẹ: Sức khỏe, tuổi tác của mẹ.  + Nắng mong manh: Sức khỏe của mẹ  + Sương vô tình: Giọt nước mắt xót thương của con với mẹ  + Nghệ thuật ẩn dụ tạo nên hình ảnh đẹp, có chiều sâu, thể hiện sâu sắc tình yêu thương con của người mẹ.  - Giọt nước mắt xót xa thương mẹ của người con có hiếu. |
| Đề 4: Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau bằng một bài viết ngắn gọn khoảng 1 trang giấy thi:  “ Thời gian chạy qua tóc mẹ  Một màu trắng đến nôn nao  Lưng mẹ còng dần xuống  Cho con ngày một thêm cao  Mẹ ơi trong lời mẹ hát  Có cả cuộc đời hiện ra  Lời ru chắp con đôi cánh  Lớn rồi con sẽ bay xa  Trích : “ Trong lời mẹ hát” ( Trương Nam Hương)  \* Yêu cầu: Học sinh trình bày cảm nhận bằng một bài viết ngắn gọn, học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các ý cơ bản sau: MB: Dẫn dắt trích dẫn thơ. TB: Hai khổ thơ trên trong bài “ Trong lời mẹ hát” của nhà thơ Trương Nam Hương đã bộc lộ những cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về người mẹ.  - Hình ảnh mái tóc mẹ bạc trắng vì thời gian làm cho ta xúc động đến nôn nao.  - ý đối lập trong 2 câu thơ “ Lưng mẹ cứ còng dần xuống – Cho con ngày một thêm cao” Như muốn bộc lộ suy nghĩ lòng biết ơn của tác giả đối với mẹ.  - Người mẹ đã hy sinh cả cuộc đời cho đứa con thân yêu của mình.  - Mẹ đem đến cho con cả cuộc đời trong lời mẹ hát, mẹ “ Chắp cho con đôi cánh” để lớn lên con sẽ bay xa khắp mọi nẻo đường.  - Những cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về người mẹ thật đẹp và xúc động biết bao.  ( Học sinh cảm nhận được tiếng hát, ý nghĩa của tiếng hát của mẹ đối với con. Nhờ tiếng hát của mẹ mà con hiểu cuộc đời, đặc biệt là hiểu được sự vất vả và tình thương của mẹ dành cho con.  - Chính lời ru của mẹ chắp cho con đôi cánh, đã cho con ước mơ, niềm tin và nghị lực để con bay cao, bay xa. Mẹ chính là động lực, là cuộc sống của con.  ( Học sinh có thể liên hệ một số câu thơ khác viết về mẹ để mở rộng, nâng cao và làm rõ cảm nhận của mình)  Kết: Khẳng định tình mẫu tử thiêng liêng luôn là hành trang của con người trong cuộc sống.  Liên hệ bản thân.  Đề 5: Cảm nghĩ của em về khổ thơ đầu của bài thơ “ Tiếng gà trưa” của nhà thơ Xuân Quỳnh  Trên đường hành quân xa  Dừng chân bên xóm nhỏ  Tiếng gà ai nhảy ổ  Cục, cục tác cục ta  Nghe xao động nắng trưa  Nghe bàn chân đỡ mỏi  Nghe gọi về tuổi thơ.  \* Định hướng:  Là bài viết ngắn, 1 đoạn văn biểu cảm nhưng người viết phải nêu được cảm nghĩ của mình, biết lấy dẫn chứng để minh họa cho cảm nghĩ.  - Dù ngắn nhưng phải đảm bảo kết cấu của 1 bài văn biểu cảm  \* Dàn bài:  a. Mở bài: - Dẫn dắt và trích dẫn thơ  - Nêu cảm nhận ban đầu về đoạn thơ  b. Thân bài: - Cảm nhận của người viết về cảm xúc với bao kỷ niệm cảm động  + Người lính trên đường hành quân chợt nghe tiếng gà trưa, tiếng gà trưa gợi bao kỷ niệm đẹp thời thơ ấu, được sống trong tình yêu thương của bà, giúp cho anh vơi đi sự mệt mỏi trên đường hành quân.  + Tác giả đã dùng điệp từ “nghe” để nhấn mạnh nỗi xúc động của người chiến sỹ khi nghe tiếng gà trưa. Từ “nghe” ở đây không chỉ bằng thính giác mà bằng cả cảm giác, sự tâm tưởng, sự nhớ lại.  + Qua đoạn thơ, ta có thể cảm nhận được tình yêu quê hương thắm thiết của người lính trẻ, người lính ra đi chiến đấu bảo vệ quê hương, tình yêu đất nước, đó chính là động lực cho tinh thần chiến đấu của người lính.  c. Kết bài:- Khẳng định tình yêu quê hương là động lực giúp cho người lính vững tay súng chiến đấu đánh đuổi quân thù.  Câu 10: Trình bày cảm nhận của mình về những dòng thơ sau  Tre xanh  Xanh tự bao giờ  Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh  Thân gầy guộc, lá mong manh  Mà sao nên lũy nên thành tre ơi  ở đâu tre cũng xanh tươi  Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu  ( Trích bài thơ “ Tre Việt Nam” – Nguyễn Duy)  - Định hướng: + Là bài viết ngắn, một đoạn văn biểu cảm nhưng phải nêu được cảm nghĩ của mình.  + Đảm bảo bố cục 3 phần.  a.Mở bài:Dẫn dắt trích thơ.Nêu cảm nhận ban đầu về đoạn thơ  b. Thân bài:-Cảm nhận của người viết về hình ảnh của cây tre.  + Cây tre là người bạn thân thiết và lâu đời của người dân Việt Nam. Nó khóc trên mình màu xanh bình dị.  + Cảm nhận về hình ảnh tre: Gầy guộc , mong manh nhưng chứa đựng một tinh thần mạnh mẽ, cứng cỏi “ Lên lũy lên thành” chứa đựng một sức sống mãnh liệt, bền bỉ, dẻo dai “ ở đâu tre cũng xanh tươi, cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu.  + Chí khí của tre như chí khí của người, tác giả nói về tre cũng là để nói về phẩm chất của con người.  -> Tre là hình ảnh tượng trưng cho con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.  c. Kết bài: Khẳng định vẻ đẹp của hình ảnh tre Việt Nam  Tre là biểu tượng cho con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. |

BTVN: Viết mở bài và kết bài cho 2 đề sau:

Đề 1: Cảm nghĩ của em về bài ca dao “ Con cò mà đi ăn đêm”

Đề 2: Cảm nghĩ của em về bài thơ “ Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh” của Lý Bạch.

- Về nhà học bài, ôn tập, củng cố luyện viết các phần trong bài văn cảm nghĩ về tác phẩm văn học

- Làm bài tập về nhà

- Chuẩn bị